

I THÁNG 12 NĂM 1971

BACH KHOA

năm mười lăm

VIỆT PHƯƠNG cuộc đi thăm Bắc-kinh và Mạc-tư-khoa,
một nước cờ quyết định của Tổng thống Nixon * TỬ
TRÌ, * Willy Brandt, giải Nobel hòa bình 71 * VŨ TIẾN
PHÚC đọc «Viễn Đông Liên-sử» của Maria Penkala *
TRẦN VĂN TÍCH những biến-thể của châm thuật trong
Trung-Y hiện đại * NGUYỄN THỊ NGỌC THẨM trên
đường giải phóng * VÕ QUANG YẾN tìm hiểu phản vật
chất * BACH KHOA đàm thoại với Bình-Nguyên-Lộ,
tác giả «Nguồn gốc Mã-lai của dân tộc Việt», người
thách thức miền Bắc bác được thuyết của ông *
TRẦN-LÊ NGUYỄN-VŨ đường lên Berlin * HỒ MINH
DŨNG một nơi cao nhìn xuống * TƯỜNG LINH bắt
cổ phong cho Cuồng Vũ * Ý YÊN hương đời xa *
SINH HOẠT * NHẤT ANH vai ý nghĩ vẽ giải thưởng

Dịch thuật 1971 * thời sự thế
giới * thời sự khoa học
* thời sự văn nghệ

358

TẠP CHÍ BÁCH-KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Sáng lập: HUỖNH VĂN LANG Thư ký: TÔN THẮT HÀM
HOÀNG MINH TUYNH Tòa soạn:
Chủ nhiệm: LÊ NGỘ CHÂU Quản lý: NGHIÊM NGỌC HUÂN
Chủ bút: NGUYỄN HUY NHÂN

GIÁ BÁO

MỖI SỐ 50đ.
SÁU THÁNG 550đ.
MỘT NĂM 1050đ.

Cao nguyên và Miền Trung, thêm cước phí máy bay 50 đ. một năm.

Ngoại quốc đường thủy: thêm cước phí 360 đ. một năm.

Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ông Lê-Ngộ-Châu 160 Phan đình Phùng Saigon, hoặc Tạp chí Bách-Khoa Thời-Đại trương mục 54.262 Tổng ngân khố Việt-Nam.

Bưu chi phiếu xin chuyển cho Tạp chí Bách Khoa Thời Đại 160 Phan đình Phùng Saigon, Trương mục 27-46, Trung Khu Saigon

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

trên bán nguyệt san BÁCH-KHOA

1 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	4000đ
1/2 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	2000đ
		oOo		
1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	3000đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	1500đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	800đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Ty Quản-lý Tạp-chí Bách Khoa, 160 Phan-đình-Phùng Saigon. Đ.T. 25.539.

BÁCH KHOA

Số 358 ngày 1-12-1971

VIỆT PHƯƠNG cuộc đi thăm Bắc-kinh và Mạc tư khoa một nước cờ quyết định của Tổng thống Nixon	05
TỪ TRÌ Willy Brandt, giải Nobel hòa bình 1971	13
VŨ TIẾN PHÚC đọc «Viễn Đông Liên sử» (A correlated history of the Far East) của Maria Penkala	17
TRẦN VĂN TÍCH vài nét chấm phá về Trung-y hiện đại : những biến thể của châm thuật trong Trung Y hiện đại	23
NGUYỄN-THỊ NGỌC-THẨM những bước tiến của phụ-nữ trong cộng-đồng nhân-loại : trên đường giải phóng	29
VÕ QUANG YẾN nhân chất anti-helium-3 vừa mới được chế tạo ở Serpoukhov : tìm hiểu phản vật chất	37
BÁCH KHOA đàm thoại với Bình Nguyên Lộc, tác giả «Nguồn gốc Mã-lai của dân tộc Việt», người thách thức miền Bắc bác được thuyết của ông	43
TRẦN-LÊ NGUYỄN VŨ đường lên Berlin (du ký)	49
HỒ MINH DŨNG một nơi các nhìn xuống (truyện)	57
TƯỜNG LINH bài cổ phong cho Cuồng Vũ (thơ)	66
Ý YÊN hương đời xa (thơ)	69
SINH HOẠT	
NHẤT ANH vài ý nghĩ về giải thưởng Dịch thuật 1971	73
TỬ DIỆP thời sự khoa học	75
THU THỦY thời sự văn nghệ	78
TỪ TRÌ thời sự thế giới	81

Chủ nhiệm : **LÊ NGỘ CHÂU**
Chủ bút :
Tòa soạn : 160, Phan Đình Phùng Saigon
Điện thoại : 25.539
H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ ĐĂNG
21, Nguyễn Thiện Thuật—Saigon
GIÁ : 50đ Công sở : 100đ
Cao-Nguyên và Miền Trung
thêm cước phí máy bay

Sách mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc.

— **Đời Bích Khê của Quách Tấn** do Lửa Thiêng xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 194 trang gồm 4 phần. Những quãng đời, Những cuộc tình duyên, Đời thơ, Chút tình riêng. Giá 250đ

Mộng kinh sư biên khảo của Phan Đà do Cảo Thơm xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày trên 240 trang, viết về dòng họ Nguyễn với thành Phú Xuân bằng một lối văn rất lối cuốn người đọc. Bìa Thái Tuấn, Hồ Hải trình bày. Bản đặc biệt.

— **Nguồn gốc Mã lai của dân tộc Việt nam khảo cứu của Bình Nguyên Lộc**, do Bách Bộc xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày ngót 900 trang, gồm 11 chương, trình bày những sai lầm về các giả thuyết đã có về nguồn gốc dân tộc V.N. và dấu vết Mã-lai trong xã hội V.N. với « 200 biểu đối chiếu so, ngôn ngữ cùng nhiều khám phá mới lạ về thượng cổ sử 5000 năm của dân ta ». giá 950đ.

— **Lời Dâng thi phẩm của Rabindranath Tagore**, giới thiệu của William Butler Yeats, bản dịch của Đỗ Khánh Hoan do Sáng Tạo xuất bản và gửi tặng.

Sách dày 120 trang, in trên toàn giấy croquis, trình bày rất đẹp, bìa của Hồ Thành Đức. Giá 250đ.

— **Người đẹp thành Rome (Tôi làm đi)** nguyên tác của Alberto Moravia. Trần Văn Điền dịch theo bản Anh văn « The Woman of Rome » của Lydia Holland, Sáng Tạo xuất bản và dịch giả gửi tặng. Sách dày 516 trang. Giá 500đ.

— **Bát com truyện ký của Vũ Bằng** do Tân Văn xuất bản và gửi tặng. Sách dày 120 trang gồm 9 truyện của tác giả. Giá nhất định 50đ.

— **Cõi người và hột bụi tập truyện** của Phạm Thuận do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày 126 trang, gồm 6 truyện ngắn. Bản đặc biệt. Giá bản thường 200đ,

— **Luận văn chương và giải Đề thi Tú tài I A B C D của Vũ ký** do Trí Đăng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 300 trang gồm 2 phần chính: Phần Luận Văn chương (phân tích và nghị luận) Phần giải đề-thi Việt văn Tú Tài I từ năm 1965 đến 1971. Giá 290đ

— **Dưới bóng ngậm ngùi tập thơ** của Vũ Phan Long, do Cơ sở Tây Sơn xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 100 trang gồm 50 bài thơ, tranh bìa do họa sĩ Trịnh Cung và chân dung tác giả do Nguyễn Phan Minh họa. Phần chót « Góp lực đèo bồng » ghi cảm tưởng phê bình của Quách Tấn, Lam Giang và Thi Vũ. Bản đặc biệt.

CÙNG QUÍ BẠN VIẾT BÀI CHO BÁCH KHOA

Bách khoa số kỷ niệm 15 năm và Số Tết Nhâm Tý

sẽ phát hành vào khoảng trung tuần tháng 1-1972. Vậy xin quý bạn vui lòng gửi bài về Tòa soạn cho trước ngày 15-12-71.

Tòa soạn Bách-Khoa chân thành cảm ơn quý bạn.

Cuộc đi thăm Bắc-kinh và Mạc-tư-khoa một nước cờ quyết định của T.T. Nixon

□ VIỆT-PHƯƠNG

Tháng 7-1971, Tổng-thống Nixon đã làm ngạc nhiên cả thế giới trong việc gửi cố vấn Kissinger qua Bắc-kinh và loan báo việc qua thăm Trung Cộng vào trước tháng 5 năm tới. Một vị Tổng-thống Hoa-kỳ được coi là chống Cộng mạnh nhất, nay bỗng đứng thay đổi thái độ để trở thành vị Tổng-thống Hoa-kỳ đầu tiên thăm viếng Bắc-kinh, kẻ thù Cộng sản quyết liệt nhất. Đó là điều mà người ta khó lòng có thể tưởng tượng ra được, chỉ mấy tháng trước thôi. Gần 3 tháng sau, nghĩa là ngày 29-9-1971, Ngoại-trưởng Liên-xô Gromyko đã chính thức gửi lời mời Tổng-thống Nixon qua thăm Mạc-tư-khoa và Tổng-thống Nixon đã chính thức nhận lời qua thăm Mạc-tư-khoa vào tháng 5-1972 sau khi thăm viếng Bắc-kinh. Và để trấn-an dư-luận, Tổng-thống Nixon đã quả quyết là 2 cuộc viếng thăm đó hoàn toàn không ăn nhập gì với nhau. Nhưng chỉ có những kẻ ngây thơ thì mới tin là như vậy.

Có người cho là quyết định đi Bắc-kinh rồi lại đi Mạc-tư-khoa, Tổng-thống Nixon đã áp dụng phương-pháp của Metternich, một nhà ngoại-giao lỗi lạc của Áo vào thời-kỳ hậu Nã-phá-luân, giữ sự thăng bằng giữa các cường quốc Nga, Phổ, Anh, Áo, Pháp, để tránh sự chỉ trích của cả cánh hữu lẫn cánh tả. Nhưng đây chỉ là bề ngoài. Trong cuộc giao thiệp tam phương giữa Hoa-thị-hiền - đốn,

Bắc-kinh, Mạc-tư-khoa hiện nay, Hoa-kỳ là nước xoay sở có vẻ dễ dàng nhất. Bắc-kinh và Mạc-tư-khoa đang găng nhau trong cuộc tranh chấp ý-thức-hệ và không bỏ lỡ cơ hội nào để tố cáo nhau cấu kết với đế-quốc và làm hại cho các phong-trào giải-phóng dân-tộc. Chỉ có Hoa-kỳ, để giải quyết những khủng-hoảng của mình, đã không ngại tiếp xúc với cả bên này lẫn bên kia. Trong những cuộc tiếp xúc song phương đó, Hoa-kỳ còn cố ý nhằm đào sâu thêm mâu thuẫn giữa hai đại-cường Cộng-sản.

Một chính sách chống Cộng cứng rắn, đối với Tổng-thống Nixon không còn hợp thời nữa. Vì thế nên với cuộc tuyên bố đi thăm Bắc-kinh và Mạc-tư-khoa ông đã phát động một chính sách mới sẽ còn tiếp tục trong nhiều năm nữa. Ta nên biết là trước kia chỉ mới có cố Tổng-thống Roosevelt là đã bước chân vào đất Nga (1945). Ông đã đến Yalta để họp hội với Churchill và Staline để bàn việc phân chia thế giới sau Đại-chiến II. Trái lại Kroutchev đã đến Camp David (1959) để gặp Tổng-thống Eisenhower và Kossygine đã đến Glassboro (1967) để gặp Tổng-thống Johnson. Tổng-thống Eisenhower đã nhận lời qua viếng Liên-xô vào năm 1960, nhưng cuộc viếng thăm đó đã bị Mạc-tư-khoa hủy bỏ vì vụ U2. Riêng Tổng-thống Nixon, khi còn là Phó Tổng-thống, đã có lần qua Mạc-tư-khoa và đã

có một cuộc tranh luận sôi nổi với Kroutchev trong một căn nhà kiêu mẫu của triển lãm Hoa-kỳ. Năm 1966, ông cũng có qua thăm Liên-xô một lần nữa nhưng các nhà lãnh đạo xô-viết đã không tiếp ông vì cho ông là một chuyên viên thất bại. Bắt đầu từ năm 1968, sự giao-thiệp Nga-Mỹ đã bước qua thời kỳ chống đối để sang thời-kỳ thương-thuyết.

Thái độ của Tổng-thống Nixon đối với Bắc-kinh cũng vậy. Ngay từ thời-kỳ còn là Phó Tổng-thống, tuy có một lập trường chống Cộng rất mạnh nhưng ông vẫn chủ trương cần phải có những cuộc tiếp xúc nghiêm chỉnh với Trung Cộng. Nhưng phải chờ tới cuối năm 1971 ý nguyện đó mới đạt được.

Việc ông cố vấn Kissinger sang Bắc-kinh lần thứ hai vào cuối tháng 10-71 trùng hợp với việc LHQ biểu quyết chấp nhận Bắc-kinh và trục xuất Đài-loan. Việc đó khiến nhiều người liên tưởng rằng Tổng thống Nixon đã hy sinh con bài Tưởng-Giới-Thạch cho cái mộng đi thăm Bắc-kinh của ông. Thực vậy nếu Trung Cộng không được vào LHQ năm nay thì chắc là trên bước đường đi Bắc-kinh, Tổng-thống Nixon sẽ gặp nhiều chông gai và không chừng sẽ thất bại. Khi đó thì ván cờ của ông bày ra để nhằm củng cố cái ghế Tổng-thống Hoa-kỳ sẽ bị xóa bỏ hay ít nhất cũng lâm vào thế bí nghiêm trọng. Bắc-kinh quay mặt đi thì cuộc thăm viếng Mạc-tur-khoa của ông cũng chẳng giải quyết được gì. Thời kỳ tiền bầu cử sắp đến

nơi rồi, không cho phép ông trì hoãn lâu hơn nữa.

Nhưng nhiều người cũng lại cho rằng cái « cú đúp » ngoạn mục của Tổng-thống Nixon, báo tin đi Bắc-kinh rồi lại đi Mạc-tur-khoa làm cho đối thủ của ông phải choáng váng : đối lập ngậm miệng, phản chiến hoang mang, Hà nội lúng túng, Bắc-kinh, Mạc-tur-khoa tố cáo lẫn nhau, thì ông lại bị hai « cú » khác đau điếng : đó là việc LHQ trục xuất Đài-loan, và việc Thượng-viện Mỹ cúp chương trình viện trợ ngoại quốc.

Người ta cho đây là một thất bại thực sự của Tổng thống Nixon chứ không phải là một dàn cảnh để cụ Tưởng khởi mắng mình là Sở khanh. Bởi lẽ việc trục xuất Đài-loan đã làm cho Hoa-kỳ mất mặt đến độ vai trò lãnh-đạo của Hoa-kỳ ở L.H.Q. bị coi như đã thương tổn nặng nề. Không có lý Hoa-kỳ lại bố trí để cho mình thất bại nhục nhã chỉ cốt để mở cửa một tòa nhà trong đó còn biết bao nhiêu là ngõ ngách bí hiểm.

Cũng như người ta không thể giải thích việc Thượng-viện Mỹ cắt chương-trình ngoại viện như là việc chính phủ Hoa-kỳ cảnh cáo các nước nhận viện trợ của Mỹ mà lại đi bỏ phiếu chống Mỹ ở LHQ. Cái nước chịu ơn Mỹ nhiều nhất mà lại bỏ phiếu trục xuất Đài-loan là Israel ; liệu Mỹ có dám bỏ không viện trợ cho Israel để làm cho thế quân binh ở Trung Đông bị sụp đổ không ?

Có thể đây là một liên-hiệp hành-động giữa phe bồ câu và điều hâu tại Thượng viện. Bồ câu thì không muốn cho chính phủ có những phiêu lưu mới còn điều hâu thì muốn trả thù những đàn em khó bảo. Nhưng chắc chắn đó không phải là một bố trí của Tổng-thống Nixon. Vì Tổng-thống Nixon đã thực sự choáng váng và tức giận trước những hành động mà ông gọi là «vô trách nhiệm» của Thượng-viện cũng như ông đã choáng váng và tức giận trước hành-động của Liên-Hiệp-Quốc.

Hai hành động ngoạn mục kia, cách nhau không đầy một tuần lễ và tiếp theo là những sửa soạn ráo riết để tiếp xúc trực tiếp với Bắc-kinh và Mạc-tur-khoa, tuy có đau đớn cho ông và có thể ngoài ý muốn của ông, nhưng nó đã đẩy mạnh ông hơn trên bước đường tìm kiếm hòa-bình. Nước cờ lúc đầu do ông bày ra, nhưng về sau, càng đi sâu, càng gặp những thế mới, hóc hiểm, khiến ông không còn thể lùi bước được nữa.

Ngày nay ông bắt buộc phải chơi ván cờ với Trung Cộng ở LHQ có cả Mạc-tur-khoa xen vào, lại còn cả khối Á-Phi, ngót 100 nước, mỗi ngày một khó bảo thêm; ván cờ đó ông cũng lại phải chơi cả ở ngoài phạm vi LHQ trong những cuộc tiếp xúc song phương với Bắc-kinh và Mạc-tur-khoa.

Tuyên truyền công khai của Hoa-kỳ nói là những cuộc tiếp xúc sơ khởi và cả những cuộc tiếp xúc chính-thứ sẽ không bàn tới vấn-

đề Đông-Dương. Nhưng trên thế giới hiện nay, còn vấn đề nào cấp thiết hơn vấn đề giải quyết hòa bình ở Đông Dương? Tổng-thống Nixon còn những vấn đề gì quan trọng hơn để nói với cả Bắc-kinh lẫn Mạc-tur-khoa trong khi cả hai cường quốc cộng sản đều đã lên tiếng là Tổng thống Nixon muốn cho các cuộc tiếp xúc được tốt đẹp thì phải giải quyết cuộc chiến tranh Đông-Dương trước đã.

Thành ra hành động của Liên-Hiệp-Quốc và của Thượng-viện Mỹ không những đã không cản trở Tổng thống Nixon trong việc thực hiện kế hoạch của ông mà còn thúc đẩy ông mạnh hơn trên con đường mưu cầu hòa bình cho cuộc chiến Đông Dương, dù thực sự ông có thiện chí đó hay không. Ông không thể đi một đường lối khác hơn được nếu ông muốn cho ông và đảng ông thắng cử trong năm tới. Trong những ngày tháng tới đây, chắc chắn ông phải dần dần rút ngòi nổ cho cuộc chiến Đông Dương, dù ở trong tình thế nào chăng nữa. Ông không còn nhiều thì giờ để chọn lựa. Giờ thứ 23 đã điềm rồi.

Sửa soạn cuộc đi thăm Bắc-kinh, Mạc-tur-Khoa, Tổng-thống Nixon đã đi một nước cờ quyết định. Hòa-bình Đông-Dương sẽ đến trong những ngày gần đây, sau những cuộc thăm viếng thượng đỉnh. Nhưng con đường đó phải đi qua cuộc hội đàm Paris chứ không thể đi tắt ngang và vượt qua đầu các phe lâm chiến. Sau cùng cuộc chiến tranh Đông-Dương sẽ phải được giải quyết giữa những

người Đông Dương với nhau. Tổng thống Nixon dù muốn, dù không cũng phải đổi chương trình «Việt-nam-hóa chiến tranh» của ông thành một chương trình «Việt-nam-hóa hòa bình» Chính phủ của Tổng-thống Nguyễn-văn-Thiệu phải tạo cho mình cái thể nhân dân để chuẩn bị cho một giai đoạn mới, giai đoạn tranh thủ với đối phương bằng những phương tiện hòa

bình. Đã đến lúc người Mỹ trao trả lại cho chúng ta tất cả cái gánh nặng quyết định lấy vận mệnh của đất nước chúng ta. Họ ở trong cái thế phải làm như vậy và tự ta phải cứu lấy ta, nếu không thì con thuyền sẽ lật vì không biết xuôi buồm thuận gió, như một nghị sĩ đã từng nêu lên.

VIỆT-PHƯƠNG

CHÚC MỪNG

ĐOÀN CÔNG CHÁNH PHÚ LỘC — HÀ NGỌC LAN

trăm năm hạnh phúc

Vợ chồng Trần-Đại, Nguyễn-quang-Tuyển, Nguyễn-văn-Ân, Trần-trọng-Thức, Trần-văn-Tài, Nguyễn-huỳnh-Mai

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(**S. O. A. E. O.**)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Tường-Tập (Khánh-Hội) SAIGON

Tél : 21.266 — 21.273

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON ETC...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique
Installations de gazothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE LA
CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS

Willy Brandt

giải Nobel hòa-bình 1971



Willy Brandt và bà vợ sau khi có tin được giải Nobel hòa bình

Ngày 20 tháng 10 năm 1971 Ủy ban đặc-biệt của Quốc-hội Na-uy đã quyết định trao giải Nobel về Hòa bình cho ông Willy Brandt, Thủ-tướng Tây-Đức. Lý do chánh thức của sự tặng thưởng này là «chính sách hòa-giải giữa các quốc-gia trước kia là thù nghịch».

Trao giải thưởng Nobel về hòa-bình cho một người Đức là một điểm quan trọng. Hơn 25 năm sau khi Đức quốc xã đầu hàng, nhiều quốc-gia trên thế giới, nhất là các quốc-gia Âu châu còn tiếp tục nhìn Đức bằng một con mắt thù hận. Truyền thống độc tài quân phiệt Đức vẫn còn là một điểm khiến người ta luôn luôn tỏ ra dè dặt trong bang giao

với Đức: trao giải thưởng Nobel về hòa-bình cho một lãnh-tụ chính-trị Đức khi còn đang cầm quyền lại còn là một điểm quan trọng hơn nữa. Người ta có cảm tưởng rằng khi trao giải này cho Willy Brandt Quốc-hội Na-uy muốn chứng-minh rằng Tây Đức đã dứt khoát với một quá khứ biểu-chiến để mạnh bạo dẫn thân vào một chính sách hòa-giải.

Willy Brandt không những tượng trưng cho một nước Đức trở nên hòa hoãn vàc thời hậu chiến mà ông còn là một người có công đưa nước Đức tới một thái độ hòa hoãn hiện thời. Cuộc đời của ông là cả một cuộc tranh đấu chống độc tài để bảo vệ hòa-bình. Từ một đảng viên Xã-hội dân-chủ bị chính quyền Hitler truy nã cho đến địa-vị Thị trưởng Tây Bá-Linh, Willy Brandt đã luôn luôn đương đầu với mọi bạo lực. Khi lên cầm quyền Thủ-tướng ông đã bắt đầu có cơ hội áp dụng chính-sách hòa giải để bảo đảm một nền hòa bình lâu dài tại Âu-châu.

Một quá khứ chống độc tài

Willy Brandt là người Đức thứ 4 được giải-thưởng Nobel về hòa-bình. Người Đức đầu tiên được giải này là Gustav Streseman, Ngoại trưởng Đức vào năm 1926. Nhưng Streseman không được trọn cả giải thưởng mà phải chia với Aristide Briandt, Ngoại trưởng Pháp. Streseman và Briandt là hai nhân vật Âu

châu đã cố gắng củng cố hòa bình sau Thế chiến thứ 1, Trong công cuộc đi tìm hòa-bình Streseman và Briand đã ký hiệp-ước cộng tác Pháp-Đức tại Locarno vào năm 1925. Hiệp-ước Locarno đã là bước đầu tiên trong các toan tính hòa-giải hai dân-tộc cựu-thù.

Năm 1927 lại đến phiên L. Quidde, một dân-biểu Đức, được giải Nobel chung với người Pháp, Buisson. Năm 1935 Carl Von Ossietzky, một ký-giả Đức, được giải này. Nhưng khi được giải Ossietzky đã bị Hitler bắt bỏ tù từ 2 năm trước. Và năm 1937 Ossietzky bị chết ở trong nhà tù của chế độ Quốc-xã Đức.

Khi Ossietzky được giải Nobel thì cũng là lúc Willy Brandt phải nằm trong đáy một chiếc thuyền câu để trốn sang Na-uy, bắt đầu cuộc tranh đấu tích cực chống độc-tài Hitler.

Willy Brandt tên thật là Herbert Karl Frahm sinh năm 1915 tại Lubeck một tỉnh trên ven biển Baltique. Con của một cô bán hàng tạp hoa và của một người cha vô danh, nên Herbert Karl lấy họ mẹ. Ngay từ khi còn ở bậc tiểu học Herbert Karl đã tỏ ra ưa thích đảng Dân chủ Xã-hội. Chưa đầy 20 tuổi Herbert Karl đã gia nhập đảng này. Khi Hitler lên cầm quyền vào năm 1933, chính thể Quốc xã đã thẳng tay đàn áp các đảng đối lập tả phái cũng như hữu phái. Các đồng chí của Herbert Karl trong đảng Xã-hội Dân-chủ lần lượt bị cơ quan mật-vụ Gestapo bắt giữ. Để thoát khỏi số phận này Herbert Karl đã trốn vào khoang một chiếc thuyền câu sang tỵ nạn ở Na-Uy.

Tại Na-Uy Herbert Karl Frahm lấy

l' danh là Willy Brandt để che mắt nhà cầm quyền Đức Quốc-xã. Cũng tại nơi này Willy Brandt trở thành một ký-giả có tài. Với tên giả và một giấy thông-hành Na-uy giả, Willy Brandt đã tham gia cuộc nội chiến ở Tây-ban-nha chống chính thể độc-tài của Tư-ông Franco. Willy Brandt đã không ngần ngại tới Bá-ling để tìm tài-liệu cho những bài báo chống đảng Quốc xã. Ông đã táo bạo đột nhập vào cả văn-khố của đảng Quốc-xã nữa.

Năm 1941 khi Đức Quốc-xã xâm lăng Na-uy thì Willy Brandt đang làm việc cho hội Hồng-thập-tự của nước này. Sợ rằng quân Đức tìm được tung tích ông, các bạn ông đã để ông mặc quân phục Na-uy. Bỏ thẻ khi rơi vào tay Đức Willy Brandt bị Quân đội Đức bắt làm tu binh, thay vì bị cơ quan mật-vụ Gestapo bắt. Ít lâu sau Willy Brandt trốn khỏi trại tù binh Đức sang ẩn náu tại Thụy-điển. Tại đây ông phục vụ chính phủ Na-uy lưu vong và được chính phủ này đổi sang quốc-tịch Na-uy.

Các đối thủ của ông thường đã kích ông là đã cầm võ khí đánh lại chính nước ông. Nhưng Willy Brandt cho rằng ông không bao giờ đánh nước Đức mà chỉ tranh đấu chống một chính-phủ độc-tài mà chính người Đức cũng thăm thù chống đối.

Chiến tranh chấm dứt, Willy Brandt trở lại Đức với tư cách ký-giả. Ông tới Nuremberg để theo dõi vụ xử các phạm nhân chiến tranh. Lúc đó ông cưới cô Ruth, một thiếu nữ Na-uy mà ông gặp tại Stockholm hai năm về trước. Năm 1947, Willy Brandt cũng quyết định trở lại quốc-tịch Đức.

Tại Bá-ling, một đô-thị bị chia làm 4 khu do Anh, Nga, Pháp, Mỹ chiếm đóng. Willy Brandt đã liên kết với Ernst Reuter. Khi thành phố Tây Bá-ling bị Nga phong tỏa vào năm 1948 Willy Brandt đã tiếp tay một cách hữu hiệu với Reuter khi đó làm Thị trưởng Bá-ling trong việc cầm cự với áp lực của Nga. Năm 1949 với sự bảo trợ của Reuter, Willy Brandt đắc cử dân-biểu Cộng-hòa Liên-bang Tây-Đức mới được thành lập. Tại Quốc-hội Đức, Willy Brandt đã nổi tiếng là một kẻ thù của phe Cộng-sản. Thật vậy ông không muốn Tây Đức bị rơi vào ách của độc tài Cộng-sản sau khi phải gánh chịu độc tài của Hitler.

Tuy chống Cộng-sản nhưng Willy Brandt biết rằng Đức không thể nào dùng võ lực để lấy lại được miền Đông Đức. Ông chỉ chủ trương bảo-vệ nền độc-lập của Tây-Đức trước đe dọa xâm lăng của Cộng-sản mà thôi. Tháng 11-1956 dân chúng Tây Bá-ling biểu tình phản đối Nga xâm lăng Hung-gia lợi. Trong một lúc quá công phẫn họ không còn biết gì là nguy hiểm rủ nhau tràn qua cổng Brandebourg, ranh giới giữa khu-vực Tây và Đông Bá-ling, để đánh đuổi lính Nga. Biết rằng dân Tây Bá-ling tay không, nếu vượt qua cổng Brandebourg chỉ làm mồi cho súng liên thanh của lính Nga nên Willy Brandt đã vội vã cùng với vợ tới cửa Brandebourg để năn nỉ dân Tây Bá-ling đừng làm một cử chỉ điên cuồng như vậy. Trong khi Brandt cùng với mọi người đứng hát thì vợ ông cố gắng thuyết phục những người ôn hòa hơn và cùng với họ, bà cầm tay làm thành một hàng rào đẩy dần

đoàn người biểu tình lui trở lại. Hai vợ chồng ông Willy Brandt đã giúp cho dân Bá-ling tránh được một cuộc đổ máu vô ích. Nhưng cũng vì thế mà Willy Brandt được mọi người ca tụng là một nhà lãnh đạo sáng suốt và khôn ngoan.

Năm 1957 Willy Brandt đắc cử Thị-Trưởng Bá-ling. Trong chức vụ này ông luôn luôn phải đối phó với áp lực của phe Cộng-sản nhằm chiếm thành phố này. Năm 1960 ông đã phải khoanh tay chịu để cho Đông Đức xây bức tường ô nhục. Năm 1961 khi Krouchtchev dọa phong tỏa Bá-ling lần nữa, ông đã cố gắng bình tĩnh trấn an dân chúng. Và bắt đầu từ năm 1964 ông đã thương thuyết với chính quyền Cộng-sản Đông Bá-ling để cấp chiếu khán cho các người Tây Bá-ling được sang Đông Bá-ling thăm gia-đình. Năm 1967 dưới sự lãnh đạo của ông, đảng Dân-chủ Xã-hội đã từ bỏ vai trò đối-lập để tham gia chính quyền cùng với đảng Dân-chủ Thiên-Chúa-giáo. Willy Brandt được cử làm Phó Thủ-tướng kiêm Tổng-trưởng Ngoại-giao trong nội các của Thủ-tướng Kurt Kissienger, nhưng trong nội các này đảng Dân-chủ Xã-hội chỉ có một địa vị thứ yếu nên ông Brandt không có dịp áp dụng những tư-tưởng của mình. Tháng 10. 1967 tuy đảng Dân-chủ Xã-hội chỉ là một đảng số 2 tại Quốc-hội, nhưng Willy Brandt đã liên kết với đảng Tự-do để lập một nội các do ông chủ tọa và không cần sự tham gia của đảng Dân-chủ Thiên-Chúa-giáo... Với chức vụ Thủ-tướng, Willy Brandt đã có thể có đủ phương tiện để đưa ra một chính-sách hòa-giải với các quốc-gia bạn cũng như thù.

Một chính sách hòa giải

Tuy bị mất chính quyền nhưng đảng Dân-chủ Thiên-Chúa-giáo vẫn là một đảng có đông dân-biểu nhất tại Quốc-hội Nội các liên-hiệp Dân-chủ Xã-hội—tự do của ông Willy Brandt chỉ có được 3 phiếu đa số nên ông Brandt đã hết sức thận trọng trong chính sách hòa giải với các nước Cộng-sản Đông-Âu. Ngay từ khi lên nắm chính quyền, ông Willy Brandt đã cử một loạt các sứ giả sang thương thuyết tại Nga, Ba-lan, Tiệp-khắc v.v.. Quan-trọng hơn hết là sứ-mạng trao cho ông Egon Bahr, để sang thương thuyết với Nga.

Chính sách «Đông-phương» của Willy Brandt mà người Đức gọi là «Ost Politik» đã đánh dấu một giai-đoạn mới của lịch-sử bang giao Đức. Thật vậy, các quốc-gia Đông-Âu, kể cả Nga trước kia luôn luôn là nạn nhân của các cuộc xâm lăng Đức. Dân chúng Ba-lan vẫn chưa quên cảnh điêu tàn của thành phố Prague khi bị không quân Đức oanh-tạc năm 1939. Dân Nga cũng chưa quên rằng cuộc xâm lăng Đức đã làm cho họ tổn thất mất 17 triệu người trong trận chiến tranh thế-giới thứ hai.

Sau khi Đức bại trận cũng vậy, bang giao giữa Tây-Đức và các quốc-gia Đông-Âu vẫn không được cải-thiện, chỉ vì Đức là một quốc-gia hội-viên của Minh-ước Đại-Tây - Dương và là một tiền-đồn phòng-thủ của Minh-ước này. Các chính-phủ của đảng Dân-chủ Thiên-Chúa-giáo đều luôn luôn có một thái-độ cứng rắn đối với khối Cộng-sản. Theo

thuyết Hallstein, Tây-Đức đoạn giao với tất cả các quốc-gia nào thừa nhận Đông-Đức. Thuyết Hallstein đã được Tây-Đức áp dụng để đoạn giao với Ba-lan, Tiệp-khắc, Nam-tu...

Với Willy Brandt, Tây Đức đã có một thái độ mềm dẻo hơn. Willy Brandt cho rằng khi mà chính Mỹ đang bắt tay với Nga để đẩy mạnh cuộc sống chung hòa-bình, khi Tướng De Gaulle muốn là một nhịp cầu nối liền hai khối Đông-Tây thì Tây-Đức không có lý do gì mà không hòa-giải với các quốc-gia Đông-Âu Nhất là khối Tây-Âu giờ đã đủ mạnh về cả phương - diện kinh-tế lẫn quân sự để có thể đương đầu với các âm mưu thôn tính của phe Cộng-sản. Phe Cộng-sản cũng không còn là một khối thống-nhất và ngoan ngoãn nằm trong tay Nga nữa nên các âm mưu xâm lăng của Nga không còn là một đe dọa đáng kể. Ngoài ra nếu các quốc-gia Đông-Âu hợp tác với Tây-Đức tức là họ coi Đông-Đức như một tiểu nhược quốc không đáng kể.

Chính-sách hòa-giải với Đông-Âu còn cho Tây-Đức một lợi điểm nữa là thoát khỏi vòng kiềm tỏa của các đại cường Anh, Mỹ, Nga. Từ khi được thành lập tới nay Tây-Đức tuy là một đồng minh của Anh, Pháp, Mỹ, nhưng Tây-Đức vẫn phải chịu một qui-chế đàn em. Hơn một phần tư thế-kỷ sau khi phải hạ khí giới đầu hàng, Tây Đức đã có một mức phát triển kinh-tế vượt bậc nên nước này không còn có thể tiếp tục chấp nhận một qui-chế yếu kém như trước nữa. Cộng tác với Đông-phương sẽ là một

(xem tiếp trang 85)

đọc « Viễn - Đông Liên - Sử » (*A correlated history of the Far East*) của Maria Penkala

Trong giao tình thân hữu, càng hiểu biết về quá khứ của nhau, giao tình càng thân thiết, sâu xa. Tình hữu nghị giữa các dân tộc cũng vậy. Bởi thế, việc tìm hiểu nhau qua lịch sử là một việc không thể thiếu sót bởi vì cuộc sống của các dân tộc còn tồn tại đến ngày nay là cuộc sống miên trường.

Á châu cũng có một trung tâm của nhân loại sơ thủy ở vùng Tư Dương (Tứ Xuyên), Liễu Giang (Quảng Tây) như thung lũng Oldwai ở Đông Phi vậy. Lịch sử các nước Á châu đáng được các học-giả Âu Mỹ cũng như các chính khách quốc tế tìm hiểu một cách thấu triệt, tinh tường. Theo Heine Geldern, ở Trung Nam Mỹ có di tích văn hóa Đông Sơn trong kiến trúc và triết ngữ các dân tộc Maya, Inca là những dân tộc đã làm vẻ vang cho văn minh nhân loại với một nền chính trị xã hội nhân ái...

Hoa-kỳ từ, khi tranh thủ được độc lập, không ngớt phát triển quốc thể, mở mang quốc thổ về phía Thái-bình dương. Khoảng giữa thế-kỷ XIX, Hoa-kỳ đến Cựu-kim-sơn, qua thế kỷ XX, năm 1960 tân biên cương của Hoa-kỳ là quần đảo Hạ-uy-di ở giữa muôn trùng sóng biển. Thế lực kinh tế, chính trị của Hoa-kỳ dần trải từ Đông Bắc Á (Cao Ly, Nhật Bản)

đến Đông Nam Á (Việt Nam, Thái Lan), với các trục Mỹ-Hoa đương thành hình, việc tìm hiểu lịch sử các nước Viễn Đông đối với các học-giả và nhất là đối với các chính khách Hoa-kỳ trở nên cấp thiết hơn bất cứ lúc nào hết.

Sách Viễn Đông Liên Sử (*A correlated history of the Far East*) của Maria Penkala đáp ứng đúng nhu cầu ấy, đáng kể là một quyển sử lược hợp thời. Nhưng những người Á châu sẽ vui lòng hơn nếu việc biên-tập được thực hiện một cách đúng đắn hơn, chu đáo hơn...

oOo

Với danh từ Viễn-Đông, Maria Penkala dẫn bút lực về 3 nước Trung hoa, Nhật bản, Đại hàn. Trang sách được chia làm 5 cột, Trung hoa, Nhật bản chiếm 2 cột lớn, Đại hàn được 1 cột nhỏ, còn lại 2 cột nhỏ ở hai bên, tác giả ghi những sự việc tương liên hoặc xảy ra đồng thời ở các nước khác trên thế giới và trong đó nhiều khi tác giả cũng đề cập đến Việt Nam. Cách ấn loát mỹ thuật, công phu, tên nhân vật được phiên âm sang mẫu tự La-tinh và muốn giữ đúng cách phát âm của người Nhật, tác giả chịu khó dùng những chữ u, o có dấu ngã ở trên. Những nguyên âm có dấu ngang dài,

Riêng về Việt-nam tác giả lại theo lối phiên âm cầu thả của những tay văn bút thời Pháp thuộc. bỏ phứt 5 dấu tiếng của người Việt khiến cho các nhân danh, địa danh thiếu phần đích thực, chính xác, khuyết điểm này làm cho những người Việt đọc Viễn-Đông Liên Sử cảm thấy khó chịu, bực mình. Đã thế mà còn ghi trật tên người, những người đứng hàng đầu trên Lịch sử Việt-nam, làm cho chúng ta thắc mắc không ít. Nhân đây, chúng tôi mạn phép xin liệt kê vài ba lỗi cầu thả điển hình.

Trang 41, cột nhỏ thứ 7 ghi :

Viet nam, 1075-77, Ly Thuong Viet wages war against the Sung.

Nếu chúng ta không thạo sử sách thì chúng ta không ngần ngại gì mà không ước đoán tên Ly Thuong Viet thành ra Lý Thượng Việt. Nghe cũng xuôi tai và có âm thanh Việt hóa lắm. Sự thực, vị danh tướng hưng binh đánh phủ đầu nhà Tống là Lý Thường Kiệt.

Trang 47, cột nhỏ thứ 7 ghi :

1284 85. Viet Nam. Mongol invaders under Togan defeated by Tran Hung Doc.

Nếu làm công việc của quý thầy thông ngôn Mỹ-Việt ngữ cấp tốc thì chúng ta có quyền dịch thẳng ra như thế này :

1284- 85. Viet Nam. Quân xâm lược Mông Cổ dưới quyền Thoát Hoan bị đánh bại bởi Trần Hùng Đốc!

Như vậy là được lắm rồi! Không

ai bắt buộc một thầy thông ngôn phải biết Togan là Thoát Hoan cả. Còn Tran Hung Doc mà có đoán là Trần Hùng Đốc thì cũng là thông minh.

Sự thực người V.N. ai cũng biết đó là chiến công của Trần Hưng Đạo ở Bạch Đằng Giang.

Trang 75, cột nhỏ thứ 7 ghi :

1963. South Viet Nam. President Ngo Dinh Niem and his brother Ngo Dinh Nhu assassinated.

Ghi chép như vậy thì có thể năm bảy chục năm sau, sẽ có người dịch rằng :

1963. Nam Việt Nam. Tổng thống Ngô Đình Niêm và người em là Ngô Đình Nhụ bị giết!

Dịch như vậy đâu có sai nếu chỉ đứng trên phương diện phiên dịch mà nói. Ngô Đình Diệm biến thành Ngô Đình Niêm hay Ngô Đình Niêm là còn tùy theo tài ước đoán của từng người. Chúng ta rất ân hận về sự việc người Pháp xáo trộn, gieo cái mầm gây sai lạc, lộn xộn, về các nhân danh, địa danh trên đất nước chúng ta. Sự sai lầm lộn xộn được phổ biến rất sâu xa đến nỗi ngày nay, chúng ta đính chính hoài, sửa cái danh cho được chính mà vẫn không làm sao đạt được kết quả như ý. Nhờ có sự cầu thả của người Pháp nên các sách Sử Địa của chúng ta mới có những sự biến đổi dị hình :

— Sông Ngâm thành sông Gầm,
 — Sông La Nga thành sông La Ngà
 — Sông Thu Bồn và phụ lưu là sông Bông biến thành sông Bung, các giáo sư danh tiếng biến nó thành sông Búng,

Những chuyện Lý Thường Kiệt ở thế kỷ XI, Trần Hưng Đạo thế kỷ XIII, thì có thể cho là vì lịch sử xa vời, Maria Penkala là người ngoại quốc có thể chép sai chứ còn sự việc năm 1963, thời sự còn nóng hổi mà sao cũng chép bậy như thế được.

oOo

Biết thân phận nhược tiểu, thối thì chúng ta cứ gác chuyện Việt Nam ra một bên mà đọc thử những điều tác giả ghi chép về Trung hoa là nước mà tác giả coi là quan trọng, dành riêng cho cột đôi rộng giấy... đến có lúc phải dùng cột ba nữa !

Hình như tác giả không cần liên lạc văn bút với giới giáo sư, học giả nên có những sự việc rất thông thường mà sách Viễn Đông Liên Sử vẫn cứ ghi sai. Như việc Thương Ưởng vào nước Tần sửa đổi chính trị theo đường lối nông chiến để đạt cho được cái mục đích quốc phú binh cường.

Sách Viễn Đông Liên Sử trang 17 ghi rằng :

Ch'in State

361-337 Hsiao King

337-310 Hui Wen Wang

338. d., Shang Yang descendant of the Royal family of Wei, minister of

Ch'in State, legalist philosopher killed in battle.

Ta thử dịch nghĩa như sau :

Nước Tần:

361 - 337. Hiếu Công

337 - 310 Huệ Văn Vương.

338. Cái chết của Thương Ưởng, giòng dõi hoàng gia nước Vệ, làm thượng thư nước Tần, pháp gia và triết gia, bị giết trong một trận đánh.

Ai cũng biết rằng Thương Ưởng (Vệ Ưởng) vào làm tướng quốc nước Tần, dùng chính sách độc tài huy động dân chúng vào việc sản xuất lương thực, tổ chức binh đội, đánh thắng nước Ngụy làm cho nước Tần được chư hầu kiêng nể. Người phản đối Tân pháp của Thương Ưởng lúc mới ban hành lại chính là thái tử. Thương Ưởng giận lắm, người trên không tuân luật pháp thì làm sao treo gương cho quân dân ? Ngặt vì thái tử là ông vua tương lai nên không thể gia hình, Thương Ưởng bèn tâu với Tần Hiếu Công cắt mũi xẻo tai hai vị sư phó của thái tử. Ông làm sư phó mà để học trò phạm luật thì ông phải chịu tội chứ sao ? Năm 337 trước Tây Lịch, Tần Hiếu Công qua đời, thái tử nối ngôi tức là Huệ Văn Vương. Hai vị sư phó bị gia hình ngày trước thừa cơ hội báo thù, tâu với Huệ Văn Vương, bãi ngay chức tướng quốc của Thương Ưởng, bắt phải lui về ấp phong ở Thương Ô lập tức. Trên đường về, xe ngựa đưa tiễn Thương Ưởng rộn

ràng. Hai vị sư phó lại dèm với Huệ Văn Vương rằng thế lực Thương Ưởng vẫn còn lớn lắm, sợ nó về đến phong ấp, cất quân làm phản thì nguy. Huệ Văn Vương liền sai kỵ binh đuổi theo bắt lại. Thương Ưởng phải chịu hình phạt 4 ngựa xé thây...

Tần Hiếu Công chết trước, Thương Ưởng mới bị tân quân tru戮. Năm 338 trước Tây Lịch rồi mới đến năm 337 trước Tây Lịch, cứ như thế nà đếm thụt lui. Chắc có lẽ Maria Penkala tính lộn năm tháng. Cái chết của Thương Ưởng, một vị cao khách trong nhà là Triệu Lương đã dự đoán trước rồi. Nếu Thương Ưởng biết nghe lời Triệu Lương, tìm người hiền đức hiền tài mà tiến cử, thay thế quyền vị cho mình, còn mình tự lui về ấp phong ngay từ lúc Hiếu Công còn ở ngôi vua thì đâu đến nỗi! Tiếc thay, Thương Ưởng tham quyền cố vị đề đến nỗi mình có công lớn với nước Tần mà lại bị Tần Huệ Văn Vương giết đi. Cứ xem cách chép Sử của Maria Penkala, ai cũng có cảm tưởng Thương Ưởng chết giữa sa trường, chết vì chiến trận.

Lại cũng trang 17, Maria Penkala chép về Tôn Vũ Tử như sau :

« Art of war » written by Sun Tsū, army commander of the State of Ch'i. « An army is easily raised, a leader is hard to find ». « To know thyself and to know the enemy is the secret of victory. »

Xin dịch xuôi như sau :

« Nghệ thuật Chiến tranh » do Tôn

Tử viết, Tôn Vũ làm tướng nước Tề. « Một đạo binh dễ kiếm, một viên tướng khó tìm. » « Biết mình, biết người, đó là bí quyết chiến thắng ».

Quyển « Nghệ thuật Chiến tranh » mà Penkala ghi ở đây là 13 chương Binh pháp của Tôn Vũ Tử, Cứ xem cách ghi chép này thì biết Penkala không hề thấy, không hề đọc Binh pháp Tôn Vũ Tử bao giờ. Chỉ trích có 2 câu danh ngôn đề giới thiệu quyển sách thôi, mà một câu thì không hề có ở trong sách, còn một câu thì lạc nghĩa ! Câu không hề có ở trong 13 chương Binh pháp là câu : « Một đạo binh dễ kiếm, một viên tướng khó tìm ». Thực ra, câu này là một câu cách ngôn quân sự Trung-hoa. Nguyên văn là « Thiên binh dị đắc, nhất tướng nan tầm ». Còn câu « Biết mình, biết người... » thì thiếu mất đoạn sau nên không được đúng tinh nghĩa. Nguyên văn của Tôn Vũ Tử là : Tri kỷ, tri bỉ, bách chiến bách thắng. Tri địa, tri thiên, thắng nãi khả toàn.

Nghĩa là : Biết mình, biết người, trăm trận đánh không mỗi mệt, hao mòn lực lượng.

Biết thiên thời, biết địa lợi, chiến thắng mới hoàn toàn.

Tiện đây cũng xin nói thêm rằng người ta quen nói : « Tri kỷ, tri bỉ, bách chiến bách thắng ». Nói như vậy là không thông ý nghĩa binh pháp, bởi vì Tôn Vũ Tử còn nói :

— Binh vô thường thắng.

Việc binh đâu có thể thắng hoài ! Cũng như đánh cờ còn có trận hòa

chứ ? Cái thứ chiến thắng mà Tôn Vũ Tử ky nhất là chiến thắng mà lực lượng hao mòn, bổ sung không kịp, hoặc tiềm lực suy giảm, không còn có cách bổ sung.

Bí quyết chiến thắng là : Biết sức mình, biết sức người, biết địa thế, biết thiên thời.

Penkala ghi Tôn Vũ Tử làm tướng nước Tề, điều này cũng sai trăm trọng luôn ! Chỉ có Tôn Tẫn, cháu nội của Tôn Vũ Tử mới làm tướng nước Tề, đánh thắng tướng nước Ngụy là Bàng Quyên. Còn Tôn Vũ Tử thì làm tướng nước Ngô, giúp vua Hạp Lư, đem 3 vạn quân Ngô mà đánh thắng 20 vạn quân Sở. Nước Ngô có một thời làm bá chủ ở Đông Nam Trung quốc, công nghiệp này là do Tôn Vũ Tử khai sáng một phần.

Sử sách mà làm cháu với ông nội, làm nước Ngô ra nước Tề, xáo trộn thứ tự thời gian, không gian thì còn gì đáng để cho người đọc khổ công đọc kỹ... ?

Điềm sơ vài trang mà thấy lỗi lầm nhiều quá vậy, nếu đọc kỹ thêm nữa, nêu ra nhiều lỗi lầm nữa thì cũng chỉ đến làm cho các bậc thức giả phải ngao ngán thò dài !

Điều làm cho những người có nhiệt tâm với văn hóa Đông-phương buồn phiền nhất là giới văn bút Mỹ ít có liên lạc thân hữu với giới văn bút những nước mà họ định tìm hiểu trình độ sử sách, văn hóa, nghệ thuật, văn chương.

Trong địa hạt văn hóa, khi cần phải

làm những công trình nghiên cứu nghiêm chỉnh thì không thể chỉ trông cậy vào khả năng của quý thầy thông ngôn. Nói những chuyện giao tế, giao dịch thực tế thông thường, mua nhà, thuê người, du ngoạn v.v... đó là phạm vi của quý thầy thông ngôn, còn việc văn hóa nên tìm học giả, văn sĩ mà học hỏi, trao đổi tài liệu, kinh nghiệm...

Những người có thực học bao giờ cũng khiêm tốn nhưng lại rất tự trọng. Muốn có một sự hợp tác đứng đắn, bổ ích cho văn hóa thì giới văn bút Mỹ phải có thái độ thành thật, cầu hiền.

Nếu không thì tốn phí giấy mực, phương tiện ấn loát. Sách, báo in thật đẹp, thật sang mà nội dung rất kém thì cũng chỉ đến cuộn tròn những trang hình màu, kết làm mảnh-mảnh treo cửa mà thôi . . Sự thực đau lòng và đáng buồn cho Chữ Nghĩa !

VŨ-TIẾN-PHÚC

SÁCH THIẾU NHI

Bách Khoa đã nhận được của nhà xuất bản Tuổi Hoa :

— *Thầy giáo làng của Võ Toàn và Gió thoảng của Phương Sơn đều thuộc loại Hoa Tím, mỗi cuốn gần 140 trang, truyện hay trình bày rất đẹp Giá mỗi cuốn 90đ. Xin cảm ơn nhà xuất bản và giới thiệu cùng bạn đọc*

Tủ-sách Hoa-Lư

ĐÃ PHÁT HÀNH

- 1.— Việt-Nam ca-trù biên-khảo: Của Đỗ-băng-Đoàn và Đỗ-trọng-Huề
- 2.— Triết-học tổng-quát : của Đỗ-trọng-Huề.
- 3.— Hương trà : của Đỗ-trọng-Huề.
- 4.— Những đại lễ và vũ khúc của Vua Chúa Việt-Nam : của Đỗ-băng-Đoàn và Đỗ-trọng-Huề.

SẼ P. ÁT HÀNH : vào đầu tháng 2/1972

ĐÔNG-Y LƯỢC-KHẢO

của Dược-sĩ ĐỖ-ĐÌNH-TUÂN

— Một cuốn sách không thể thiếu đối với các bạn tìm hiểu khoa Châm-cứu, nghiên-cứu Đông-Y, khảo-cứu tư-tưởng triết-lý Đông-phương.

— Tác phẩm Việt-ngữ đầu tiên khảo-cứu tổng-quát một cách khoa-học các vấn-đề cốt yếu của y-học cổ-truyền Trung-Hoa và Việt-Nam, với sự tham khảo gần 100 tài-liệu Hán, Việt, Pháp. Sách dày 500 trang khổ lớn, có phần Hán-tự đối chiếu, nhiều hình ảnh và chia làm 5 phần.

PHẦN I : *Lược-sử Đông-Y ở Trung-Hoa và Việt-Nam.*

Quan chức ngày xưa và thê-lệ hành nghề ngày nay của giới Đông-Y. Tiều-sử 118 vị danh-y và các nhà nghiên cứu thảo mộc.

PHẦN II : *Y-lý tổng-quát.*

Quan niệm triết-học nền tảng của Y-lý Đông-phương. Ngoại cảm và nội thương. Bệnh cơ lục yếu. Sự biến hóa của bệnh. Lục phủ ngũ tạng Kinh mạch. Sự chẩn đoán bệnh. Phép xem mạch.

PHẦN III : *Xử dụng dược-liệu.*

Sự chế biến dược-liệu. Các hình-thái của dược-phẩm. Sự áp dụng dược-liệu vào thực tiễn lâm sàng. Y-án.

PHẦN IV : *Thương hàn luận.*

PHẦN V : *Phương dược.*

Sách in có hạn, xin đặt mua ngay tại địa-chỉ phát hành, mỗi cuốn 820đ. Bản đặt mua trước sẽ có chữ ký, triện son của tác giả. Thư từ xin đề bà Vũ-thị-Mùi 311 Thành Thái, Saigon 5.

Vài nét chấm phá về Trung Y hiện đại :

Những biến-thể của châm-thuật trong Trung - Y hiện - đại

Châm-thuật, cũng như các bộ môn khác của Đông-Y, đều dựa vào một số nguyên-tắc và hệ-thống lý-luận căn-bản, vẫn biến-thiên, vẫn tiến lên trong không-gian và nhất là trong thời-gian, như Tây-Y.

Châm - thuật đã được trình - bày trong *Linh-khu*, bộ sách y-lý cổ-truyền xưa nhất đề-cập đến khoa châm-cứu. *Linh-khu* là thư-liệu Đông-Y kinh-diễn, được viết từ mấy nghìn năm về trước, chủ-yếu giảng về kinh lạc và châm-cứu, do đó người ta còn gọi *Linh-khu* là *Châm-kinh*. Chương thứ 7 của *Linh-khu*—chương *Quan-châm* (1) trình-bày rõ-ràng về 9 loại châm thông-dụng từ đời thượng-cổ. Chúng ta ghi-nhận các phương-pháp *mao thích*, *dương thích*, *bán thích*, *báo vãn thích* v.v... với những câu như : châm nhẹ là châm khế trên mặt da tê dại(2) châm lan là châm khế một điểm ở giữa và 4 điểm chung quanh(3), châm nửa là châm cạy và rút kim ngay(4) châm da báo là châm trái, phải, trước, sau(5)v.v...

Qua hàng chục thế-kỷ, vượt khỏi quê-hương Hiên Viên Kỳ Bá, châm-thuật mỗi ngày mỗi cải-cách, nhất là trong thời gian cận-đại và hiện-đại, với và do sự góp sức của khoa học và y-học tân-tiến, đặc-biệt là ở những

quốc-gia như Nhật-Bản, Triều-Tiên, Đức, Ý, Ba-lan, Nga-xô, Pháp, Hoa-kỳ và cả những nước ở châu Phi.

Riêng tại Trung-Hoa lục-địa, được khích-lệ bởi những thành-quả của châm-thuật trong điều-trị bệnh-tật(6), giới y-sĩ Hoa-lục đã đề-xướng nhiều cải-tiến.

(1) *Quan châm nghĩa là chân, đúng phương pháp, đúng quy-tắc được chính thức công-nhận.*

(2) *mao thích giã, thích phù tí bì-phu dã.*

(3) *dương thích giã, chính nội nhất, bàn nội tứ nhi phù chi.*

(4) *bán thích giã, thiên nội nhi tật phát châm*

(5) *báo vãn thích giã, tả hữu tiền hậu châm chi*

(6) Trong một số *Bách-Khoa gần đây* (BK số 335, ngày 15-10-1971), *Cụ Trần-tiến-Hy* có đề-cập đến vai-trò của châm-thuật trong lĩnh-vực gây tê. *Cụ chỉ đan-cử sự ứng-dụng châm-thuật trong điều-trị hai bệnh ruột thừa viêm cùng viêm hạch hạnh-nhân, và địa-bản áp-dụng cũng chỉ được tiên-sinh mô-tả ở Trung-Hoa lục-địa. Dựa theo các tài-liệu Tây-Y, chúng tôi xin bổ-túc vài con số khác, bên cạnh những dữ-kiện do vị tiền-b'i miền Bao-Vinh ghi-nhận- Năm 1958. ở Thượng-Hải, 116 ca viêm ruột thừa cấp-tính được điều-trị bằng châm-cứu (Chung Shan Hospital Department of Surgery : Acupuncture in treatment of acute appendicitis Chinese Medical Journal February 1960, số 80, trang 103-108) Từ 1955 đến*

(xem tiếp chú thích trang 24)

Vì quá thiếu tài-liệu nghiên-cứu nên trong bài này chúng tôi chỉ có thể trình-bầy đại-lược về ba biến-thể của châm-thuật đang thịnh-hành trong khối Cộng : nhĩ châm, thủy châm và mai hoa châm. Chắc chắn trong thực tế, vấn-đề còn phức-tạp và rộng lớn hơn nhiều.

Nhĩ châm

Nhĩ châm liệu-pháp là phương-pháp châm kim vào vành tai để chữa bệnh. Lý-luận căn-bản của liệu-pháp này là giữa tai với kinh mạch và nội-tạng có sự liên-quan vô cùng mật-thiết. Nếu Tây-Y cho rằng tai chỉ là cơ-quan thính-giác và quân-bình, chỉ giúp ta nghe và giữ thể vững, thì tiền-nhân Đông-phương, qua kinh-nghiệm thực-tiến, đã quy cho tai một số chức-năng rất phức-tạp.

Trước hết, Linh khu viết : nhĩ giả thận chi quan, tai là khiếu, là cửa ngõ của thận. Tương-tự như vậy, Tố Vấn cũng ghi : tại tạng vi thận, tại khiếu vi nhĩ. Vẫn trong Nội-kinh, ở thiên Tạng tượng, chúng ta có thể đọc : « Nam phương màu đỏ, thông vào đến tim, khai khiếu ở tai ». Tóm lại, tai có quan-hệ thiết-yếu với tim và thận. Theo Đông-Y, thận là thủy, tim là hỏa, hai chức-năng này có tác dụng tương-tế điều - hòa chặt - chẽ lẫn nhau.

Về hệ kinh lạc, thì trong những đường kinh đi qua tai, có ba kinh dương của tay và chân liên - quan mật-thiết với tai. Vì vậy thiên Khâu vẫn trong Linh khu cũng nói « Nhĩ vị tổng mạch chi sở tự ». Trên thực-tế,

các kinh mạch thường qua tai, có kinh trực-tiếp đi qua tai như đả kinh, tam tiêu kinh, tiểu trường kinh, đại trường kinh, tâm kinh, can kinh v.v... có kinh qua tai gián-tiếp như bàng quang kinh, thần kinh tâm bao kinh, phế kinh v.v...

Căn-cứ vào những lý-luận căn-bản này, từ tháng 3 đến tháng 8 năm 1957, trên tờ tạp-chí Đức *Deutsche Zeitschrift für Akupunktur*, P. Nogier đã nghiên-cứu nhĩ châm liệu-pháp và đi đến kết-luận giữa nội tạng với vành tai có những sự liên-quan nhất-định về bệnh-lý, đồng-thời xác-định trên

1959, tại Bắc-Kinh có 323 ca lao phổi được điều-trị (Chen Kuo-Liang and Li Ch'uan-Chung: *Acupuncture in treatment of pulmonary tuberculosis. Chinese Medical Journal, July 1959, số 79, trang 62-71*). Trong hai năm 1958, 1959, tại An-huy, có 48 bệnh-nhân bị sán đũa ở đường mật được điều-trị bằng châm-thuật phối-hợp với thang phương kinh-điền (T'ung Shang-T'ai and Chou-Teh-Yi : *Acupuncture combined with traditional drug Wu Mei T'ang in treatment of biliary ascariasis. Chinese Medical Journal, June 1959, số 78, trang 542-544*). Năm 1959, ở Bắc-Kinh có 23 ca kinh gián được điều-trị (Feng Yin-K'un, Chiang Teh Hua, Li Tze-Hsueh, Kuo Mei-Yu and Li Fang-Ch'ien : *Immediate effect of acupuncture on electroencephalograms of epileptics. Chinese Medical Journal, December 1959, số 79, trang 521-530*). Ngoài Hoa-lục, phương-pháp gây tê bằng châm-thuật — chỉ riêng kỹ-thuật gây-tê thôi, chứ không nói đến các phạm-vi ứng-dụng khác, như điều-trị chẳng hạn — đã được bắt đầu áp-dụng ở Pháp và ở Đức trong Nha-khoa (L.P.Valery : *Homéopathie et acupuncture. Affections buccales et labiales. Chirurgien-Dentiste de France, n° 39, p. 25-27, 22-10-1969* và E.Schwarz : *Zahnheilkunde und Elektroakupunktur. Zahnärztliche Mitteilungen (Köln), n° 57, p. 7-18, 1-1-1967*)..

vành tai những vùng tương-ứng với các cơ-quan và địa khu trong cơ-thể như vùng đầu, vùng cột sống, vùng phúc tạng (cơ-quan trong bụng), vùng hung tạng (cơ-quan trong ngực) v.v. Trong mỗi vùng lại chia ra nhiều miền, và trong mỗi miền có một số điểm đau (1).

Nguyên-tắc là sau khi đã chẩn- đoán xác- định được bệnh ở một cơ-quan nào thì sẽ châm vào điểm đau ở vành tai tương ứng với cơ-quan bị bệnh. Cụ thể như đau đầu gối phải thì châm "vùng đầu gối" ở tai phải, sau khi đã "dò" được điểm đau gối trên vành tai.

Một tác-dụng khác của nhĩ châm là gây tê. Hiện nay ở Trung - Cộng thường áp-dụng nhĩ châm để gây tê trong những phẫu-thuật nhỏ như các vụ mổ xẻ về tai mũi họng, về mắt v.v.. Phương pháp cũng vẫn là sau khi đã tìm vùng tương- ứng có điểm đau và sát-trùng xong thì dùng kim châm thẳng vào điểm đau đã định vị được rồi vê kim, đến khi bệnh-nhân bảo tê thì thôi. Nếu thời-gian giải-phẫu lâu, thì cách vài phút phải vê kim một lần. Hoa-lục cũng chế ra những máy điện nhĩ châm để gây tê và những

máy dò nhĩ châm để tìm điểm đau, vừa chính-xác vừa tiện-nghi hơn bằng tay không.

Mai hoa châm

Trong nhiều trường-hợp, phải châm nhiều điểm gần nhau trên một vùng bì phu rất nhỏ mới thu được kết-quả. Như các phương-pháp châm lan, châm da báo đã trình-bày trong Linh-khu. Nhưng nếu chỉ dùng một cây kim — và ngày xưa cô-nhân đã làm như vậy — thì rất bất-tiện, nhất là khi áp-dụng vào nhi-khoa, vì trẻ con hay cự quậy, vùng vẫy. Do đó, có sáng kiến ghép nhiều kim thành một bó để châm.

Ghép năm kim là *mai hoa châm* (hoa mai thường có năm cánh), ghép bảy kim là *thất tinh châm* (kim bảy sao), ghép mười tám kim là *La hán châm* hay *Thập bát La hán châm* v.v..

Dụng-cụ thực-hành mai hoa châm rất đặc-biệt. Đây là một bó kim, thường là bảy cái, có chỉ quấn chặt và gắn xuyên qua một cái cán như chiếc đũa có đục lỗ, dùng để cầm. Trên thị-trường, y-cụ được bày bán có hình chiếc búa thử phản-xạ của Tây-y, nhưng có gắn kim.

(1) *Thông-diêm.*



Figure 8
Tsi Sing Tchen

Y-cụ Mai-hoa-châm

Hình rút trong cuốn *Le micro-massage chinois* (J. Lavier, Maloine éditeurs, Paris 1970). Tsi Sing Tchen tức là Thất tinh châm.

Một trong những tác-giả được giới Trung y-sĩ biết đến nhiều vì rất hữu công trong phạm-vi canh-cải mai hoa châm là Tôn-Huệ - Khanh. Ưu điểm lớn của Tôn cùng các cộng-sự-viên là biết áp-dụng lý-luận khoa-học của Tây-Y vào việc nghiên-cứu kinh-nghiệm chần-trị cổ-truyền của Đông-Y.

Năm mười lăm tuổi, có một lần Tôn-Huệ-Khanh bị cảm nắng nôn mửa tiêu chảy (1), và được chữa-trị bằng phương-pháp « đánh cảm » (2), nghĩa là dùng một đồng tiền đồng nhúng vào dầu và xát đi xát lại trên mặt da cổ, ngực, hai bên xương sống lưng, từ nhẹ đến mạnh, cho đến khi ngoài da thấy đau, và mặt da đỏ tía lên mới thôi. Sau khi được đánh cảm, Tôn thấy trong người khoan-khái dễ-chịu và khỏi bệnh. Tôn suy ra rằng kích-thích cảm-giác đau ở ngoài da cũng có thể giảm được bệnh. Rồi sau đây, Tôn-Huệ - Khanh học-tập nghiên-ngẫm lý luận Đông Tây Y và tham-khảo sâu rộng về châm cứu, đề tiến đến canh-cải mai hoa châm.

Vì dễ học, dễ làm, lại không tốn kém nên mai hoa châm được nhắc-nhở giới-thiệu nhiều trên các tạp-chí y-học hiện-đại của Trung-Hoa (3). Mai hoa châm cũng lan-tràn sang Triều-Tiên, Nhật-Bản Người Nhật gọi là *Tiền nhi châm* vì tại xứ Phù-tang, mai hoa châm ít được dùng điều-trị bệnh-nhân trưởng-thành. Ở Triều-Tiên, phương-pháp chữa trị bằng mai hoa châm được phổ-biến rộng-rãi và được giảng-dạy cả trong

giới quân y sĩ (4).

Đặc-điểm của mai hoa châm là chỉ khê kích-thích ở ngoài da — vì vậy còn gọi là *Bì phu châm* hay *Bì thích liệu pháp* — tuyệt-đối không bao giờ đâm qua da, qua thịt, càng không có lưu kim hay vê kim. Ngược lại, châm-y chỉ gõ bó kim rất nhẹ tại các thống-điểm rồi nhắc ngay bó kim khỏi làn da (Trung-Y gọi là *đàn-thích*). Luôn luôn gõ theo hướng thẳng góc với bì-phu. Nhịp độ gõ từ 70 đến 120 lần mỗi phút v.v...

Mai hoa châm đã tỏ ra hữu-hiệu trong các trường-hợp mà Đông-Y cho là do *chính khí hư* như suy nhược thần-kinh chẳng hạn : trong những trường-hợp này chỉ *gõ nhẹ*, nhằm kích-thích các nhánh tận-cùng của các giây thần-kinh cảm-giác, tạo thành những luồng xung-động truyền vào các trung-khu thần-kinh, gây nên một tình-trạng *hưng-phấn*. Trái lại, khi gặp các chứng-trạng do *tà khí thực*, có triệu-chứng co cứng và đau nhức. hoặc những bệnh mới xảy ra, cơ-thể còn khỏe mạnh, thì phải *gõ mạnh*, khiến các nhánh thần-kinh tận cùng

(1) Đông-Y gọi là *trúng thờ*.

(2) Trung-Y gọi là *quát sa*, cũng tương tự như lối đánh gió, cạo gió của ta.

(3) Như những bài « Mai hoa châm thuật » của Mã-Thúc-Bình (*Thượng-hải Trung-Y-Dược tạp-chí* tháng 8-1958) ; bài « Mai hoa châm » của Tôn-Khánh-Vỹ (*Đại-chúng Y-học*, tháng 8-1959), bài « Mai hoa châm liệu-pháp » của Diệp-Trọng (*Trung-cấp Y-sán*, tháng 10-1959) v.v...

(4) Tiêu-Ái-Thành : *Tôn-thị chần-đoán cấp Mai hoa châm lâm-sàng ứng-dụng thể hội*.

bị chấn-động, đưa đến một phản-ứng chống-đỡ của các trung-khu thần-kinh, có tính-chất *ức-chế*, bảo vệ. Tóm lại, gõ nhẹ tương-ứng với phép *bổ* của Đông-y, gõ mạnh tương-ứng với hình-thức *tả* của y-lý cổ-truyền. Nhưng cũng có khi gõ vừa, không nặng không nhẹ, tức là thuộc phép «*bình bổ bình tả*» trong trị-tắc kinh-diễn.

Thủy châm

Trong châm-thuật thông thường, cũng như trong nhĩ châm và mai hoa châm, tác-dụng kích-thích đều do các cây kim gậy nên. Đây là một loại tác-dụng vật-lý. Nhưng trong thủy châm, tác-dụng vật-lý ấy được tăng-cường bởi tác-dụng dược-học.

Nói cách khác, trong thủy châm, các dược-chất được dùng đồng-thời với kim châm, để làm tăng thêm diện-tích kích-thích, cường-độ kích-thích và thời-gian kích-thích trong điều-trị. Thông thường, hiệu-lực của thủy châm vì vậy nhanh và rõ hơn hiệu-lực của châm-thuật thuần-túy.

Nguyên-ắc rất dân-dị: thủy châm tức là dùng ống tiêm trong đựng thuốc tiêm thích-hợp với từng chứng bệnh để tiêm thẳng vào kinh huyết trên cơ-thể. Thuốc thường dùng là sinh-tổ B1 và thuốc tê Novocain; nhưng cũng có khi chữa những chứng

bệnh đặc-biệt thì phải dùng thuốc đặc-biệt, chẳng hạn chữa phong-thấp bằng nọc độc của ong (1)

Thông thường, chuyên-viên thủy châm luân-lưu châm nhiều huyết, nhưng các huyết ở những khu-vực có nhiều thần-kinh cảm-giác đặc-dựg hơn: bách hội, phong trì, thái dương, phong phủ, thần môn, nội quan, tam âm giao, túc tam lý, hợp cốc v.v..

Chỉ định chính của thủy châm là các trường-hợp thần-kinh suy-nhược, tổ đau thần-kinh, và cả một số bệnh về nội-tạng.

Về cơ-chế tác-dụng của phương-pháp, có lẽ các tác-nhân vật-lý (lên châm) và hóa-học (thuốc) kích-thích các điểm hoạt-động — tức là các kinh-huyết — để điều-hòa âm dương trong cơ-thể nếu nói theo Đông-Y, để điều-chỉnh cơ-năng vỏ não, gây lại thăng-bằng giữa hai quá-trình ỨC-CHẾ và HƯNG-PHẢN, nếu nói theo Tây-Y.

TRẦN VĂN TÍCH

Kỳ tới. — Trích dịch một bệnh-án xã-hội chủ-nghĩa

(1) *Đường-Thiên-Lạc. Thương-hải, Trung-Y-Dược tạp-chí, tháng 11-1964 (kết quả sơ khởi về điều-trị khớp viêm và khớp viêm dạng phong-thấp bằng Thủy-châm với nọc độc ong. Khảo-sát trên 62 ca)*

CHÚC MỪNG

Anh
và chị

MAI TRỌNG THÂN
HỒ THỊ KIM THOÀ

trăm năm hạnh phúc

VÕ PHIẾN — ĐỖ TIẾN ĐỨC

«Ai biết người đồng thời của hai bà Trưng dùng ngôn ngữ nào thì vấn đề nguồn gốc của dân tộc Việt Nam sẽ được giải quyết dễ dàng»

G. COEDÈS

Cố Viện trưởng Viện VIÊN ĐÔNG BÁC CỔ

Tác phẩm dưới đây trả lời được câu hỏi hóc búa đó. Mỗi chương sách là một khám phá lớn, đọc rất say mê, mà không có khám phá nào không dựa vào chứng tích khoa học. Những khám phá kinh dị về thượng cổ sử 5000 năm của dân ta đều chứa đựng trong 900 trang của quyển

NGUỒN GỐC

MÃ LAI

của DÂN TỘC

VIỆT NAM

Bác bỏ tất cả những sử thuyết sai lầm từ cổ chí kim, kể cả cuộc nghiên cứu nền văn minh Đông Sơn

Tác phẩm của BÌNH-NGUYỄN LỘC

LÁ BỎI

TỔNG PHÁT HÀNH

Trên đường giải-phóng

NGUYỄN-THỊ NGỌC-THẨM

(tiếp theo BK số 357)

Cuộc cách mạng bắt đầu

Vì bị coi là thua kém đàn ông nên trải qua mấy mươi thế kỷ, người đàn bà luôn luôn phải sống phụ thuộc vào đàn ông và tẻ hơn nữa, sống như những kẻ nô lệ, hèn hạ, tội lỗi. Những mẫu đàn bà thành công trong xã hội thời ấy chỉ là những trường hợp ngoại lệ và lẻ tẻ, không thay đổi được gì cái thân phận chung của phụ nữ. Phải đợi đến cuối thế kỷ thứ XVIII, người ta mới được chứng kiến cái cảnh rạn rập của phụ nữ khắp nơi đứng dậy đòi giải phóng... Và cũng từ đó mới thấy xuất hiện những cuộc tranh đấu cho nữ quyền. Erasme trong « *Petit Sénat* » rồi Cornélius Agrippa trong « *Déclaration de la Noblesse et de l'Excellence du Sexe féminin* » và đến nhóm Bách Khoa, tất cả đều bênh vực và ủng hộ việc giải phóng phụ nữ.

Nhưng phụ nữ muốn giải phóng những gì? Nhiều lắm. Nào là phải ra khỏi nhà bếp, phải được gánh vác các công việc xã hội, phải được trả lương như đàn ông, phải được quý trọng như đàn ông và phải hoàn toàn bình đẳng với đàn ông.

Trước sự đòi hỏi đó, dư luận quần chúng chia làm hai phe, một bên ủng

hộ và một bên phản đối. Hạng bảo thủ chỉ muốn hạ giá đàn bà và bất họ suốt đời phải lệ thuộc đàn ông có thể kể Thánh Thomas, Platon, Aristote, Homère, Kant, Schopenhauer, Nietzsche, Comte, Proudhon, Balzac, Dumas, Montherland v.v... Còn những người ủng hộ thì có Montesquieu, Condorcet, Saint Simon, Fourier, Cabet, Marx, Engel, bà Olympe de Gouges, Eugénie Niboyer và tạp chí *Voix des femmes*, Simone de Beauvoir v.v...

Đặc biệt Simone de Beauvoir viết hẳn một tác phẩm thật lớn lấy tên là *Le deuxième sexe* (Phái thứ hai). Ngay cái nhan đề của bộ sách cũng đủ cho ta thấy sự phản kháng thật quyết liệt với quan niệm cũ. Không thể gọi đàn bà là phái yếu nữa mà phải gọi là phái thứ hai, một phái khác với phái đàn ông.

Simone de Beauvoir bắt đầu tác phẩm bằng việc vạch lại bước đường giải phóng đã qua của phụ nữ. Bà nhận xét rằng trên lý thuyết người phụ nữ có đòi được nhiều quyền lợi nhưng trong thực tế vẫn thua kém đàn ông rất nhiều. Trước hết, tuy đòi được quyền bình đẳng với đàn ông nhưng họ lại chưa thích nghi và chưa đủ sức cạnh tranh với đàn ông. Cho nên sức mạnh về kinh tế vẫn nằm trong tay đàn

ông. Đàn ông lại đã quen thuộc trong nền văn minh của họ nên họ dễ thích nghi với đời sống xã hội hơn đàn bà. Sau hết vì ảnh hưởng của quan niệm hôn nhân cũ còn quá mạnh nên phụ nữ vẫn bị cuốn hút vào sự lệ thuộc đàn ông. Muốn nói gì thì người phụ nữ lúc nào cũng cần có một tấm chồng. Mà có chồng lại phải sinh con đẻ cái. Rút cục đàn bà lại bị buộc chân vào việc nội trợ.

Đàn ông hiện vẫn làm chủ nền văn minh của họ. Bên ngoài họ nói sẵn sàng bình đẳng với đàn bà nhưng bên trong lại đầy tự tôn. Lúc nào họ cũng muốn uốn nắn người đàn bà theo ý muốn của họ. Còn người đàn bà phần vì chưa thích nghi với những quyền lợi mới, phần lại ưa nhàn hạ, lười lười và thích thú trước sự chiều chuộng của đàn ông nên cứ muốn nương tựa và yên phận trong vòng gia thất. Kết quả người đàn bà lại vướng vào cái vòng lẩn quẩn sinh con đẻ cái và lo việc nội trợ.

Bởi cái nguy cơ ấy mà Simone de Beauvoir chủ trương nên hủy hẳn chế độ gia đình. Đàn bà muốn sinh nở hay không tùy ý. Họ có thể làm tình mà không cần bận tâm đến việc sinh nở và nuôi con. Trên cuộc đời, đàn bà là một người bạn đường hoàn toàn bình đẳng với đàn ông. Trước chủ trương của Simone de Beauvoir, có người cho là hợp lý, có người cho là táo bạo, lại có người cho là ảo tưởng.

Con đường giải phóng phụ nữ sẽ còn nhiều bất ngờ, chúng ta đành chờ xem. Bây giờ xin hãy kiểm điểm lại thử

coi phụ nữ trong những thế kỷ gần đây đã giải phóng được những gì?

Năm 1936, Hiến pháp Liên-sô công bố: « Người đàn bà được hưởng những quyền lợi như đàn ông trong mọi phạm vi của đời sống kinh tế, văn hóa, công cộng và chính trị ». (Điều 122). Trong hiến-pháp của các nước xã hội chủ nghĩa khác như Đông Đức (Điều 18), Bảo Gia Lợi (Điều 72), Lỗ Ma Ni (Điều 83), Tiệp Khắc (Điều 27)... người ta cũng gặp một nội dung như thế.

Rồi trong bản Tuyên-ngôn nhân-quyền ngày 10/12/1948 cũng ghi nhận rằng: « Mọi người đều được tự do và bình đẳng về phương diện nhân phẩm và pháp luật, không phân biệt chủng tộc, màu da, đàn ông hay đàn bà ».

Ngày nay chúng ta gặp đàn bà ở khắp nơi và đảm nhiệm đủ mọi chức vụ xã hội. Trong các nước Cộng sản, vai trò của phụ nữ lại càng quan trọng đối với đời sống xã hội và kinh tế. Từ 15 năm trước, trong một bài nghiên cứu về phụ nữ Sô viết trên tạp chí Le Monde, ông André Pièrre đã cho thấy là phụ nữ Nga chiếm đến 45% trong thành phần chuyên viên thuộc các ngành kỹ-nghệ và thương mại, 30% trong việc xây cất. Trong ngành giáo-dục, y-tế, tỷ-lệ phụ nữ lại còn cao hơn nhiều. Theo những bản thống kê gần đây hiện Nga có khoảng 700.000 kỹ-sư, 300.000 nữ y-sĩ. Nếu kể theo tỷ-lệ bách-phân thì nữ giới chiếm trong thành phần y-sĩ là 75%, bác-học 36%, chuyên-viên nông-học 40%, công-nhân kỹ-nghệ 45%, giáo-dục 69%, y-tế 85%. Tại Trung

quốc ngày nay các du khách đến thăm khó mà nhận ra ngay đâu là đàn ông và đâu là đàn bà. Bởi vì đàn bà cũng sơ mi tay cụt, quần tây, tóc ngắn, cũng cuốc xẻng xuống mỏ than, đập đê, xây nhà, lái xe vận tải, máy cày v.v... y như đàn ông. Không có một việc gì của đàn ông trước đây mà đàn bà không nhúng tay vào.

Ở các nước tư bản đàn bà cũng tham gia vào công việc xã hội càng ngày càng nhiều. Thậm chí có người lo rằng rồi đây trong mọi lãnh vực công, tư đàn bà có lẽ sẽ chiếm hết cả chỗ làm của đàn ông bởi vì họ có sức làm việc bền bỉ và khéo léo hơn.

Vậy là phụ nữ đã thực sự bước dần ra khỏi nhà bếp. Mỗi người chọn lấy một công việc xã-hội thích hợp. Họ có thể sinh sống độc lập mà không phải lệ thuộc vào đồng lương của chồng.

Tuy nhiên, công cuộc giải phóng phụ nữ trong việc làm chưa phải là hoàn toàn tốt đẹp. Hiện thời ở Hoa kỳ, nơi giới lao động phụ nữ nổi tiếng là được ưu đãi vậy mà đồng lương vẫn không sao bằng đàn ông. Chỉ có 3% phụ nữ kiếm được 3.000 Mỹ kim một năm. Trong khi còn đến 48% phụ nữ mỗi năm chỉ kiếm được 1.000 Mỹ kim. Trái lại phía đàn ông tỷ lệ lương bổng trên 3.000 Mỹ kim một năm là 26% và chỉ có 20% là lãnh lương dưới 1.000 Mỹ kim một năm. Ở các nước Cộng sản phụ nữ tham gia công việc lao động phải đảm đương nhiều công việc nặng nhọc, đôi khi còn nặng nhọc hơn cả đàn ông nhưng chưa chắc đã được ưu

đãi như đàn ông. Theo lời Nemtsov, một nhà văn Nga xô, cũng trong số Le Monde ra ngày 27-4-1957, tiết lộ rằng sau khi đi thăm nhiều công xưởng, ông thấy trong khi đàn ông làm việc trong những phòng sáng sủa, ấm áp và thoáng khí thì phụ nữ lại phải đẩy xe và khuân vác nặng nề ở ngoài trời lạnh. Từ Revue française du Travail, số tháng 12-1946, cuộc điều tra của Bộ Lao-động Pháp ở các xí-nghiệp cho thấy là đàn bà Pháp phải làm việc quá nhiều: 77 giờ một tuần kể cả công việc nội trợ. Gần đây cuộc điều tra của ông Jean Daric trong Viện Nghiên-cứu Nhân-khẩu Quốc-gia ở Pháp cũng cho thấy trung bình mỗi tuần các bà phải làm việc nhà đến bảy mươi giờ.

Xem đó ta thấy trước giai đoạn giải phóng, đàn bà hỉ phải làm việc nhà. Nay được giải phóng, công việc phụ nữ lại tăng thêm: *vừa làm việc xã hội, vừa phải làm việc nhà*. Rút cục việc giải phóng chỉ đẹp ở bề ngoài, còn trong thực chất đàn bà lại vất vả hơn. Bởi vậy nhiều người đã không ngại ngừng tố cáo rằng sự kiện mà đàn ông gọi là giải phóng phụ nữ chỉ là sự khai thác khả năng sản xuất kinh tế của phụ nữ mà thôi. Cuộc cách mạng nhằm chấm dứt sự bóc lột giữa con người và con người, kết quả lại là đàn ông lợi dụng và bóc lột đàn bà hơn nữa.

Về mặt nhân quyền thì ở nhiều nơi đàn bà vẫn chưa được bình đẳng với đàn ông nhất là trong phạm vi chính trị và kinh tế. Đàn bà được tham dự bầu cử đầu tiên ở Nouvelle Zélande từ năm 1893 nhưng cho đến nay vẫn

còn một số quốc gia trên thế giới chưa cho đàn bà đi bầu cử như Ai-cập, Arabie Séoudite, Ethiopie, Iran, Jordanie, Lybie, Yemen, Thụy-sĩ v.v...

Còn nhiều cam go

Cuộc giải phóng phụ nữ hơn hai thế kỷ qua vẫn chưa lấy gì làm khả quan, chung qui cũng tại vì đã vấp phải quá nhiều trở lực.

Trước hết phải kể đến *hoàn cảnh xã hội cũ* đã buộc chân người phụ nữ trên bước đường giải phóng. Mọi người đều quan niệm rằng công việc hợp với thiên chức đặc biệt của đàn bà là sinh con đẻ cái và tề gia nội trợ.

Ngay từ thời du mục đàn bà cũng chỉ đảm nhận những công việc nhẹ nhàng quanh nhà. Còn đàn ông thì lo việc săn bắn và chiến đấu. Xem đó, ta thấy đàn bà hoàn toàn sống trong sự bao bọc che chở của đàn ông trước sự đe dọa của thiên nhiên và của đồng loại.

Sang giai đoạn định cư, đàn ông vẫn đóng vai trò chính yếu trong nghề nông và trong việc kiến tạo nền văn minh nhân loại. Chính công việc và hoàn cảnh đã rèn luyện cho người đàn ông có một tinh thần và một thân xác mạnh mẽ. Còn đàn bà vì quen sống trong cảnh nương tựa và được bao bọc nên thể chất và trí óc bị suy yếu đi. Giáo dục xã hội cũng có khuynh hướng tạo ra những mẫu trai và gái khác nhau. Con trai thì hùng dũng, mạnh bạo, hiên ngang, can đảm, mưu trí... còn con gái thì phải dễ bảo, dịu dàng, e lệ... Dần dà nữ giới biến thành «phái

yếu» và nam giới biến thành «phái mạnh». Xa hơn nữa, đàn bà sẽ an phận làm cái máy dệt, vú em, con sen, cây cảnh, búp bê và cây tầm gửi chỉ biết sống bám vào đàn ông. Trước mắt cái xã hội được nhồi nặn trong bàn tay đàn ông, mọi người đều thấy đàn bà là một vật hèn kém, nô lệ và phụ thuộc. Quan-niệm ấy đã ăn sâu vào đầu óc nhân-loại hàng mấy ngàn năm qua. Nay cuộc cách mạng giải phóng phụ nữ, với chủ trương đàn bà hãy từ bỏ việc nội trợ và bình đẳng hoàn toàn với đàn ông, như vậy là đi ngược lại với truyền thống. Mà cái gì đã ngược với truyền thống, nhất định không sao tránh được khó khăn và cản trở!

Một trở lực khác của phong trào giải phóng phụ nữ — do chính phụ nữ gây ra — đó là họ cũng cảm thấy rằng họ là phái yếu, muốn làm phái yếu và bằng lòng làm phái yếu. Họ muốn thoát ly cái thân phận làm đồ chơi cho đàn ông nhưng lại thích trang điểm thật diêm dúa và phục sức thật mỹ miều để mong làm đẹp mắt đàn ông. Họ muốn bình đẳng với đàn ông nhưng lại muốn được đàn ông bao bọc, che chở. Họ muốn có tiền để có thể sống độc lập, không phụ thuộc người khác về kinh tế nhưng lại lười biếng, chỉ muốn ngồi không ăn chơi, tô son điểm phấn và chuốt móng tay. Họ hô hào phải đập tan cái thành kiến cho họ là phái yếu, trong khi họ lại muốn được đàn ông nâng niu, chiều chuộng và chờ đợi được chinh phục, chiếm đoạt. Họ thấy rằng cần phải hủy bỏ hôn nhân để được rảnh tay, không lệ thuộc vào vòng nội trợ nhưng lại vẫn mong làm

sao kiểm cho được một tấm chồng và họ coi chồng con, gia đình như tất cả cuộc đời của họ, tất cả vũ trụ của họ.

Tiếp đến, một trở lực nữa cho cuộc giải phóng phụ nữ là do chính đàn ông. Không phải chỉ hạng đàn ông bảo thủ, ích kỷ, quá khịch mà ngay cả những người được mệnh danh là «biết điều». Những người này công nhận việc giải phóng phụ nữ là hợp lý nhưng họ vẫn chủ trương rằng có một sự khác biệt lớn lao giữa đàn ông và đàn bà. Phải cho đàn bà một qui chế làm việc riêng biệt (như được nghỉ việc những ngày có kinh, nghỉ dài hạn có lương trong thời kỳ mang thai, chỉ làm việc nửa ngày...), không gán vác những công việc quá nặng nhọc (làm việc dưới hầm mỏ, kéo cày, cầm súng chiến đấu...). Họ lại cho rằng đàn bà vốn giàu tình cảm, dịu dàng, tế nhị, khéo léo vậy nên được giao phó những công việc thích hợp như giáo dục, khán hộ, y tế, dưỡng nhi, ca vũ, kịch nghệ v.v... Họ còn lo ngại nếu cứ để cho đàn bà gán vác những việc y như đàn ông thì e rằng rồi đây hoặc là phụ nữ sẽ đuối sức không kham nổi, hoặc là họ sẽ biến thành «đàn ông» cả (như vậy còn ai để mà làm duyên dáng cho họ vui mắt nữa? !)

Chủ trương này hiện vẫn được xem là chủ trương «tiến bộ» nhất của đàn ông. Nhưng thực tình nó lại là thứ chất độc có hại cho phong trào giải phóng phụ nữ. Đáng lẽ các vị này nên sớm được thu xếp vào một chỗ thì hơn. Bởi vì đối với những chủ trương của phụ nữ mà họ cho là ảo tưởng, kỳ quái, khó

lòng... rồi đây thực tế sẽ cho họ thấy là đúng hay sai. Lịch sử nhân loại thì quá dài mà đời họ lại quá ngắn. Cho nên tất cả những quyết đoán «hợp thời» của họ rồi cũng sẽ qua đi để nhường chỗ cho những sự thực mà hoặc là họ không muốn nghĩ tới, hoặc là họ không thể quan niệm nổi.

Hiện nay phong trào giải phóng phụ nữ có vẻ như đang muốn vượt qua giai đoạn đòi bình đẳng với đàn ông để đi đến chỗ chống lại đàn ông. Điều đó cũng dễ hiểu vì cái xã hội được nhồi nặn bởi văn minh của đàn ông đã kìm kẹp và cản trở họ quá nhiều.

Hình thức chống đàn ông đầu tiên là họ không chịu chữa đẻ. Còn chữa đẻ là còn lệ thuộc đàn ông. Tiến xa hơn nữa, trong sự tiếp xúc sinh lý với đàn ông, đàn bà cảm thấy như bị chế ngự áp đảo, thua thiệt. Cho nên họ muốn từ chối luôn cả sự tiếp xúc và bằng lòng sống không có đàn ông. Họ ghê sợ việc phải mang thai. Và để giải quyết nhu cầu tình dục, nhiều phụ nữ đã không ngần ngại thú nhận là họ đã làm tình với nhau.

Cách thứ hai chống lại đàn ông là họ không chung thủy với một người đàn ông duy nhất nào nữa. Xưa kia Simone de Beauvoir bảo rằng: «Đàn ông chọn một chỗ đứng nhưng trong lòng vẫn giữ một người giang hồ» cho nên họ không bị thiệt thòi như đàn bà. Nay thì đàn bà cũng mang trong lòng con người giang hồ đó. Sự phản kháng ấy người ta đang gặp rất nhiều trong giới thượng lưu tại Mỹ và trong giới Hippie ở khắp nơi trên thế giới.

Gần đây, trong một buổi chiều tại Bryant Park ở Niu ước người ta chứng kiến một cuộc biểu tình vĩ đại của 25.000 phụ nữ với những khẩu hiệu trên tay: «*Hãy chấm dứt sự hy sinh nhân phẩm: đừng lấy chồng*», «*Đừng làm bếp, hãy để cho chúng nó đói tới nay*», «*Vợ là kẻ nữ lệ không lương*», «*Phụ nữ hãy đoàn kết lại*» v v... Dẫn đầu đoàn biểu tình là Kate Millet, một phụ nữ học thức, nhiệt thành. Về sau nàng được tờ Time đăng hình lên bìa và gọi là «*Mao Trạch Đông của phong trào giải phóng phụ nữ*».

Vài ngày sau cuộc biểu tình, Spiro Agnew hẳn học tuyên bố rằng: «*Có ba thứ khó chinh phục nhất, đó là những kẻ ngu ngốc, đàn bà và đại dương. Chúng ta sẽ không bao giờ thành công với hai thứ đầu tiên*». Phó Tổng thống Hoa-kỳ Agnew có thể nói là phát ngôn viên của lớp đàn ông bảo thủ và kiêu căng hạng nặng.

Tuy nhiên dù các ông muốn nói gì thì phụ nữ cũng đang bước vào một giai đoạn đấu tranh mới báo hiệu cho nhiều xáo trộn. Đặc biệt mới hôm tháng tư vừa rồi chúng ta đọc được trên các nhật báo tin sau đây:

Hoa thịnh đốn (AP 10-4) *Hôm thứ bảy, 500 phụ nữ cấp tiến Mỹ biểu tình chống chiến tranh Việt-Nam và nhăm mui dúi vào Ngũ giác đài, 500 phụ nữ Mỹ vừa lội bộ vừa giả bộ rên hừ hừ như bị thương khi ra trận và phát cả cờ V.C.*

Một trong những bất mãn nêu ra trong khi đi đường được ghi: «**Cấm đàn ông gia nhập vào**».

Trên một tiếng ruồi đồng hồ đi từ bộ Tư pháp Mỹ đến Ngũ giác đài 500 phụ nữ Mỹ biểu tình được cảnh sát theo hộ tống.

Trên đường đi và ngay trước Ngũ giác đài, phụ nữ Mỹ lâu lâu ngừng lại đứng những tuồng hát trong đó có đánh du kích giả để nói lên rằng Hoa-kỳ là quốc gia xâm lăng, tìm cách nô-lệ-hóa các dân tộc khắp thế giới.

*Khi họ đi qua Tòa Bạch Ốc, phụ nữ Mỹ la ó: «**Siêu quyền của đàn ông phải chấm dứt**». Tại Ngũ giác đài, nhiều phụ nữ lên ngỏ lời đòi rút hết quân Mỹ tức khắc khỏi Nam Việt Nam và chấm dứt mọi cuộc đàn áp trong đó có việc đàn ông đòi chế ngự đàn bà.» (1)*

Qua bản tin trên đây, chúng ta thấy phụ nữ Hoa-kỳ đang chống lại cuộc chiến tranh bịp bợm và bạo tàn của người Mỹ trên đất nước Việt-nam. Đồng thời bản tin cũng cho thấy phụ nữ đang chống lại nam quyền một cách gay gắt. Họ đòi phải chấm dứt quyền bính của đàn ông trong xã hội. Và triệt để hơn nữa, trong cuộc biểu tình chống chiến tranh Việt-nam, họ cấm cả đàn ông tham dự.

Hành động đó thiết tưởng không phải là không có lý. Để cho những người, suốt trong lịch sử nhân loại chuyên gây chiến, được tham gia chống chiến tranh là điều mâu thuẫn. Cho nên muốn khỏi xảy ra chiến tranh, tốt hơn

(1) Nhật báo Đồng Nai, Bộ mới, số 744, ngày 12-4-71.

Những chữ in đậm là do chúng tôi nhấn mạnh.

hết là không nên cho họ cầm quyền. Phụ nữ phải nắm lấy quyền hành trong guồng máy chính trị.

Nhật báo Minneapolis Tribune ra ngày 11-07-1971 ở Hoa-kỳ loan tin rằng 200 đại biểu phụ nữ thuộc đủ thành phần tuổi tác, khuynh hướng, màu da đã họp lại để trù liệu kế hoạch tổ chức một liên minh chính trị phụ nữ. Họ còn dự định năm 1976 sẽ cử người ra tranh cử Tổng-thống và Phó Tổng thống để nắm lấy chức vụ cao nhất trong guồng máy chính trị ở Hoa-kỳ.

Trước sự kiện ấy có lẽ nhiều vị mày râu không khỏi phì cười. Nhưng dù cười bởi lý lẽ nào (trích thượng, bảo thủ, độc tài hay cổ hủ...) thì thiên nghi đó cũng là một sự kiện quan trọng đáng cho quý vị ấy suy nghĩ.

Đến đây chúng ta thấy rằng nối tiếp cuộc cách mạng đã bùng nổ từ cuối thế kỷ XVIII, phụ nữ đang tiếp tục dẫn bước trên đường giải phóng. Thực tình không ai đoán trước được bộ mặt

của xã-hội ngày mai ra sao. Có thể đàn bà vẫn ở lì tại cái địa vị thấp kém hơn đàn ông như hiện nay. Có thể hai bên sẽ đạt đến sự bình đẳng hoàn toàn. Cũng có thể đàn bà sẽ vượt hẳn đàn ông và nắm giữ mọi vai trò quan trọng trong xã hội.

Nhưng một điều mà chúng ta có thể xác quyết là, mãi mãi đàn ông và đàn bà vẫn là hai thực tại có tác động hỗ tương và có tính cách biến chứng. Địa vị của hai phái sẽ diễn biến theo một tỷ lệ nghịch và cục diện tương lai biến đổi ra sao, còn tùy ở ý chí phấn đấu của mỗi bên. Tuy nhiên chúng tôi trộm nghĩ rằng một xã hội tương lai được gọi là lý tưởng, không phải là đàn ông nô dịch đàn bà hay đàn bà lấn lướt đàn ông mà là hai bên cùng chung sống trong sự cảm thông, hòa hợp và hạnh phúc...

NGUYỄN-THỊ NGỌC-THĂM

Phan Rang 10-71

Kỳ tới: Trước cuộc « cách mạng tình dục ».

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433-YTDP.Đ.

ĐẠI-Á NGÂN-HÀNG

Trụ-sở chính : 61-65, Hàm-Nghi Saigon

Đ. T. 98.460 — 98.700

Chi nhánh Chợ Lớn : 47-49 *Tông Đốc Phương*
ĐT 51.047

Chi nhánh Cầu Ông Lãnh : 21, *Bác sĩ Yersin*
ĐT 99.386

Chi nhánh Gia-Long : 121-123, *Gia-Long*
ĐT 96.827

Chi nhánh Biên Hòa : 10, *Nguyễn Hữu-Cảnh*
ĐT 36

Chi nhánh Ban mê thuật : 16, *Amatrang-Long*
ĐT 148



— Thực-hiện tất cả mọi nghiệp-vụ
ngân - hàng :

*Nhận tiền ký-Thác, chuyển-ngân, Trương-mục
tiết - kiệm, Nghiệp - vụ tín - dụng, Hối - Đoái,
Xuất-nhập-cảng v.v...*

— Phục-vụ thân-chủ trong tôn chỉ :

LỊCH-THIỆP — NHANH CHÓNG

CHÍNH XÁC — KÍN ĐÁO

Nhân chất anti-helium-3 vừa mới được
chế tạo ở Serpoukhov

Tìm hiểu phản vật chất

● VÕ-QUANG-YẾN

Ngày 28 tháng 9 vừa qua, một nhóm vật lý gia Liên-xô do giáo sư Youri Prokochkine điều khiển đã thành công chế tạo được chất anti-helium-3 ở trung tâm khảo cứu Serpoukhov. Thật ra ngày 28 tháng 9 chỉ là ngày cuộc chế tạo được chính thức ghi vào sổ Hội đồng quốc gia về khám phá và sáng chế và cách đây một năm các nhà bác học kia đã từng miêu tả phương pháp tổng hợp.

Cuộc khám phá này tuy đã được trình bày ở báo chí như là một cuộc cách mạng trong ngành vật lý học đã không mấy làm ngạc nhiên các chuyên gia: một dạng vi phản vật chất đã được biết, hay ít nhất cũng đã được dự tính, từ lâu; dạng khác các nhà vật lý học Hoa-kỳ, cộng sự của giáo sư Leon Lederman, cũng đã từng chế tạo được một nhân anti-deuterium từ năm 1965 ở trung tâm Brookhaven.

Tuy nhiên, phản vật chất là một hiện tượng quan trọng và cuộc tổng hợp ra được nó có thể được sắp ngang hàng với cuộc bắn nút nguyên tử mà ngày nay ai cũng đã nhận định tầm mức của cuộc ứng dụng.

Dirac tiên đoán phản vật chất

Xin nhắc qua con đường khảo cứu vật chất, con đường tìm hiểu hạch nhân cùng những mảnh hạt vi cũng là con

đường dẫn đến cuộc khám phá phản vật chất.

Câu chuyện bắt đầu từ 1913. Một nhà vật lý học người Đan-mạch, Niels Bohr (1), trình bày nguyên tử như là một thái dương hệ tí hon, ở giữa có một hạch nhân như mặt trời, xung quanh có điện tử chạy trên những quỹ đạo như các hành tinh. «Nguyên tử Bohr» tuy chỉ được xây đắp trong lý thuyết.

(1) Niels Bohr sinh tại Copenhagen năm 1885 là học trò của Thomson và Rutherford ở Cambridge và Manchester, ông được bổ làm giáo sư ở Viện Đại-học Copenhagen năm 1916 và Giám-đốc Viện Vật-lý-học lý-thuyết cũng ở thành phố ấy năm 1921. Ông là một trong những nhà Vật lý-học lý-thuyết được biết tiếng nhiều nhất, nhất là sau khi ông trình bày mẫu « nguyên tử Bybr ». Các quỹ-đạo điện-tử quanh hạt nhân đã giúp các nhà Vật-lý-học cũng như các nhà Hóa-lọc giải nghĩa được nhiều liên-tượng Vật-lý hóa-học, từ những tính chất quang-phổ-nhiệm đến bản kê tuần-hoàn Mendeleiev. Năm 1922, ông được thưởng giải Nobel Vật-ý-học. Sau đây ông vẫn tiếp tục khảo cứu về hạch nhân và từ năm 1933 đề nghị một lý thuyết phân-tán hạch-nhân. Trong Đệ-nhi thế-chiến ông trở thành cố-vấn ở Trung tâm Los Alamos và cộng tác trong công cuộc khảo cứu bắn nút nguyên-tử. Sau giặc ông trở về lại Đan-mạch và chỉ học hỏi về Vật-lý nguyên-tử, đặc biệt về cơ-học ba-động và lu-nq-tử. Nhờ ông mà người ta biết được vi-thể di-động và những luồng sóng là hai cực diện bổ sung của một thực-thể.

đã là nền tảng của tất cả các cuộc khám phá sau này.

20 năm sau, sir Chadwick (1), một nhà vật lý học người Anh, xác định được trong hạch nhân những mảnh hạt trung hòa, nghĩa là không có điện tích âm hay dương, gọi là neutron. Từ đây nguyên tử được hình dung là một hạch nhân gồm có những proton hay dương tử có điện tích dương và những neutron, xung quanh chạy quanh những electron hay điện tử có điện tích âm. Hai số lượng âm dương bằng nhau nên nguyên tử trung hòa như neutron. Và trong rất lâu proton, neutron, electron đã là ba mảnh hạt căn bản của mọi vật chất.

Nhưng một số câu hỏi đã được đặt ra, gây biết bao thắc mắc cho các nhà vật lý học: Những hạt vật chất là gì? Chúng ở đâu lại? Chúng thật có là căn bản không?... Thật khó tả lời và nếu môn vật lý học hạch nhân đã phát triển mau lẹ, khoa học các mảnh hạt như tuồng dừng đứng khá lâu.

Thật vậy, trong luôn hơn 30 năm, với những khám phá mới lạ đem lại rất nhiều kết quả phức tạp, các nhà vật lý không thành công sắp đặt được thứ tự trong các mảnh hạt. Ngay từ lúc Chadwick xác định được neutron, họ đã nghi hoặc ba mảnh hạt kia không phải là độc nhất trên mặt đất. Vào thời ấy, một nhà vật lý học người Hoa-kỳ, Carl David Anderson (2), nhân khảo sát các bức xạ vũ trụ, đã thức biệt được một điện tử có điện tích dương, còn gọi là anti-electron hay positron. Những đặc điểm của hạt này giống hẵn những đặc điểm của hạt điện tử âm, chỉ có điện

tích là ngược lại. Cuộc khám phá này đã chứng thực một lý thuyết do nhà vật lý học lý thuyết người Anh, Paul Dirac (3) đưa ra từ năm 1929.

(1) Sir James Chadwick sinh tại Manchester năm 1891. Ông đã học với nhà vật lý-học trứ danh Rutherford. Trong Đệ-nhất thế-chiến, nhân đi du học bên Đức, ông bị cầm tù bên ấy. Trở về khảo cứu ở Cambridge từ 1919 đến 1935, ông chuyên môn về Vật lý hạch nhân, đặc biệt điện-tích của hạch nhân và cách phân tán những đơn-tử thành hạt alpha. Lần lượt ông được bổ làm Phó Giám-đốc phòng thí nghiệm Cavendish (1923), nhân viên Hội Hoàng-gia (1927) và Giáo sư Vật lý-học ở Liverpool (1935). Trong Đệ nhị thế-chiến, ông điều khiển phái đoàn Anh ở Los Alamos. Trong thời gian ở Cambridge ông đã khám phá hiệu-ứng quang-điện hạch nhân, thành công dùng quang-tuyến gamma phân tán deuterium và nhất là xác định được neutron (1933) nhờ vậy được giải thưởng Nobel Vật lý-học năm 1935.

(2) Carl David Anderson sinh ở New York năm 1905, nhưng cha mẹ là người Thụy-điền. Giáo sư vật lý học ở Caltech (California Institute of Technologie), ông đã chứng minh một bức xạ có thể biến thành điện lực trong lúc khảo cứu cách dùng quang tuyến X cho trục xuất các điện tử ra khỏi quỹ đạo của chúng. Năm 1932, khảo sát các bức xạ vũ trụ, ông tìm ra được điện tử dương, chứng thực lý thuyết Dirac, và được thưởng giải Nobel năm 31 tuổi (1936). Chuyên gia về phòng Wilson cỡ lớn, năm 1937, ông còn khám phá ra các hạt meson trong vũ trụ.

(3) Paul Dirac sinh ở Bristol năm 1902. Ông học ở Saint John College ở Cambridge và năm 1932 thì được bổ làm giáo sư ở đây. Chuyên môn về vật lý lý thuyết, ông đã đưa thuyết tương đối vào môn Cơ-học ba-động và là một trong những nhà sáng lập môn Cơ-học lượng-tử. Năm 1929, ông đã tiên đoán sự hiện-hữu một điện-tử-dương; 3 năm trước khi hạt này được Anderson thức biệt. Năm 1933, ông chia giải Nobel Vật lý-học với một nhà bác-học trứ danh khác là Schrödinger.

Hàng chục mảnh hạt ra đời

Nhìn gần, cuộc khám phá anti-electron không có gì là lạ; người ta đã thường nghĩ có âm tất có dương, vì là thế thăng bằng của mọi vật; một mảnh hạt vật chất vì sao lại không được tự do chấp nhận điện tích này hay điện tích nọ. Nếu điện tử âm được xác định thì điện tử dương phải tìm cho ra. Cũng như có dương tử dương thì phải có dương tử âm (Danh từ dương tử dùng để chỉ định proton ở đây chắc phải xét lại vị dương tử có khi lại âm!). Và đề tài khảo cứu cấp bách là sản tìm hay chế tạo cho được nó.

Máy đã được dùng gọi là máy gia tốc. Trong máy này người ta cho một mảnh hạt chạy rất nhanh, tốc độ được gia tốc ngày càng lớn và đến một lúc, nếu cho tức thì dừng đứng thì dựa theo thuyết tương đối khối lượng-năng lượng của Einstein, năng lượng sẽ gây ra một mảnh hạt mới. Năm 1955, ở Berkeley bên California, hạt proton âm hay anti-proton đầu tiên được chế tạo ra. Nhưng đồng thời, với máy gia tốc lớn, ở Hoa-kỳ (Berkeley, Brookhaven) cũng như ở Dubno bên Liên-xô hay ở trung tâm CERN (Centre Européen de Recherches Nucléaires) tại Genève, người ta cũng thức biệt được một số lớn các mảnh hạt khác mà từ trước chẳng ai hề tiên đoán.

Một vài mảnh hạt này đã được tìm ra trong các bức xạ vũ trụ như các hạt meson chẳng hạn. Các hạt meson nằm giữa electron và proton, rất đặc biệt vì có nhiều mảnh khác nhau, tùy khối lượng,

điện tích đã đành mà cũng còn tùy cách phân tán. Ngày nay người ta sắp chúng thành 3 nhóm: muon, pion và kaon. Cả ba đều có một đặc tính chung cho hầu hết các mảnh hạt là đời sống rất ngắn ngủi, khoảng một phần triệu giây đồng hồ. Ngoài ra còn có các hạt nặng hơn neutron, gọi là hyperon: những hạt lambda, sigma, ksi... Thành thử ba hạt căn bản trước kia (proton, neutron, electron) bây giờ bị chìm đắm trong hàng chục mảnh hạt đủ loại.

Tranh thủ giữa quark và parton

Nhưng khó khăn chưa hết cho các nhà vật lý học. Đến nay người ta còn hiểu được có hạt âm thì có hạt dương hay ngược lại, vì vậy dễ chấp nhận cuộc khám phá các hạt electron dương và proton âm. Nhưng năm 1956, nghĩa là một năm sau cuộc thức biệt hạt proton âm, người ta lại tìm ra được một hạt anti-neutron. Neutron là một hạt trung hòa, không có điện tích nghĩa là không âm, chẳng dương thì phần hạt phải là thế nào? Lẽ tất nhiên nó cũng chẳng âm hay dương, khối lượng nó không thay đổi, chỉ có những hàm số lưỡng sóng của hai mảnh hạt là ngược nhau. Như vậy nghĩa là nếu hai hạt gặp nhau thì chúng bị tiêu hủy, bao nhiêu khối lượng được đều chuyển ra thành năng lượng.

Anti-neutron đã xáo lộn cách xác định cổ truyền một mảnh hạt với hai yếu tố khối lượng và điện tích. Từ nay môn vật lý các mảnh hạt phải dùng thêm những yếu tố khác để thức biệt. Dirac đã từng định nghĩa cho electron một

cách tự quay trên mình như một cái vù sinh ra momen gọi là spin (tiếng Anh to spin nghĩa là quay). Lý thuyết các mảnh hạt nhận thấy spin có thể là $0, 1/2$ hay 1 . Ví dụ proton, neutron, muon, electron có spin $1/2$ còn pion, kaon có spin 0 và photon hay quang tử có spin 1 .

Nhưng các mảnh hạt và các phản hạt không phải khác nhau ở spin. Còn có một thức biệt do năng lực kết liền proton và neutron trong hạch nhân mà ra, hoàn toàn không dính dấp gì đến điện tích. Người ta đặt tên cho yếu tố này là isospin. Rút cuộc cần phải bốn yếu tố khối lượng, điện tích, spin, isospin mới xác định được một mảnh hạt và phản hạt.

Rủi thay, môn vật lý học các mảnh hạt không phải dễ dàng vì càng đi sâu vào vấn đề, càng thức biệt nhiều mảnh hạt thì lại càng thấy bốn yếu tố vừa thấy không đủ chút nào để xác định mảnh hạt cũng như phản hạt như người ta đã hằng tưởng. Và các nhà vật lý học lại phải tìm, đặt những thông số khác...

Đằng khác, thức biệt được các mảnh hạt chưa đủ. Các nhà vật lý học đã nghĩ đến cách sắp đặt chúng như bản kê tuần hoàn Mendeleiev đã sắp đặt các đơn tố. Hơn nữa, người ta cũng muốn kiếm thành phần của mảnh hạt như trước kia các proton neutron, electron đã là thành phần của nguyên tử. Murray Gell'man ở Caltech đã đề nghị ba mảnh quark điện tích $+ 2/3$ và $- 1/3$ (xem Bách-Khoa số 259). Gần đây, một bạn đồng nghiệp của Gell'man ở Caltech, cũng đã được thưởng giải Nobel vật lý học như Gell'man, giáo sư Richard Feynman, đề nghị

tên khác : parton nhưng chưa xác định những thông số của chúng.

Rút cuộc, nếu cấu chất của các mảnh hạt chỉ đang còn nằm trong vòng lý thuyết, những phản hạt đã dần dần được đưa ra ánh sáng. Những kết quả vừa thu lượm được ở Prokochkine tuy không phải hoàn toàn mới mẻ trên nguyên tắc, cũng đã đem lại một con đường mới, một kỹ thuật hoàn hảo trong công cuộc chế tạo hạch nhân phản vật chất ngày càng lớn nạng.

Khái niệm âm dương tương đồng

Khó khăn nhất là ở chỗ phản vật chất không thể chung sống với vật chất. Như đã thấy ở trên trong trường hợp neutron, bất cứ mảnh hạt nào hề gặp phản hạt cùng loại thì tức khắc cả hai bị tiêu hủy đồng thời phát ra năng lượng. Ở trên mặt đất có mảnh hạt đủ loại, cho nên cứ chế ra một phản hạt không chóng thì chày nó cũng phải gặp mảnh hạt đồng loại.

Theo kỹ thuật hiện nay, tương đối dễ chế tạo ra những phản hạt như antielectron và anti-proton, nhưng còn khó tổng hợp ra những phản hạch do anti-proton và anti-neutron ghép lại với nhau mà làm thành.

Tuy nhiên sự hiện hữu của phản hạch và phản hạt đã mở cửa cho nhiều giả thuyết. Nhiều nhà bác học đã tưởng tượng đến một phản vũ trụ hoàn toàn đối xứng với vũ trụ ta. Xin nhớ là không có một định luật nào có thể giúp ta thức biệt vật chất và phản vật chất,

Nói một cách khác, nếu có người làm bằng phần vật chất thì họ cho họ là vật chất còn ta là phần vật chất. Một điều cốt yếu là họ và ta không thể gần gũi nhau.

Có người đã giả định những khối phần vật chất nằm giữa một vũ trụ vật chất hay trái lại. Nhiều lý thuyết thiên văn học đã dựa lên giả định này để giải thích một vài hiện tượng khó hiểu. Ví dụ chỉ khi vật chất và phần vật chất gặp nhau mới có thể phát ra những năng lượng vô cùng lớn đã tìm thấy

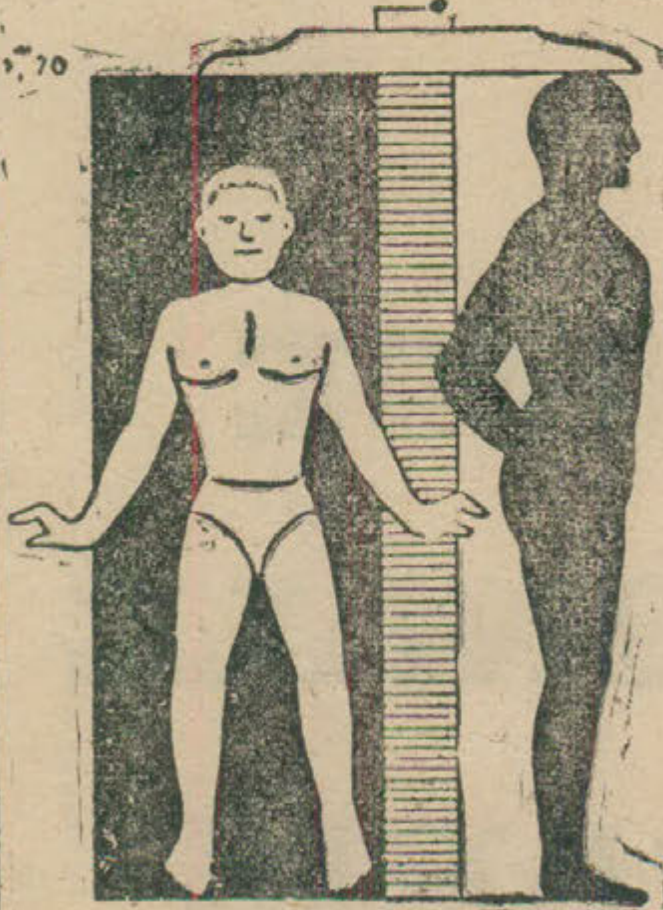
trong vũ trụ mà đến nay người ta không biết giảng nghĩa làm sao cho ổn.

Nếu vật chất và phần vật chất đang còn là đề tài khảo cứu vì dẫn chứng cụ thể rất còn là cần thiết, như từng lý thuyết đối xứng này dễ được những người ngoài giới khoa học chấp nhận. Người Việt ta chẳng hạn đã từng quen với khái niệm âm dương thì chắc cũng dễ tin tạo hóa luôn tôn trọng tính chất đối xứng vì không có lý do gì lại tán trợ vật chất này hay vật chất kia.

VÕ-QUANG-YẾN

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



- CON NIT MAU BIẾT ĐI

- CŨNG XƯƠNG.

- MANH KHOẺ .

- NGƯỜI LỚN CŨNG RĂNG .

- ÍT ĐAU RĂNG.

- YẾU PHÔI.

- MỆT MỎI .

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ?

KN Số 78: MBYT/QQPD

BANQUE

A votre service

tous les services de la

BANQUE

NATIONALE

DE PARIS

đàm thoại với **Bình-Nguyên-Lộc**

Tác giả « **NGUỒN GỐC MÃ LAI CỦA DÂN TỘC VIỆT-NAM** », người đã tách thức Miền Bắc bác được thuyết của ông.



LTS Nhà văn Bình nguyên Lộc, 57 tuổi, sinh tại làng Tân Uyên, Biên Hòa, đã viết văn, viết báo từ năm 1943. Ông từng chủ trương các tờ Tuần báo, Nhật báo và nhà xuất bản Bến Nghé; Ông đã làm thơ (2 tập thơ và 1 tiểu thuyết bằng thơ), đã viết một tập khảo luận về «*Khinh tâm bệnh và sáng tác văn nghệ*» (soạn chung với trưởng nam, bác sĩ Tô Dương Hiệp) đã sưu tầm biên khảo về Ca dao, về Cổ văn v.v., nhưng người đọc chỉ biết nhà văn Bình Nguyên Lộc nhiều nhất về các tiểu thuyết và truyện ngắn của ông đã xuất bản và đăng trên báo từ mấy chục năm nay. Theo Tiểu-sử của ông — do Nguyễn Ngu Í ghi lại trong tập «*Sống và Viết*» — thì đến năm 1966 ông

đã viết được 820 truyện ngắn, 52 tiểu thuyết ! Từ năm ấy đến nay (5 năm) con số trên đây còn tăng thêm rất nhiều nữa. Bỗng nhiên, người ta thấy tác giả «*Đò dọc*», cho ra một tác phẩm biên khảo thật quan trọng, dày 900 trang, chữ nhỏ, «*Nguồn gốc Mã Lai của Dân tộc Việt nam*» «*bác bỏ tất cả những sử thuyết sai lầm từ cổ chí kim, kể cả cuộc nghiên cứu nền văn minh Đông Sơn*». Không kể những chương trong sách là những «*khám phá kinh dị*» của tác giả, mà chính công trình sưu khảo trên chục năm nay đề cho ra đời cuốn sách trên đây của một tiểu thuyết gia rất quen thuộc ở Miền Nam này, đã là điều làm người đọc kinh dị. Do đó mà đã có cuộc đàm thoại sau đây :

BÁCH-KHOA: Từ hai mươi năm nay, tôi chỉ thấy anh viết truyện, tại sao bỗng dưng nay anh lại chuyển hướng đột ngột? Nguyên do nào thúc đẩy anh bước sang địa hạt khảo cứu, và tại sao anh chọn sử học mà không khảo cứu về văn học chẳng hạn, nó gần gũi với ngành hoạt động của anh hơn? Anh đừng khiêm tốn gì hết, cứ nói cả sự thật ra.

BÌNH-NGUYÊN-LỘC: Tôi không có chuyên hướng gì cả. Tôi bắt đầu khảo cứu cùng lúc với viết truyện, nhưng tôi chưa khám phá ra gì mới lạ hết, nên tôi không cho đăng các khảo cứu của tôi. Tôi quan niệm rằng khảo cứu, phải khám phá được cái gì kia, mới đáng công bố, còn không thì thôi.

Tôi cũng không thích nói lu bù

về công việc của riêng tôi. nên không ai biết tôi đã làm gì, thế nên anh mới có cái cảm giác «đột ngột», «chuyển hướng».

Còn tại sao tôi chọn sử học? Thật ra, thì như đã nói, tôi khảo cứu về đủ thứ việc, chẳng hạn về thời mà điệu thơ lục-bát xuất hiện, về ý-nghĩa thật của *Văn tế thập loại chúng sinh* có đăng ở tạp-chí anh, về đồ sứ Trung hoa, về *Nghệ thuật chơi cây cảnh non bộ*.

Riêng về sử học, thì đó cũng là một đề-tài nghiên cứu như các thứ khác, chứ tôi đâu có chọn riêng môn ấy. Tuy nhiên riêng về quyền *Nguồn gốc Mã-lai của dân tộc Việt-Nam*, thì có sự lạ. Anh đừng lo tôi quá khiêm tốn, mà chỉ nên lo tôi quá phách lối, sẽ xấu hổ cho giới học thuật là giới khiêm tốn. Trong quyền sách này, tôi có giọng văn «ba gai», cố ý, mà tôi có giải thích tại sao tôi vô lễ như vậy. Riêng cái sự lạ nói trên kia, là đây:

Tôi thi đua với Hà nội đấy. Sau hiệp-định Genève, tôi nghe đồn Hà-nội nỗ lực kinh hồn về sử-học và tiền-sử-học, nên tôi đua chơi cho vui.

☉ Tôi không sợ thua Hà-nội vì chỉ có sự nỗ lực mới là đáng kể, chứ thắng hay bại, không có gì xấu hổ hết. Nhưng tôi tin rằng tôi thắng. Đây không phải là sự tự tin của kẻ điếc không sợ súng, mà là của kẻ đã dày công học hỏi. Tôi thách thức Hà-nội bác bỏ được khuyết của tôi, thì tôi sẽ phục họ, bằng không thì dân tộc

Việt-Nam toàn quốc sẽ được lợi vô cùng mà biết tổ tiên ta là ai.

Hai miền Nam Bắc đánh nhau tưởng không hay bằng thi đua như thế này, không có ai chết cả mà nước nhà được giàu thêm những quyển sách đúng hay sai. Nếu sách của tôi sai, cũng còn được ba trang hữu ích trong 900 trang chớ lẽ nào không.

Tôi đã học đến mắc bệnh áp-huyết cao, thì dầu có sai, tôi cũng cứ hài lòng.

Chỉ tiếc hai miền không có trao đổi văn hóa với nhau, không biết Hà-nội sẽ biết cuốn sách của tôi chẳng. Ngoài ấy họ làm việc rất được chánh quyền họ nâng đỡ; ở đây, tôi làm việc tối tăm, thiếu điều-kiện. Nếu tôi thắng thì tôi rất sung sướng. Nhưng cũng hơi tủi thân.

Sách viết xong không có nhà xuất bản nào thèm mua cả, phải đi lạy từng người để lấy tiền in. In xong còn lo bán không ai thèm mua. Nhưng mà tôi không có bất mãn. Tôi cứ vui về học và viết, và chạy tiền đề in, mất hết sáu trăm ngàn, môn nợ này, tới già tôi trả cũng không hết nếu sách bán không được. Nhưng mặc kệ. Tôi phục vụ dân-tộc là sướng rồi, không mong đợi phần thưởng nào cả, hay nói cho đúng, chỉ mong đợi phần thưởng tinh thần là được thiên hạ đọc, mò xẻ, bài xích, phê bình, chửi bới cũng được, miễn là họ phải đọc.

Hà-nội có rất nhiều người giỏi, nhưng tôi thách thức tất cả những người ấy, không chừa ông nào hết,

trong nỗ lực phục vụ dân tộc chung của hai miền, phải thách thức như vậy mới có tiến bộ.

Nhưng nếu Hà nội có thấy rằng tôi viết sử đúng, chắc họ cũng không phục vì tôi chỉ đứng ở vị trí-khách quan chứ không thạo đường lối Mát-Xít, e họ không cho là tiến-bộ. Nhưng nếu họ không lên án tôi là phản-động là được rồi, nghĩa là họ nhìn nhận khách quan có thể chấp nhận được.

Không có gì thú vị bằng người coi thường mình mà lại theo dõi mình, đồng ý với mình. Tôi còn sẽ thi đua với Hà-nội bằng nhiều tác phẩm nữa, có rao trước ở bìa sau của quyển sách này. Tôi chỉ lo chết trước khi viết xong mấy tác phẩm ấy thì thật là quá ưồng !

Thời Trịnh Nguyễn tranh hùng, cũng nhờ hai miền thi đua như vậy mà dân ta tiến bộ nhiều lắm, tiến bằng năm bằng bảy thời thống nhất nữa. Tôi thường nghĩ đến câu tục-ngữ Pháp : *À quelque chose malheur est bon* " nghĩa là tai họa cũng có tốt ở vài điểm nào đó. Lai họa phân ly của Việ - Nam phải có tốt ở mặt nào đó, bằng không thì nguy cho dân tộc quá. Muốn gỡ gạc tai họa, phải thi đua xây dựng về văn hóa. Đó là sự quyết tâm của tôi.

Một lần nữa, tôi nhấn mạnh rằng tôi thách thức Hà-nội bác bỏ được thuyết của tôi. Nhưng chỉ dám thách về đại cương mà thôi, còn chi tiết thì dĩ nhiên cũng phải có sai, nhiều hay ít chưa biết. Đại cương là nguồn gốc Mã-lai của dân ta, được ba chứng

tích lớn xác nhận : Tiên - sử học, chủng tộc-học, và ngôn-ngữ ty hiện. Tôi không biết Hà-nội đã tìm được cái sự thật ấy hay không, dầu sao, họ làm việc cũng khác tôi, và chắc kết quả cũng có khác.

BÁCH-KHOA : *Anh dùng sử liệu ở đâu để viết «Nguồn gốc Mã-lai của dân tộc Việt-Nam» ?*

BÌNH-NGUYỄN-LỘC : *Làm gì có sử liệu vào thời tổ tiên ta ăn lông ở lỗ. Tôi dùng toàn khoa học không mà thôi.*

Viết về nguồn gốc một dân tộc, không cần sử liệu bao nhiêu, mà cần rất nhiều môn của các khoa-học, như khoa Tiên-sử-học, khoa Chủng-tộc-học, khoa Ngữ-học, khoa Dân-tộc học. Tôi đã phải học đến 38 sinh-ngữ Á-châu và 4 cổ ngữ Á-châu, học gạo y hết như một anh học trò, rồi còn phải tìm người nói ngôn ngữ ấy để kiểm soát lại, vì tôi học trong sách, e sai. Thành thử tôi phải tiếp xúc với trí thức Chiêm-Thành, với trí thức Ba-Thục, với trí thức Trung-Hoa, với những sinh viên có du học Nhật Bản, Thái - Lan, Nam - dương, vì nhiều cái (nhứt là lối nói riêng của các dân tộc) không có trong sách nào cả.

Anh có biết tôi học tiếng Nam-Dương bằng cách nào không ? Dĩ nhiên là tôi học trong sách. Nhưng con gái tôi du học ngoại quốc, nó ở chung với một cô gái Nam-Dương, và tôi học với cô nữ sinh viên ấy, qua trung gian của con tôi, tốn không biết đến mấy ngàn bạc tem gửi thơ

bằng tàu bay, nhưng tiếc tiền thì không biết nhiều được.

Thí dụ danh từ *Làng*. Cô nữ sinh viên ấy dạy cho tôi biết rằng ở Sumatra, người Mã-Lai nói *T'lang*, nhưng đến Phi-luật-Tân thì nó biến bậy ra là *Barang*. Danh từ *Cửa sông*, ở Malaisil nói *Kwala sôngai*, còn ở Sumatra lại nói *Murala Sôngai*. Nếu chỉ học trong sách, mà gặp toàn là *Barang*, *Murala*, thì không làm sao mà dò được rằng tiếng Việt đích thị là tiếng Mã-Lai, bởi *Barang*, và *Murala* khác danh từ *Làng* và *Cửa* của ta quá xa.

Ngày mà tôi tiếp xúc với một nhà trí thức Chiêm-Thành, tôi mới ngỡ ngờ ra là sách dạy bậy cả. Các ông Tây mắc bệnh viết dính, khiến tôi đọc sai hết, chính nhà trí thức ấy đã dạy tôi tách rời những tiếng mà Tây viết dính lại. Hóa ra tiếng Mã-Lai không còn đa âm nữa như ai cũng tưởng.

Hồi còn là học trò, tôi rất dỡ toán và Khoa-học, mà bây giờ phải học toán và Khoa học không mà thôi, tôi suýt đi Biên-Hòa, vì có nhiều khoa khó khăn lắm, như khoa chủng-tộc-học (*Anthropologie physique*) chẳng hạn, nhưng khoa đó lại là khoa nòng cốt của quyền sách, không học thì không xong.

Nhưng tôi rút ra được bài học này là toán-học là căn-bản cho sự nghiên-cứu, mặc dầu toán học không được bày trong sách bao giờ. Ai tiêm nhiễm tinh thần Toán học thì nghiên cứu đúng, còn không tiêm nhiễm thì sai hết.

Tôi nhớ thừa tôi còn học Trung-học, ông giáo-sư Toán-pháp của tôi cho điểm số 0 cho những anh nào nộp bài, giải đáp đúng một trăm phần trăm, nhưng suy luận tầm ruồng. Ông ấy giải thích: « Học toán không phải để làm toán. Khi các anh ra đời, các anh chỉ có việc làm toán cộng và toán trừ, thì không cần học cũng được, bởi đàn bà dốt, tính nhảm còn hơn các anh nữa. Học toán để mà suy luận cho đúng. Mặc dầu làm toán luôn luôn sai, tôi lại được ông thầy ấy cưng, vì tôi chú tâm vào việc suy luận đúng theo tinh thần toán học. Nhờ thế mà ngày nay, tôi làm việc với tinh thần đó và tôi bác bỏ được bao nhiêu sai lầm trong những cuốn sử đã có và khám phá được những sự kiện mới lạ hơn.

Điều này nói ra, nghe thật kỳ dị. Không ai tin rằng muốn khảo cứu về Sử-học mà lại phải tiêm nhiễm tinh thần Toán học, hai môn ấy có thể xa nhau vạn dặm, nhưng sự thật là thế. Không tiêm nhiễm tinh thần Toán học thì không khám phá được gì hết đâu.

Viết truyện cũng thế. Các nhà văn lớn trên thế giới, tuy cũng dốt Toán thừa họ còn mài đũng quần trên ghế nhà trường, nhưng họ vẫn tiêm nhiễm tinh thần Toán học, nên tác phẩm của họ mới chặt chẽ được. Qua hơn hai ngàn trang của bộ tiểu thuyết bay bướm *A la recherche du temp perdu* của Marcei Pionst, ai cũng thấy bàng-bạc tinh thần toán học trong đó, mà nếu thiếu, non hai ngàn trang tiểu

thuyết đó sẽ hóa ra hai ngàn trang nói tầm ruồng của một người điên.

BÁCH-KHOA : Trong sách anh có nói cả đến việc đối chiếu sọ Mã-lai và sọ Việt, coi như một chứng tích. Vậy ngoài việc học các sinh ngữ và cổ-ngữ Á-châu chắc anh đã phải học cả về khoa đo sọ ?

BÌNH-NGUYỄN-LỘC : Tôi đã phải học, vì tôi biết đó là chứng tích độc nhất mà khoa học nhìn nhận. Nhưng phải mất 100 năm mới đo được hết sọ các dân tộc Á châu được. Tôi nghĩ tôi sẽ không bao giờ có chứng tích đó để làm việc. Nhưng rất may mắn là một nhóm bác-sĩ Pháp, Nga, Nhật, Việt, đã đo xong rồi. Thành thử tôi chỉ dùng kết quả của họ là đủ.

BÁCH-KHOA : Anh làm sao có được tài liệu đó ?

BÌNH-NGUYỄN-LỘC : Tôi than không thể làm việc thi bào điệt của tôi là Trần-văn-Tốt, tác giả quyển *Introduction à l'Art ancien du Việt-Nam* tìm hộ tôi quyển đó. Đó là quyển sách xuất bản tại Hà-Nội hồi tiền chiến, nhưng ở Sài-gòn chỉ có một quyển độc nhứt.

BÁCH-KHOA : Xin anh cho biết đại cương về phương pháp làm việc của anh trong cuộc tìm kiếm nguồn gốc dân tộc Việt ?

BÌNH-NGUYỄN-LỘC : Tiên-sử-học đã tìm được 8 chủng khác nhau trong lòng đất của ta, mà không ai đối chiếu 8 chủng đó với chủng của ta thì làm thế nào mà biết sự thật

được. Muốn đối chiếu phải đo sọ của ta ngày nay để đối chiếu với 8 loại sọ người cổ mà các nhà tiên-sử-học đã đo rồi. Lại còn phải tìm biết loại sọ nào ăn khớp với sọ của ta, lại còn phải biết từ đâu mà đến và đến Cổ Việt vào năm nào. Đó là phương pháp chằm ngòi cho sự khai triển tìm tòi của tôi.

BÁCH-KHOA : Xin anh cho biết một vài « khám phá » của anh trong cuộc tìm kiếm trên đây.

BÌNH-NGUYỄN-LỘC : Nhiều quá. Mỗi chương là một khám phá, mà sách dày tới 900 trang, không thể nói hết được trong cuộc đàm thoại này. Tôi xin lấy 2 thí dụ nhỏ. Ta nói tiếng Mã-lai đúng hơn người Chăm, như các biểu đối chiếu ngôn ngữ cho thấy... Thế mà các ông Tây nhận diện được Chăm là Mã-Lai, mà không nhận diện được ta... Lại thí dụ, có hơn một trăm quyển sách Việt viết rằng Tạng-Quận là xứ ta, nhưng tôi đọc kỹ các cổ-thư Trung-hoa thì thấy Tần Thi-Hoàng không có bao giờ đánh Cổ-Việt cả, vì sử Tàu bí hiểm nên không học giả nào chú-ý đến điểm sử đó và viết sai hết.

BÁCH-KHOA : Anh thách thức các học giả Miền Bắc, vậy anh có theo dõi được công việc các nhà nghiên cứu ở Hà-nội không ?

BÌNH-NGUYỄN-LỘC : Tôi không có sách báo Hà-nội để đọc. Nhưng trong quyển sử của Giáo-sư Nguyễn Phương có ám chỉ đến Đào-Duy-Anh và những người công kích Đào Duy-Anh... Những ám chỉ đó cho thấy rõ

là Hà-nội chưa thoáng thấy những gì mà tôi đã khám phá ra. Thí dụ tôi khám phá được Lạc là gì, trong các cồ thư Trung-hoa, nói rất rõ. Đó là sự phiên âm sai lầm (Mã) Lai. Thế mà Hà nội vẫn còn cãi nhau về con chim Lạc. Hà nội có phát kiến thêm được nhiều cồ vật, nhưng không thấy ý nghĩa thật của các cồ vật ấy v.v... Thuyết Đào Duy-Anh tuy đã quá cũ, nhưng những người công kích Đào-Duy Anh cũng chẳng có đưa ra thuyết nào mới hơn, và nhất là đúng hơn.

BÁCH KHOA: Trong bao nhiêu năm nay anh vẫn không ngừng sáng tác, vậy anh làm thế nào mà có thể vừa viết truyện đăng trên các báo hàng ngày lại vừa học và nghiên cứu để viết được cuốn sách 900 trang này.

BÌNH NGUYỄN LỘC: Tôi bắt đầu học từ năm 1954 và mãi tới năm 1964 mới bắt đầu viết «*Nguồn gốc Mã-lai của dân tộc V.N.*» và viết xong năm 1970. Như vậy là học trong 10 năm và viết trong 6 năm. Thật ra nếu không phải viết báo kiếm cơm, không bận các việc gia đình, tiếp khách v.v... thì chỉ viết chừng 1 năm cũng xong. Khi tôi đã khám phá được

mỗi chỉ bắt đầu phải đi thì bao nhiêu nỗ lực của tôi dồn vào đó hết. Ngoài thì giờ viết truyện, được lúc nào rảnh là tôi viết cuốn sách đó. Thường tôi vào Thư viện đọc sách lấy notes, rồi về nhà viết. Tôi phải kiếm tài liệu ở Thư-viện Quốc-gia, Thư-viện của Viện Khảo cổ và cả ở Thư-viện của Hội Khảo-cứu Đông-dương nữa.

BÁCH KHOA: Anh có thấy mê say trong công việc không? So sánh viết k'ảo cứu với viết truyện anh thấy thế nào?

BÌNH NGUYỄN LỘC: Mê say vô cùng. Tôi nghiệm ra rằng viết sách khảo cứu khám phá thích thú chẳng khác gì nhà trinh thám khám phá một vụ án mạng, cũng có nhiều mối ăn hấp dẫn không thể tưởng được. Nhưng viết truyện cũng là khám phá con người, cũng thích lắm chứ.

Thực ra tôi chỉ vui thích khi nào viết được cái gì độc đáo. Còn viết truyện xoàng xoàng để bán lấy tiền ăn cơm thì nó chán 10 lần hơn viết khảo cứu nữa.

BÁCH KHOA ghi chép

Sắp phát hành

TẬP BÚT IV

của VÕ PHIẾN

THỜI MỚI xuất bản

TRÍ ĐĂNG tổng phát hành

Đường lên Berlin

Tiến-sĩ Kunze, vị giáo-sư già, đầu tóc bạc phơ nhưng vui-tính và hết sức khả-ái của Viện Văn-hóa Goethe ở München, bắt tay giới-thiệu tôi với các sinh-viên ngoại-quốc, khi tôi xách chiếc bị giang-hồ bước vào phi-cảng Riem. Ông bông-đùa chỉ vào từng người nói với tôi, đây là Hoàng-hậu Sirikit, đây là nữ Thủ-tướng Indira Gandhi, đây là Đông-cung Thái-tử Akihito..., sinh-viên nước nào ông lại kèm theo tên của vị nguyên-thủ quốc-gia nước ấy khiến mọi người cười ồ vui-vẻ. Lúc bấy giờ tôi mới có dịp quan-sát đoàn sinh-viên đồng-hành với tôi lên Berlin gồm có bốn cô Thái-lan, một cậu Nhật, hai cô cậu Ấn-độ, một cậu Lybie và hai cô Nam-Mỹ. Họ là những giáo-sư Đức-ngữ được đài-thọ đến thụ-huấn tại Viện Goethe và sắp thành tài. Cô Ess, nữ phụ-tá của giáo-sư Kunze đưa cho tôi mấy số báo Việt-ngữ vừa từ Passau chuyển xuống. Trời ơi cố-nhân! Không hẹn mà gặp. Cô nàng má đỏ au, có mái tóc thề như các nữ-sinh Đồng-Khánh, đang đứng trước mặt tôi, chính là người năm xưa đã đến đón tôi trước sân ga Munich, vào một sáng mùa Đông tuyết phủ ngập trời. Nàng giúp tôi xách hành-lý lên tắc-xi về trú tại khách-sạn Jedermann ở số 95/1 đại-lộ Bayernstrasse. Sau đấy, tôi lang-bạt kỳ-hồ đi khắp nước Đức, không gặp lại nàng. Cô Ess nhìn sững tôi một lát rồi mỉm cười nói :

— « Trời ơi ông Nguyễn! Ông hoàn toàn đổi khác, tôi không còn nhận ra ông nữa. Đồ ấy ông gầy, chiếc áo choàng rộng thùng-thình, dài quá gối. Bây giờ mặt ông béo hẳn ra. Khí-hậu của Âu-châu hợp với ông rồi đấy! »

Chúng tôi nói chuyện với nhau rất lâu cho đến khi chiếc phản-lực Boeing 727 chở chúng tôi rời phi-đạo vút lên không-trung, tôi mới nhớ là mình quên gài giầy an-toàn. Và cũng tự hỏi tại sao mấy ông Đức lần này lại dùng máy bay Pan American (Phi-vụ 732) thay vì đi Lufthansa như thường lệ. Cô Ess nói tiếp :

— « Đến Berlin chắc ông sẽ thích thú lắm! »

Tôi mỉm cười không đáp. Quả thật nàng đâu hiểu nổi tâm-trạng của tôi lúc này. Tôi đang ngồi tiếc rẻ! Thoạt tiên, tôi dự-tính đi đường bộ. Vì chỉ đi đường bộ tôi mới có dịp nhìn tận mắt những thắng-cảnh và nếp sinh-hoạt của Đông-Đức, dù chỉ là những nếp sinh-hoạt lẻ-tẻ có tính cách tuyên-truyền diễn ra trên hành-lang quốc-tế dẫn vào Tây-Bá-Linh. Suốt trên lộ-trình này, du-khách không được bước chân xuống đất và qua các trạm kiểm-soát phải mở tất cả hành-lý cho Công-an nhân-dân (Volkspolizei) khám-xét. Ngoài chiếu-khán nhập-nội của chính-quyền Đông-Đức, trong chiếu khán của Tây-Đức phải có hàng chữ « einsch des Landes Berlin » (kể cả khu vực Bá-

Linh) mới được vào Tây-Bá-Linh.

Hãng xe buýt du lịch Bus-Pauschalreisen tổ chức những cuộc viếng thăm Berlin trong phạm vi ba ngày với giá rất rẻ 119DM (khoảng hơn 8000 đồng VN) kể cả chi-phí cư-trú, di-chuyển và chương-trình thăm-viếng. Hết ba ngày, nếu du-khách còn muốn ở lại, chỉ trả thêm phí-khoản 16DM cho mỗi ngày, hoặc sang hơn tí nữa, muốn ngủ phòng riêng, trả thêm 1DM50 nữa. Từ München đến Berlin đường dài 675 cây-số, đi tàu hỏa mất hơn mười tiếng đồng-hồ; khởi hành từ München lúc 10 giờ 22 phút tàu sẽ đến ga Berlin Zoo lúc 21g03; giá vé 56,60DM một chuyến. Đi xe buýt, thời-gian dài hơn một chút nhưng rẻ tiền và thoải-mái hơn. Lại có người của hãng du-lịch hướng-dẫn, giải thích khi đến thăm các thắng-tích. Tôi đã điện-thoại giữ chỗ trước. Nhưng tình cờ gặp giáo-sư K. Neuser ở Viện Goethe. Ông tròn xoe mắt bảo: — « Ông Nguyễn, tôi cần ông, đi đường bộ qua vùng Đông-Đức gặp chuyện không may ân-hận lắm. Tại sao không đi máy bay? Giá đâu có đắt. Sinh-viên của viện tôi sắp có một toán lên thăm Berlin, nếu ông muốn, tôi giúp ông một chỗ khỏi trả một đồng xu nào. Ông chịu không? »

Thế là tôi đổi ý. Sự đổi ý của tôi một phần vì thịnh-tình của giáo-sư Neuser, nhưng phần khác do mẹ tôi. Bà cụ từ đầu năm cứ viết thư căn-dặn mãi: — « Con phải ý tứ cẩn-thận, năm nay sao La-hầu chiếu, hạn con nặng lắm. Mẹ đang lo dương sao giải hạn. Con phải... » Rồi như còn sợ ông còn phóng-

đăng, tiêm-nhiễm thói Tây-phương, không lo giữ thân, mẹ tôi lập đi lập lại có đến hàng trăm cái « con phải », đờ lên tôi cũng đâm bối-rối. Sự đổi ý sẽ là một cái cớ để tôi viết thư về kể lại cho mẹ tôi vui lòng. Nhưng mẹ tôi đâu có biết, dân Đức cũng tin dị-đoan không kém người Việt-Nam bao nhiêu. Tại München, mấy bà bói bài sống rất vương-giã, tiền vào như nước. Và các báo Đức vẫn có mục tử-vi Horoscope hoặc phỏng-vấn các Nostradamus nổi tiếng để câu khách.

Nói đến việc ngang qua vùng Đông-Đức, người Tây-Đức nào cũng ngại-ngùng, e-sợ, dù chỉ là đi trong hành-lang quốc-tế và có đầy-đủ giấy-tờ hợp pháp. Lẽ tất nhiên không phải sợ chủ-nghĩa Cộng-sản hay những người dân sống trong vùng Cộng-sản; hãng có là hàng năm, vô số dân-Đức sang du-lịch ở Tiệp-khắc, Belgrade, Prague, Moskou... Các hãng du-lịch Tây-Đức nói rộng tầm hoạt-động lên đến ven biên Siberia. Du-khách Tây-Đức đến các xứ Cộng-sản không gặp một khó-khăn nào. Trong các Đại-học Tây-Đức, nhiều lớp số sinh viên từ các nước Cộng-sản đến học chiếm trên một nửa và chủ-thuyết Cộng-sản vẫn được đem ra mổ-xẻ, bàn-cãi một cách rất tự do.

Nhưng đối với Đông-Đức lại khác. Người Tây-Đức sợ những người Đức Cộng-sản còn hơn sợ cộng. Nếu có việc đến Berlin, họ thường đi máy bay, chứ ít khi dám dùng đường bộ. Sự lo-sợ của họ có lý-do chính-đáng, vì trước đó, đã có một số người đi và không bao giờ trở lại. Thân-nhân không hiểu vì

sao. Phải chăng tên tuổi họ, vì một lý-do nào đó, đã không may nằm sẵn trong sổ đen, sổ đỏ của mấy ông mật-vụ Đông-Đức ?

Đúng 12g45, cô chiêu-đài-viên dân «Berlinerin» chính-thống, với thói quen «bỏ quên» các âm «ss», «z» và «g, f», qua máy phóng-thanh báo cho du khách biết phi-cơ đã vào không-phận Berlin. Từ Munchen đến Berlin bay đúng 1 giờ 10 phút. Tôi nhìn qua khung cửa kính, lòng run run nao-nức. Berlin, dưới ánh nắng ban trưa, bừng sáng như một viên ngọc-bích. Đẹp một cách đài-các, thơ-mộng dù cổ-họng của những con quỷ kỹ-nghệ vươn cao trong không gian, nhả khói phì-phò. Nhiều thành-phố, thoạt trông vẻ lỏa-lồ, tro-trên làm du-khách cụt hứng, ngược lại có những địa-danh, dù cách xa không-gian và thời-gian, vẫn sống động đậm-đà trong tiềm-thức, mỗi lần kỷ-niệm khơi dậy là mỗi lần thích-thú. Berlin đã chiếm cảm-tình đặc-biệt của tôi ngay từ phút đầu. Rất có thể tôi nhìn nó qua lăng-kính thuần-túy tình-cảm. Tình-cảm thương vay xót muốn dành cho một đô-thị gục ngã thê-thảm nhất trong Thế-chiến thứ hai và ngày nay định-mệnh vẫn còn trói buộc khát-khe, biến nó thành một «Đầu-cầu của chiến-tranh lạnh», có thể châm ngòi bất cứ lúc nào cho đại-chiến nguyên-tử tận-diệt Nhân-loại. Ngày xưa, nó là thủ-phủ của một giống dân thông-thái, anh-hùng ; của Goethe, Kant, Hegel, Fichte, Luther, Gutenberg, Einstein, Max Planck, Ohm, Faraday, Nietzsche, Koch, Von Brau, Schopenhauer, Justus Liebig... những

đỉnh núi cao chót-vót trong lĩnh-vực trí-tuệ của loài Người. Ngày nay, theo lời báo Der Spiegel, nó là một đô-thị bị bệnh thần-kinh và bị xé rách thành hai mảnh, một mảnh bên Đông, một mảnh bên Tây. Nhìn vào bản-đồ nước Đức, Tây-Bá-Linh như một hòn đảo (mà quả là một hòn-đảo chính trị) nằm giữa đại-dương đỏ. Đỏ không do chủ-nghĩa vì lẽ chủ-nghĩa Mác-xít vốn tự nó đã là một gia sản của triết-học Đức trước khi biến thành chiêu bài đấu-tranh của một nửa nhân-loại. Mà do sự tranh-chấp giữa những anh khổng-lồ chuyên sống bằng nghề nhai xương, uống máu, đập đầu, móc họng nhau để dành quyền bá-chủ. Thật tội cho cả hai bên và tội nhất cho Berlin. Đối với những anh khổng-lồ bên này, Tây-Bá-Linh là một «Druckkopf» (nút bấm) mà Nga-sô, mỗi khi có chuyện bực mình hoặc nổi hứng bất tử, đưa tay bấm lia-lịa để hoạnh-hoặc, đòi-hỏi phe Tự-Do một vài nhượng-bộ, không nhất thiết tại miền đất Berlin, mà ở những nơi khác trên thế-giới, như Việt-Nam chẳng hạn. Đối với anh khổng-lồ bên kia, còn thê thảm hơn nữa, Tây-Bá-Linh là một mũi dao oan-nghiệt, địch cứ xoáy mãi vào tâm can, đau buốt không sao chịu nổi ; một nhọt ung-thư sưng tấy ngay trong phế-phủ, nếu không cắt bỏ, một ngày kia ăn lan sẽ mục thúi cả thân-thể. chết không kịp ngáp. Để làm dịu bớt, cơn đau, Nga-sô bên ngấn đôi Berlin bằng một bức tường xây ngày 13 8-1961, chạy ngoằn-ngoè từ Bắc xuống Nam, cùng với hào chông và kềm gai dăng-mắc. Đồng thời «bấm nút» thường xuyên để đối-phương lỏng bớt chuỗi

dao. Vụ bắm nút mạnh-mẽ nhất xảy ra vào năm 1948, báo-chí Đức gọi là «Blokade Berlins» (phong-tỏa Bá-Linh) *Mấy triệu dân Tây-Bá-Linh xanh mặt, Họa đói rét chập-chờn trước mắt. Các quốc gia Đồng-minh bèn lập một cầu không-vận chở thực-phẩm từ «Đất liền» (1) cách 170 cây-số đến nuôi dân «đảo» Tây-Bá-Linh. Tất nhiên không thể thỏa mãn nhu-cầu 100%. Trong khoảng thời gian này, dân Tây-Bá-Linh chịu cảnh cơn cao gạo kém, thiếu-thốn một vài tiện-nghi, nhưng không chết, không đầu hàng, không cô-quạnh. Thị-trưởng Tây Bá-Linh Ernst Reuter (1889 - 1953) tuyên-bổ một câu rất hùng-hồn:—«Đói rét dễ chịu-đựng hơn nô-lệ». Nô-lệ hiểu theo nghĩa mạnh của những quả thối-sơn đến từ hai phía, cả bạn lẫn thù. Người bạn Đồng-minh thừa lúc cửa nhà gặp cơn tai-biến, phóng tay chèn-ép, bắt-nạt đủ điều, coi dân Tây-Bá-Linh như một bọn nô-lệ. Trong cơn tủi-nhục, dân Tây-Bá-Linh bắt-khuất mai-mĩa: «Auch die best Blokade ist schlecht. Während uns die Russen blockieren, ernähren uns aber die Amerikaner. Gott sei Dank ist es nicht umgekehrt» (Ngay cả cuộc phong-tỏa hoàn-hảo nhất cũng dở-ợc. Trong khi người Nga phong-tỏa chúng tôi, người Mỹ gần lại với chúng tôi. Nhờ trời không xảy ra điều ngược lại) (2). Và họ ngạo nghễ:— «Die Blokade ändert nichts» (Cuộc phong-tỏa không thay đổi được gì cả) (2). Nga trơ-trên bèn chấm dứt phong-tỏa ngày 11-5-1949.*

Phi-đạo như một giải lụa xám trải dài xa tấp. Thân phi-cơ hơi nghiêng, mũi chúc xuống, bao-tử đầy áp thức

ăn như có một bàn tay vô-hình vò-bóp, hất tung lên, hàng nút không-khí ngưng hoạt-động, mồ-hôi vả ra ở cổ và thái-dương. Cảm-giác chỉ thoáng qua, phi-cơ đã dừng trước sân phi-cảng quốc-t^t Tempelhof. Berlin có hai phi-cảng, Tempelhof và Tegel. Cũng như Frankfurt, Munchen, phi-cảng Tempelhof hoạt-động rộn-rịp. Phi-cơ lên xuống không ngớt. Sừng sừng trước mặt du-khách, cả một khối kiến-trúc tân-kỳ hình cánh cung màu xám, hành lang tỏa rộng che khuất một khoảng sân lớn, hình như dùng nhiều vật-liệu tiền-chế. So-sánh đám phi-cơ đậu san-sát phía trước với tòa nhà, du-khách có cảm-tưởng đây chỉ là ngón chân, ngón tay của một con quái-vật khổng-lồ. Khu này trước kia nguyên là Diển-vũ-trường của quân-đội Phổ. Du-khách bước lên những bậc cấp vào bên trong, tiếng máy phóng-thanh oang-oang loan-báo những chuyến tàu đi và đến. Đèn hiệu ở các ngõ vào phòng-đợi chớp sáng.

— «Passkontrolle. Bitte!» (Xin cho kiểm soát thông-hành).

Người cảnh-sát mặc áo màu xanh dương vừa nói vừa lễ-độ chào du-khách, khẩu súng lục lủng-lẳng bên hông. Giáo-sư Kunze ghé tai tôi nói nhỏ:

— «Hôm nay có chuyện gì mà các chuyến bay từ nội-địa đến Berlin qua hai lần kiểm-soát!» Hành-lý được máy tự-động chuyển thẳng ra phía trước.

(1) Báo-chí Đức gọi đùa là «Festland». 170 cây-số tính từ biên-thùy Đông-Đức; thực ra cầu không-vận nối liền các phi-trường xa hơn.

(2) Trích «Im Wandel der Jahre» của Harold von Hesse

Hành khách đứng hai bên thăm máy, nhìn đúng cái nào của mình thì đón lấy. Biết đến bao giờ dân-trí xứ mình mới đạt đến trình-độ như thế? Hãng Air-Việt-Nam cử nhân-viên thầu, phát một cách cẩn-thận mà vẫn không tránh khỏi nạn mất cắp. Nếu Sài-gòn cũng phát hành-lý theo kiểu này, chỉ ít hôm hãng sẽ sạt nghiệp. Hôm tôi từ New-Delhi về Tân-sơn-nhất, lục tìm mãi, không thấy chiếc va-li của tôi trong đống hành-lý. Người trách-nhiệm hốt-hoảng cho nhân-viên ra phi-cơ kiểm, mới phát-giác chiếc va-li của tôi bị một bàn tay nham-nhúa giữ lại, trên nắp va-li một đường cắt dài hơn hai tấc nằm tênh-hênh thê-thảm. Người bạn ngoại-quốc đồng-hành hỏi lý-do, tôi cố nở một nụ cười bình-thản, bảo là bị cạnh sà phi-cơ chần rách, để giữ quốc-thể của mình. Ở nước Đức, báo-chí bày bán trên vệ đường, người mua tự-động bỏ tiền vào hộp và lấy báo, không ai kiểm-soát. Các bưu-ảnh cũng bán cho du-khách theo kiểu đó. Trên khắp ngõ phố bày nhan-nhãn các máy tự-động bán thuốc lá, bánh-kẹo tiê con và thực-phẩm, phía trước lồng gương, chỉ cần một viên cuội nhỏ cũng đủ đập vỡ. Thế mà ít khi bị mất cắp. Nếu bị mất thì còn ai dám bày bán?

Chúng tôi bốn tên đực-rựa oằn lưng chia nhau xách hành-lý cho các cò. Giáo-sư Kunze già lụm-khụm cũng vác một xác to-tướng. Tôi xách đồ cho cô Ess. Đi chơi trong vòng một tuần, tôi mang theo một chiếc xác nhỏ, đã cho là quá đủ và nặng; nhưng đối với các nàng lại khác, riêng quần áo đã đầy một va-li lớn, chưa kể bao nhiêu cái linh kính

khác, Thấy tôi méo mặt, cổ áo sơ-mi ướt đẫm mồ-hôi, nàng nhìn tôi thương-hại:

— «Làm đàn ông ở Âu-châu kể thật cực! Trông ông tội nghiệp quá. Biết thế bỏ bớt ở nhà. Nhưng đến thủ-đô hoa-lệ Berlin chả lẽ không diện một tí? Nghe nói các cô Sài-gòn diện lắm phải không ông? Ở Á-đông có tục trọng nam khinh nữ không?» Tôi cười đọc cho nàng nghe mấy câu ca-dao Việt-Nam:

« Ba đồng một mó đàn ông, »

« Mua bỏ vào lồng cho kiến nó tha. »

« Ba trăm một mụ đàn bà, »

« Rước về mà trải chiếu hoa cho ngời. »

Đã-thế, thân-phận tôi-đòi còn cực gấp mười đàn ông Âu-châu.

« Đàn ông gánh nước, quét nhà. »

« Vợ gọi thì dạ, bả em đây. »

Cô Ess nghe tôi dịch xong cười như nắc-nẻ, nắm lấy vai tôi lắc mạnh, khiến chiếc va-li đu-đưa Nặng quá, tôi phải để xuống nghỉ một lát. Nàng thích chí kể lại cho mấy cô kia cùng nghe, rồi cả đám rũ ra cười. Giáo-sư Kunze nghe xong chêm thêm một câu thật tếu:

— « Khi nào anh về Việt-Nam cho tôi theo với. Cái thân già của tôi vác về Á-Đông, các bà xải-xể may ra mau chết, mới rảnh nợ được! Tôi chịu cảnh nô-lệ ở đây 30 năm muốn gãy xương sườn rồi!»

Qua khỏi lớp cửa tự-động, ra bên ngoài phi cảng, tôi mới rảnh nợ. Chiếc xe buýt, từ Munchen điện lên dận trước, lướt đến đậu ngay bậc thềm, thì giờ sít-sao, không dư một phút. Người Đức vốn nổi tiếng đúng giờ. Một nhân-viên

hỏa xa cho tôi biết, các chuyến xe hỏa của họ (vào mùa Hè, trên khắp nước Đức có 1000 chuyến tàu khởi-hành đi các nơi) qua các ngã tư thành-phố, được tính đúng một cách tỉ-mỉ để tránh nạn ngưng-trệ lưu-thông. Đúng giờ ấn-định, đèn đỏ chớp sáng; các cần chặn ngang đường tự - động buông xuống. Các chuyến tàu-trẻ phải thông-báo trước để nhân-viên phụ trách kịp-thời điều-chỉnh. Lúc nghe, tôi không mấy chú-ý, nhưng khi lên nghỉ Hè ở Kassel, được xem triển-lãm kỷ-niệm 175 năm khai-trường (thiết-lộ) miền Bắc Hessen, tôi mới phục cách sắp xếp giờ-giấc của người Đức. Phục nhưng hơi ngán, nhất là khi đọc bản chương-trình thăm viếng Berlin của viện Goethe, thời-khắc tính theo từng phút. Giờ-giấc chính-xác là một đức-tính tốt, nhờ đó công-việc có thể hoàn-thành một cách đều-đặn, thu-gặt kết-quả mỹ-mãn. Nhưng con người vô-tình biến thành cái máy. Người Á-Đông thường theo thời-khắc cao-su, hẳn là một tính xấu, nhưng trong tận cùng sâu thẳm cũng có lý-lẽ riêng của nó. Có thể đó là một nét tinh-hoa của triết-lý Lão - Trang, một chút vô-vi hòa với Phật-tính ngăn bót "cơ-tâm" của con người. Riêng tôi, một vài phút ngủ nướng, một chút rảnh-rang giữa bao nhiêu cấp-bách bề-bộn vẫn cảm thấy thích hơn cái cảnh chạy học mệt cho kịp lên tàu-điện hay vừa ngón một khúc bánh-mì xúc-xích vừa đưa tay liên-tiếp coi đồng-hồ. Vì thế tôi thích mấy chữ của Boileau trong Art Poétique : « Hâtez vous lentement » (Hãy háp-táp chằm-chậm). Nó có một chút gì rất Á-Đông và rất con Người.

Xe chúng tôi qua Platz der Luftbrücke, nơi có đài kỷ-niệm cuộc vận-chuyển không-lồ bằng phi-cơ nuôi dân Berlin trong cuộc phong-tỏa năm 1948. Đài là một khối bê-tông có hình dáng một chiếc cầu khom vòng cung, vươn lên không-trung như một đường bay của phi-cơ, phần trên cùng cắt thành ba ché nhỏ, người Đức gọi là Luftbrückendenkmal. Dọc theo những con đường đông đúc có bóng cây im-mát, xe đến trước tòa Đô-chính Schöneberg, nơi các Nghị-sĩ và Dân-biểu Berlin nhóm-họp. Khu này, sau khi Tổng-thống Kennedy bị bắn chết, đổi tên thành Công-trường John F. Kennedy để nhớ lại ngày Tổng-thống Mỹ đến thăm thân-hữu thành-phố Berlin. 50.000 dân Berliner đã đón ông tại đây. Tượng Kennedy hình tròn gắn trên thành tường ở mặt tiền. Trên vòm tháp cao 71 thước treo quả chuông Tự-Do (Freiheitsglocke) của dân Mỹ đúc tặng dân Berliner vào năm 1950. Mỗi ngày, chuông đổ vào lúc 12 giờ trưa. Có lẽ muốn nhồi vào óc dân Berlin ý-nghĩa của câu « New Birth of Freedom » khắc trên chuông, nên trong ngày khánh-thành họ đã huy-động hơn nửa triệu người tham-dự. Xe tiếp-tục vượt Bayerischer Platz, đại-lộ Bamberg, Guntz... đưa chúng tôi về trú tại khách-sạn Nikolsburger Hof, nằm trong quận Wilmersdorf (số 6-7) Nikolsburger Platz). West-Berlin có tất cả 12 quận. Đó là các quận Spandau, Zehlendorf, Schöneberg, Wilmersdorf, Steglitz, Tempelhof, Neukölln, Reinickendorf, Tiergarten, Wedding, Charlottenburg và Kreuzberg. Mỗi quận có một huy-hiệu (Wappen) riêng, mô-tả thảng-tịch

độc-dáo của địa-phương. Chẳng hạn như vườn Tiergarten (vườn bách-thú), trên huy hiệu thêu một chú nai thè lưỡi, nhảy tung-tăng giữa thảm hoa, hoặc quận Charlottenburg thêu một chiếc cổng lâu-đài xưa, vì tại đây có lâu-đài nghỉ mát của bà Hoàng Sophie Charlotte. Hiệu-kỳ (Landesflagge) của Thủ đô Berlin gồm ba màu, giữa trắng hai bên viền đỏ. Trên nền trắng thêu một chú gấu đen vung tay thè lưỡi đỏ lỏm. Khách-sạn chúng tôi trú là một ngôi nhà cổ, hành-lang u-ám, sàn nhà lát ván ọp-ọp dàn hoa leo bên ngoài phủ kín mặt tường, trông rờn-rợn quái-dị. Chiếc thang máy bằng gỗ, có lẽ tạo từ thời con người mới chế ra thang máy, khung tay cầm khuyết sâu, nhẵn-thín như ai đánh xi-ra. Bấm nút cả chục lần mới chịu động-đậy, tụt dần xuống với tiếng răng-rắc như sắp gãy. Chìa khóa cổng thuộc loại xưa, hai đầu đều có móc khớp, muốn rút chìa ra khỏi ổ, khách phải vào bên trong và khóa cửa lại. Loại khóa này dùng để nhắc khéo những ông khách đi chơi đêm, rượu say say ngà ngà, đang-trí quên khóa cổng. Khách-sạn cũ-kỹ như thế nhưng khách-trợ vào ra tấp-nập. Hỏi ra mới biết, ngoài ưu-điểm yên-tĩnh, giá cả ở đây rất « phải chăng ». Đặc-biệt các phái-đoàn đông người còn được hưởng giá hạ.

Theo chương-trình, đúng 13g50, chúng tôi phải có mặt tại phòng khách của nhà hàng để nghe giáo-sư Kunze thuyết-trình, sau đó dùng cơm trưa. Đối với sinh-viên của Viện Goethe, lên Berlin không chỉ nhằm

mục-đích du-lich mà du-lich cốt để học-hỏi (Studienfahrt). Người nào cũng chăm-chú nghe và ghi chép cẩn-thận vào sổ tay. Khi về Munchen sẽ có một đề luận nhắc đến cuộc viễn-du này. Ở phòng khách bên kia, hai phái-đoàn học sinh Thụy-điển và Đan-mạch cũng làm tương-tự như thế.

Bữa ăn đầu tiên trên đất Berlin gặp một trở-ngại. Giữa lúc mọi người nhai ngon lành miếng đùi heo hầm với khoai tây thì cô bé Ấn-độ ngồi thỏ dãi ngao-ngán. Đạo của cô không cho phép ăn thịt và giáo sư Kunze cũng quên băng điều ấy. Tội nghiệp cô bé, đói bụng quay-quắt, vừa thấy mặt bà chủ nhà hàng đã kêu « Obst ! » « Obst ! » (trái cây) luôn miệng. Cô cho biết, ở Ấn-độ, cô chỉ ăn cơm với nước đường và đậu-phụng. Thân hình mảnh-mai, ốm yếu của cô « bơi » trong bộ đồ đầm khiến tôi không thể nhìn cười được. Người bạn thân nhất của cô trong đoàn là cô bé mập lùn nhưng khuôn mặt rất đẹp, người xứ Ba-tây. Sự thân thiết này sinh qua trung-gian của anh sinh-viên Ấn-độ, quê ở Calcutta, thuộc Vạn-thặng-giáo (Djaina), nhưng ăn uống không kiêng-cử một thứ gì. Anh là người tình của cô bé Ba-tây. Họ hẹn với nhau khi ra trường, sẽ làm « chim liền cánh, cây liền cành », lấy đất Đức xây tổ uyên-ương. Hai cái nhược-tiểu kết hợp không biết có tạo được một cường quốc chăng ?

(còn tiếp)

TRẦN-LÊ-NGUYỄN-VŨ

ĐÃ PHÁT HÀNH TOÀN QUỐC:

Tác phẩm mới nhất của Nguyễn-thị-Hoàng

BÓNG NGƯỜI THIÊN THU

- Chuyện tình dịu dàng trong khung cảnh xinh tươi và thơ mộng của Đài-loan.
- Con người từ khước hạnh phúc tầm thường nhưng có thật để đuổi bắt hạnh phúc ảo tưởng.
- Con người yêu tình yêu của mình hay yêu người yêu?
- *Đọc trong :*

BÓNG NGƯỜI THIÊN THU



NGUYỄN-ĐÌNH VƯỢNG xuất bản

Một nơi cao hơn nhìn xuống

truyện ngắn HỒ-MINH-DŨNG

Điều làm cho lão Vịnh khó chịu hơn hết là tiếng đọc kinh cầu nguyện. Trước kia còn ở bên phố, nhà gần một cái chùa, không đêm nào ngủ được yên giấc, cứ đều đặn khoảng một giờ sáng, vị tu trì cùng với vài chú tiểu thức dậy đốt đèn sáng trưng đọc kinh, khỏ mõ cho tới mặt trời mọc. Nay mua được căn nhà này, lão đã lựa chọn một nơi không có nhà thờ, chùa chiền, chợ búa, trường học để may ra được sống cái tuổi già yên lặng theo đúng như trong sách thánh hiền ngày xưa, nhưng lại gặp một gia đình không biết theo đạo gì, đêm nào cũng vậy, khoảng cơm nước xong, gia đình xúm nhau đọc kinh vang rộn, có hôm bày ra cuộc cãi vã lý-thuyết tôn giáo mình đến khuya mới chịu đi ngủ. Cả hai nơi, tuy khoảng thời gian khác biệt, âm thanh những bài kinh cũng khác biệt, nhưng lão Vịnh có cảm tưởng như có lưỡi dao quá sắc đã xếp đặt vạt xén lần mòn quầng đời còn lại của lão. Ngay ở trong gia đình, về sau này đám con lão cũng đã đặt ra nhiều tư tưởng mà chúng gọi là những giáo-điều căn bản cho cuộc đời. Lão thường nghe chúng nó nói với nhau rằng thế gian là cõi phù du, vật đổi sao dời và nhân tình bạc như vôi. Tại sao gọi là phù du, điều đó lão đã rõ. Mới ngày nào lão còn là một cậu học trò tóc để chõm đến trường mà nay tóc đã bạc, thắm thoát như trở bàn tay. Đời người chẳng khác nào như ngọn nắng mọc lên khỏi buổi rạng đông thì đã thấy nó vàng vọt dưới chân núi hoàng hôn rồi. Còn đời thay trắng đổi đen thì lão không muốn nghĩ tới.

Nghĩ tới, nó chỉ làm cho con người thêm nghiệm ngập với ý niệm bi quan vô bổ, một thời gian nếu ao nước không được khai thông sẽ sinh ra nhiều sinh trùng có hại. Lão đã đem ra một ít kinh nghiệm thương đau của cuộc đời nói với con, nhưng không đứa nào chịu nghe. Chúng nó nói ý nghĩ của ba lỗi thời rồi. Ba chỉ còn là một ngọn đèn le lói, ánh sáng không đủ chiếu đường cho bọn con đi đâu. Thành Phủ cả gan nói như thế là vì nó muốn dùng áp lực cuối cùng để thi hành toàn vẹn cái ý định của nó. Còn con Hường thì không nghe bất cứ một chuyện gì làm cho đầu óc nó phải nghĩ ngợi. Đời nó buông thả đi quen. Nó đã tự ví thân nó là cái bè trôi trên giòng nước, có thể mắc cạn, có thể chìm ngập, có thể tan biến, nhưng đó là chuyện của định mệnh, hậu xét.

Con Hường ví đời con gái với tình yêu như một con chuồn chuồn khi-vui-chuồn-đậu, khi-buồn-chuồn-bay. Nó phát biểu ý nghĩ đó với lũ bạn gái, phải gọi đi những hạt gạo trên đầu, càng sớm càng tốt, đừng để cho nó sinh chí rận. Trong bọn chỉ có con Hải-Phượng đổ mặt cãi, mầy lằng mạn quá, như vậy thì còn chi là huyền thoại của bọn đàn bà ta. Hường cười cố dí mạnh những hạt sạn trên sân trường, nhưng không có một hạt nào vỡ ra dưới gót giày ngọn vút của nó.

Riêng thằng Sanh thì đã bỏ đi xa. Lão Vịnh đã tiên đoán được điều đó. Không phải vì không khí gia đình tạo ra, không phải vì một ngoại cảnh nào

khác. Nhưng vì bản tính của nó, lúc nhỏ nó đã muốn tách rời rồi. Nó không có một đứa bạn. Nó không bao giờ tham gia một trò chơi nào. Sau này lớn lên, Sanh trở thành một người điển hình cho sự im lặng là vàng. Nó lăm li suốt ngày bên một đống sách. Chiều chiều nó có thói quen đi tới lui trên một lối mòn hai bên phủ đầy cỏ dại. Nhất là sau ngày bà Vịnh chết, cá tính của nó lại nổi bật lên, nó không khóc, nó không nói một lời thương đau nào. Mặc dầu nó cũng mặc áo tang, có mặt trong đoàn người đưa đám ra nghĩa địa nhưng nó vẫn giữ thái độ bình thường như buổi chiều đi trên lối cỏ. Người ta dư luận thằng Sanh bất mãn, thằng Sanh chán đời vì mẹ nó gây ra. Trước đây, khi ba nó còn tại chức, đổi ra làm tri-huyện ngoài Thanh-Nghệ, mẹ nó ở nhà ngoại tình với một ông thầy tụng nhân dịp đến tụng kinh cầu nguyện cho một đứa con đẻ thiếu tháng, chết non. Thằng Sanh tức giận, đã có lần nó giấu cây dao trong tay áo chờ thầy ấy đến là xấn tới đâm. Nhưng người hiểu Sanh hơn, như lão Vịnh chẳng hạn, chuyện đó không hẳn là yếu tố làm cho hắn buồn. Sau ngày nó bỏ đi, một vài bí mật lại được nói đến. Lão Vịnh nghĩ thầm, chỉ có cách để cho ta đời gian xóa nhòa đi là tốt hơn hết.

Tuy có bực bội một phần nào vì những bài kinh tối sốt sáng của nhà bên cạnh, sau này, lão thuê bỏ mấy bộ cửa kính nên chán lại ở ngoài được một ít âm thanh. Lão bắt đầu sống cuộc đời dương lão đúng theo đường lối của các cụ nhà nho ngày xưa. Thời khắc biểu của lão thật gọn gàng, dễ nhớ. Buổi

sáng nước trà ướp bông sứ. Trưa ngủ. Chiều đọc sách thánh hiền, coi sóc bọn gia súc. Tối chờ nhà bên cạnh đọc xong kinh, ngủ. Công việc coi gia súc được con Bướm giúp việc đỡ một phần. Còn vun xới mấy chậu hoa, săn sóc cam quýt ngoài vườn thì tự ông lo lấy. Lão Vịnh lấy làm sung sướng tự tay mình giết được một con sâu hay khám phá ra một tổ trứng gói kín trong lá. Lão coi như đoạn đời trên đường đi tới huyệt này sống để diu dặt cho đám con, kỳ thật ra lão đã biết, không đứa nào để ý tới lời khuyên răn của lão. Khi đến mùa thu, mấy chậu hoa cúc đua nhau nở nụ, một hôm con Hường ở trường học hồi hả trở về, báo tin cho ba hay :

— Ý trung nhân con xin cưới.

Lão Vịnh ngạc nhiên :

— Mày hôn lọc ?

— Dạ, bỏ.

— Thằng này cưới mày ?

— Vâng. Giáo sư Sử Địa con.

— Sao mày không chờ để cuối năm thi đã ?

— Không. Bằng cấp vợ nghĩa. Con không thích.

Hường thêm :

— Chắc ba đồng ý ?

— Cha mẹ thằng ấy đâu ?

— Cha chết. Mẹ tái giá. Anh ấy ở ngay trong trường.

— Đám cưới mày đến đâu ?

— Vô trường.

Thế là lão Vĩnh không ngăn nổi hôn nhân của con. Ông cũng thấy mình cần phải dễ dãi trong vấn đề tình ái của con cái. Đám cưới của con Hường tổ chức thật linh đình, bà con nội ngoại tới không thiếu một người. Có người làm ăn xa cũng về. Chỉ vắng thằng Sanh, mặc dù con Hường đãng báo nhắn tin nhiều lần. Đám cưới nó khác với mọi đám cưới khác là đoàn nhà trai phụ rể toàn là giáo sư và học trò. Khi đưa dâu tới cửa trường gặp giờ ra chơi, bọn học trò tự động tập trung hai bên thềm võ tay hoan hô. Ông cai trường cũng được lệnh hiệu-trưởng đánh một hồi trống dài để chào mừng cảnh-đoàn-viên-có một-không-hai của nhà trường. Cưới hồi xong xuôi vài tuần thì con Hường nhận được thư bảo đảm và cái bưu-phiếu hai chục ngàn đồng của thằng Sanh gửi về cho nó. Thư không đề địa chỉ, vắng tất «Em tư, tặng em một số tiền để sắm sửa khi lấy chồng, cầu mong em được hạnh phúc». Đọc xong Hường mồ hôi toát ra đầm đìa. Bỗng nhiên nó ôm bức thư khóc to. Đây là lần đầu tiên nó nhìn thấy nét chữ quen thuộc của anh nó từ bao năm cách xa. Nhưng anh ở đâu. Làm gì có tiền. Nó không tài nào hình dung nổi. Ngay chiều hôm đó, Hường ra nhà bưu điện lân cận, tạt qua phố mua một cái dù mới, màu sắc thật giống như trong tấm bản đồ địa lý của chồng, còn bao nhiêu nó gói cất kỹ, hẹn khi nào nghe tin anh nó có vợ gửi biểu lại.

Con Hường chồng cưới được vài tháng thì cái bụng to ra ai cũng thấy. Không ngờ rằng hôm đám cưới nó phải cột cái bụng bằng một sợi dây ni-lông thật chặt. Dư luận xôn xao không mấy lợi cho uy tín của thầy Văn. Ông hiệu trưởng đâm ra buồn bực và cho đó là một điềm xấu báo hiệu cái thời vận mặt của nhà trường. Một ngày kia, có đứa học trò tinh nghịch đem viết chì mờ vẽ lên mặt trống (phía ông/ cai trường đánh chào mừng đám cưới ngày trước) hình một người thầy giáo ôm một cô học trò có cái bụng to tướng. Suy ra cho kỹ, không phải điều vẽ đó ám chỉ xấu đến thầy Văn, nhưng mục đích muốn nói lên cái thảm trạng của tình thầy trò ngày nay. Sau bức vẽ đó, thầy Văn lại được một lá thư khác cột vào cục đá nhỏ liệng vào phòng, đại ý hạch hỏi quanh quẩn về những điều liên hệ đến cái bụng ngày càng phình ra của con Hường : Thầy có biết cái bào thai đó có chắc của thầy không ? Thầy có biết, trước khi chồng cưới cô đã đi chơi với ai khắp chốn làng tằm không ? Thầy có biết chắc sau này cô sẽ chung thủy với thầy không ? Thầy có biết rằng đa số học trò chúng tôi đang lo lắng cho tương lai không mấy sáng sủa của thầy không ? Dưới thư còn bí chú thêm một câu bằng chữ Hán, đại ý nói người quân tử không nên gần lửa, kẻ nào không xa lánh lửa sẽ bị cháy râu, cháy tóc. Con Hường cũng có coi kỹ bức thư ấy rồi đề-nghị với chồng cho về ẩn tu nhà nó một thời gian, sau khi sinh

để xong xuôi rồi sẽ liệu. Trước khi cuốn gói lên xích lô xa đám-lô-la-ở-nơi-cây-xanh-ngói-đỏ, con Hường không quên bá vào cổ thầy Văn, đặt một nụ hôn : anh cứ yên tâm, mấy cái lưỡi dao cùn ấy không cắt chia cắt nổi tình chúng ta đâu.

oOo

Hường về được ít lâu thì con Bướm bỏ về nhà nó. Điều làm cho nó bất mãn vì giặt quần của lão Vịnh. Nhiều ít không thành vấn đề, nó chỉ ngán là cái quần của lão lúc nào cũng dính một chất gì vàng vàng khó giặt. Nó chỉ nói điều đó với con Hường và về sau, Hường cũng cho cha biết. Lão Vịnh cười lớn, vỗ tay xuống bàn :

— Đồ ngốc. Tao đau bệnh trĩ nó không biết sao ?

Tuy là trách con Bướm kém thông minh nhưng lão cũng mến cái tài cặn cù và vui vẻ của nó. Có nó ở trong nhà như có thêm một ngọn đèn trong địa-đạo u tối. Có thêm một vì sao trong khoảng đêm mênh mông. Con Bướm cũng đã một đôi lần làm cho thân thể lão rạo rức, gặp lại những cảm xúc đã lắng chìm tận hố sâu cõi lòng từ lâu,

đó là những lúc con Bướm thay áo vô tình để lộ cái vú trắng hồng và những lúc lão nhờ nó dăm lưng trong cơn đau tức. Bàn tay nó tuy què mùa nhưng đôi vẽ của nó cũng đủ làm cho lão thấy bớt đi một phần đau đớn. Nhưng đó là một thử thách. Lão đã kềm hãm được. Đã thắng. Thiệt vàng không sợ lửa. Điều đó nên để lại cho con cái một bài học hiếm có, vinh dự. Sau này khi chết lão sẽ trở lại. Nay con Bướm về, lão thấy nhớ xa xôi, hao hụt như mười cái móng tay dài bị cắt cụt đi. Có nó, cái vô-rắn-phơ-khô này bớt teo tóp lại. Và lão nhất định nhờ người đi tìm và bừa không để nó giặt quần nữa.

Khi con Bướm mang bộ mặt buồn bã tới thì nó đòi ba điều kiện tiên quyết : Trả tiền trước một năm để sắm nữ trang, không chịu đem phần của Phủ đi đố và được phép tập thể dục mười lăm phút buổi sáng. Ngoài ra nó còn yêu cầu gọi nó bằng Hoa, cái tên Bướm là tên cũ, xấu, xưa, khai tử lâu rồi. Nó được thỏa mãn cả ba điều, chỉ có cái tên sau này được gọi là Hoa-mập mà thôi. Từ đó Phủ phải đích thân mang phần mình đi đố. Anh chàng này có cái tật mà con Hoa-mập gọi là « công

CHIA BUỒN

Được tin trẻ bà NGÊ NHÃ-Í, nữ danh HUÏNH-THỊ CẦM, con gái ông HUÏNH-KIM : học trò cụ giáo Nguyễn-Hữu-Hoàn, vừa tạ thế tại quận lỵ Hàm-tân, tỉnh Bình-thuận,

Chúng tôi xin chia buồn cùng anh, cậu Í và xin chúc linh hồn chị, mợ Í được tiêu diêu cõi FẬT.

NGUIÊN-HỮU-NGU' tức Nguyễn-Ngu-Í, Ngê-Bá-Lí, Tân-Fong-Hiệp, Trinh-Nguyên và vợ con,

LÊ-THANH-CẢNH, tức Trung úy Thái-Tâm-Canh, Lê-Thanh-Thái, Lê-Phùng-Chí và vợ con,

NGUIÊN-FÚC-SUM và vợ con, ĐỒ-HỒNG-NGỌC, tức Đồ-Ngê, Giang-Hồng-Vân và vợ con.

Hoàng, bà chúa trong nội» không thể chịu được và nó xin đầu hàng vô điều kiện. Còn đối với Phủ, đó chỉ là thói quen chứ không phải tật xấu, vô hại. Anh là một người mắc bệnh bón kinh niên. Việc đại tiện không còn là một cảm giác thỏa mái như đa số mọi người. Chính cha anh cũng mắc bệnh đó đã đến hồi trầm trọng và bây giờ dường như lão không còn quan tâm đến nữa. Công việc đi đại tiện trong nhà súc vật nó giúp cho anh một phần nào chống lại sự khó chịu và nhờ đó tổng ra ngoài nhiều phần hơn, bởi vì mỗi lần như vậy, anh được chịu đựng một khoảng thời gian khá lâu ngồi mà ít mệt mỏi nhờ sinh hoạt linh động của đàn súc vật. Một con gà đang gáy. Một con ngỗng mẹ xỉa lông cho một con ngỗng con. Tiếng kêu in ỏi của đàn heo mẹo trắng. Chỉ chừng đó thôi, cũng đã giúp cho anh rất nhiều trong việc tìm cách quên sự tê buốt ở hai đầu gối. Một lần con Hường chọc tức anh nó :

— Đàn ông như anh chắc ở góa mục xương.

Phủ lấy tay khua trong không khí :

— Chuyện đó không thành vấn đề.

Con Hoa-mập chen vào :

— Chắc phải làm cho cậu-ba cái cầu tiêu gần nhà, trở cửa ra chuồng gà vịt để cậu ngó.

Lời con Hoa-mập được cả nhà coi như một sáng kiến tốt và thực tế. Một người thợ hồ được gọi tới mấy ngày sau đó để xây nhà tiêu theo họa đồ do Phủ vẽ sẵn sau khi đã tham khảo ý kiến

của con Hoa-mập. Và nhân dịp này, Hoa-mập làm quen với người thợ hồ trẻ tuổi có cái mặt đen đui, rỗ. Con Hoa-mập thích chú thợ hồ là vì cái thân hình lực lưỡng mà nó cho là tương xứng với nó, không cần phải tập thể dục cho tiêu bớt mỡ mỗi buổi sáng lười lười. Hôm đang xây cái cửa nhà cầu, anh thợ hồ thấy Hoa-mập cho đàn gia súc ăn, hỏi :

— Có Hoa giúp việc đây ?

— Không. Cháu.

Ngẫm nghĩ một lúc, anh chàng tìm lời vói vỉnh :

— Ở đây có cảnh hoa đẹp ghê

Con Hoa-mập hiểu ý :

— Anh có muốn hái không ?

— Muốn lắm mà không dám.

— Nó đang mọc một mình buồn da diết, chờ người tới hái đi đó.

— Chắc không ?

— Chắc.

— Nhưng cắm trong bình đất chịu không ?

— Cắm bình đất, sành, sứ chi cũng được miễn là đừng c o nó héo.

Anh chàng thợ hồ tiến sâu hơn :

— Không biết cảnh hoa đã có ai ngửi chưa ?

— Cam đoan chưa. Còn nguyên nhụy.

Khi trở vào nhà, con Hoa-mập còn bồi thêm :

— Nhưng coi chừng, không nhanh tay, người khác hái mất, đừng tiếc nhé.

Thế là hai đứa yêu nhau. Chúng nó hẹn gặp gỡ cách đêm một sau góc vườn nhà lão Vịnh, nơi cái nhà cầu ngày trước nay mới nhém lại sơn quét dùng để nuôi bồ câu. Hai đứa ngồi bên nhau thường thường từ buổi kinh tối của nhà bên cạnh chấm dứt cho đến hai ba giờ sáng. Chúng nó ngồi sát bên nhau, choàng tay, vắt chân, thân mình uốn cong mềm mại như hai con sâu róm. Con Hoa-mập thử, anh có thích đi đến chuyện kết cuộc không? Anh chàng thợ hồ bưng miệng người tình, đừng, nói bậy, chuyện đó đâu có phải là chuyện chơi, đụng đến là vỡ nợ. Con Hoa-mập giả lên nước, thế thì anh không ưa tui, không muốn kết thúc. Chàng thợ hồ lại đặt lên chiếc vai đầy mỡ của nó cái hôn, không, anh không muốn bắt-lươn-đầu-đuôi, thôi để chờ cuộc đời dang hoàng, tha hồ. Con Hoa-mập kê cái mũi lên vạc da sần sùi của chàng, âu yếm, anh thật hiếm có, anh khác hẳn với đứa con trai khác, đứa nào gần đàn bà cũng đòi chuyện ấy. Bỗng chàng đẩy nó ra, em quen với nhiều người rồi. Hoa-mập bình tĩnh, không em xem tiểu thuyết em biết. Anh chàng làm hòa lại: ừ, anh thì khác, bức tường nào càng xây lâu càng chắc, càng khó sập. Con Hoa-mập phục người tình sát đất cho rằng hẳn là loại đàn ông gương mẫu, khó tìm gặp. Nó càng yêu thêm và ra tiệm thuê chụp một cái hình, tóc chải tề, đem tặng cho chàng thợ hồ. phía sau không quên ghi thêm: Kỷ-niệm mối tình đầu!

oOo

Mùa mưa đã chấm dứt. Khi những

ngọn nắng mọc lên một cách xa lạ ngoài vườn, để lộ thêm quang cảnh của một mùa đông tả tơi. Con Hoa-mập là người bị cảnh vật chi phối hơn ai cả. Bầy gia súc đông đảo trước kia, sau một trận dịch, nay chỉ còn lại năm ba con sống cằn cỗi, bơ vơ. Nó ngồi ở mái hiên, một khoảng trời phía trước dường mòn đờc nông rộng ra. Xa xa thấp thoáng những cánh chim bay về. Lòng nó ngợp trước những buồn tẻ của tháng năm. Người tình thợ hồ sau cùng là người nó đặt nhiều hy vọng về tương lai cũng đã từ biệt cõi đời vì một chứng sổ mũi hết sức thông thường. Thăm thía trước cảnh biệt ly, con Hoa-mập ngồi vùi đầu suốt ngày suy nghĩ mông lung. Nước mắt nó muốn ứa ra, nhưng nó cố dằn xuống. Rồi đứng dậy, vung mạnh đôi tay, vươn ngực thở không khí, ánh nắng chan hòa đây đó. Đến chiều, con Hoa-mập bồng đứa bé con Hường trên tay, nói:

— Trông nó không có tý tèo nào giống thầy Văn hết.

Hường đưa tay vuốt tóc con:

— Sao nữa, cho mầy nói tiếp đi?

— Giống cái anh hôm trước nhờ em đưa thư cho chị.

— Thật không?

— Em nhận xét chín lăm mà.

— Rồi sao nữa?

— Độ này sao không thấy thầy Văn tới?

— Đợi đi rồi.

— Đi đâu?

— Vô Nam.

— Xong rồi?

— Xong.

Sau đó Hoa-mập nói :

— Lúc chết cụ mà không trời lại em ở đây giúp chị đúng một năm thì em giờ đã bay rồi.

— Em gắng, khi nào lấy chồng chị sẽ đồ tặng em chiếc nhẫn vàng.

— Chị định ở vậy nuôi con?

— Chán rồi.

— Trông chị độ này tiêu tụy.

— Đòi đã cho chị uống toàn là dấm chua, cám ơn em.

Hoa-mập bỏ xuống nhà bếp. Đàn heo réo lên khi thấy bóng nó. Nó mỉm cười nhìn từng con, con nào cũng có dấu hiệu riêng biệt, dễ mến. Ngoài vườn có tiếng chim sâu hót, dường như ở góc vườn, nơi hò hẹn với người tình ngày trước. Thỉnh thoảng có một hoa cúc vàng trong chậu rơi xuống, tạo một âm thanh ròi, nhẹ nhõm, bị gió lùa qua đứt quãng.

HỒ-MINH-DŨNG

Ái-Tử 9-1971



Nhức đầu,
đau
Budon
TRI

Nhức răng, nhức môi đau
 lưng, đau nhức lúc có
 Kinh Kỳ

ERFACE
 SCIENCE
 TRANG

KN số 1211/8YT/QCOP

Xin tìm đọc :

BUỒN NÔN

Tập thơ trào phúng của S.V. TÚ VỄ

- 1 bản cáo trạng về xã hội đồi trụy, thối nát hiện tại.
- 1 pháo đài tấn công mọi phần tử bất xứng, bất hảo : từ Ô. liên gia, cảnh sát đến Ô. dân biểu, Tổng thống.. và cả người Mỹ.
- 1 hình thức văn nghệ độc đáo lần đầu tiên xuất hiện trong giới S.V. và sẽ gây chấn động dư dội giới này.

Nhà xuất bản S.V. ĐI TỚI phát hành ngày 1-12-71,

SIÊU ĐẲNG THƯỢNG HẠO HẠNG

BASTOS *Luxe*



巴
士
多
金
牌
煙
名
貴
地
超
方

NGON NHẤT VỀ LOẠI THUỐC ĐEN

Nhà Xuất-bản LÁ-BỐI

Giám đốc sáng lập Nhất-Hạnh

Lô O số 121 chung cư Minh-Mạng — Saigon 10

ĐÃ IN

- | | |
|---|--|
| ■ <i>Tiếng Phèng-La</i> | Xuân-Tùng |
| ■ <i>Đoạn Đường Chiến Binh</i> | Thế-Uyên |
| ■ <i>Lịch-sử Triết-học Tây phương 1</i> | Lê-Tôn-Nghiêm |
| ■ <i>Trăm Mắc Cây Rừng</i> | Võ-Hồng |
| ■ <i>Như Cánh Chim Bay</i> | Võ-Hồng |
| ■ <i>Ảo Tượng</i> | nhiều tác giả |
| ■ <i>Góp Nhặt cát áĐ Thiên-su Muju, Đỗ-Đình-Đông (dịch)</i> | |
| ■ <i>Lịch-sử Văn minh Ấn Độ</i> | Will Durant, Nguyễn-
hiên-Lê (dịch) |
| ■ <i>Chiến-Tranh và Hòa Bình I (tái bản)</i> | Léon Tolstoi
Nguyễn-hiên-Lê (dịch) |

ĐANG IN

- | | |
|--|---|
| ■ <i>Mười Khuôn mặt Văn-nghệ hôm nay</i> | Tạ-Ty |
| ■ <i>Nẻo vào Thiên-học</i> | Nhất-Hạnh |
| ■ <i>Chinh Phụ Ngâm diễn âm tân khúc</i> | Phan-Huy-Ích
Nguyễn-văn Xuân phát-giác |

Nhà sách LÁ-BỐI luôn luôn trưng bày những sách giá trị của các nhà xuất-bản uy tín. Dành nhiều hoa hồng cho bạn đọc.

Bài cổ phong cho Cuồng-Vũ
Thơ TƯỜNG-LINH

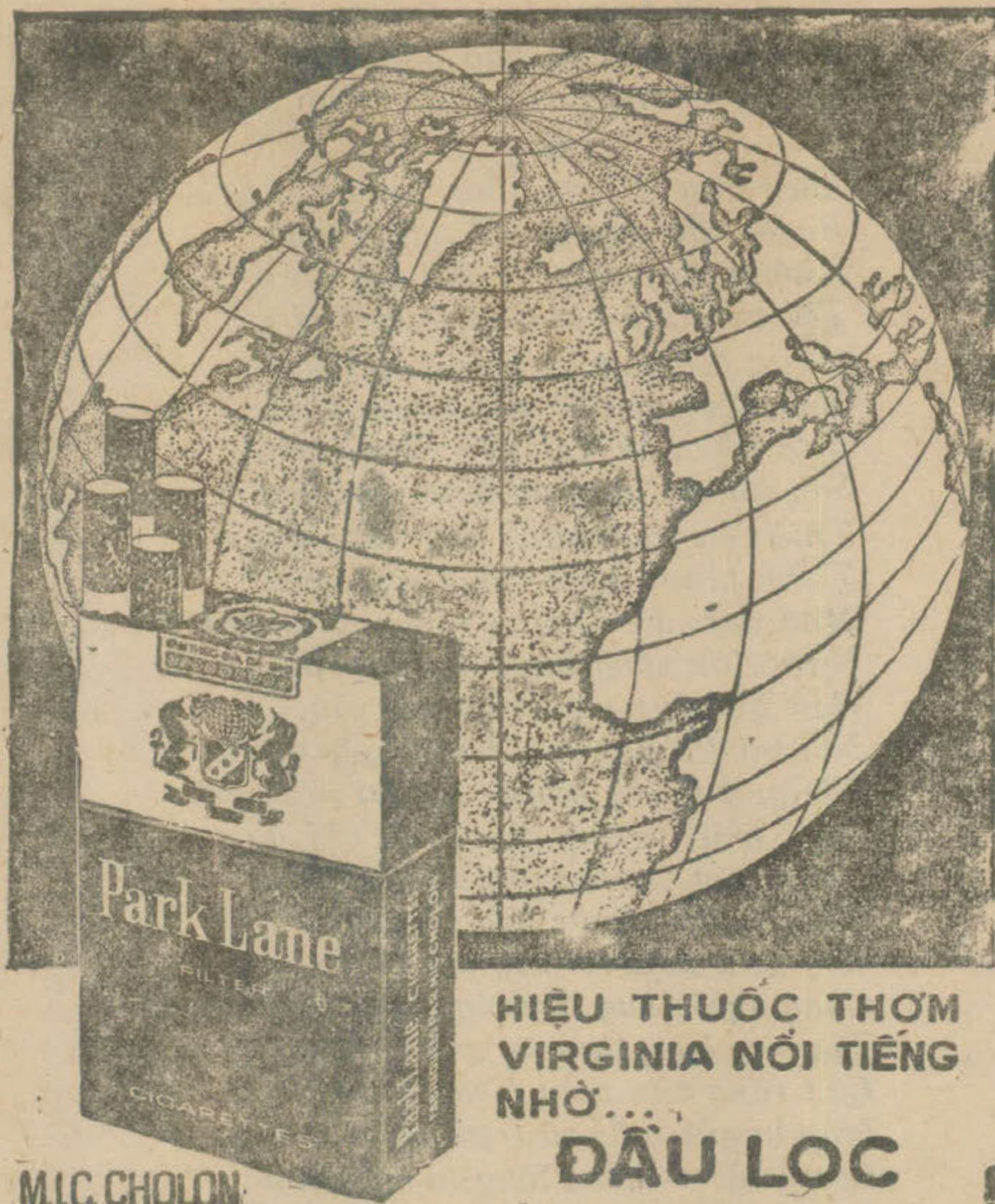
Cũng đề tặng Phạm Lê-Phan

Vũ ạ, chiều nay ta nhớ người
Thèm say một bận để quên đời
Một ta với một ly đầy rượu
Gia Định mưa mùa tầm tã rơi
Mưa như ngàn vạn con roi quất
Trên nỗi cô đơn, buồn rã người!
Sách quý, ngại mau vào đoạn kết
Bùn cờ, còn thiếu bạn hiền chơi
Mười năm chưa dịp liên-hoàn-vận
Như thuở bên mình ta có người
Chẳng muốn, cũng đành ngồi độc-âm
Nhớ thương bằng hữu bốn phương trời
Bao thẳng yêu đất nằm trong đất
Từ núi sông đầy máu lệ rơi
Bao thẳng vất-vưởng thân tàn phế
Tiếng đạn ròn theo tiếng quỷ cười
Mấy đứa thân tàn ma dại sống
Lát-lây giữa buổi ngợm vầy người
Khóc không thêm khóc, cười không nở
Ngơ-ngác như trông chiều lá rơi
Câm nín như đang mùa khắc-kỷ
Ngậm ngùi như tiễn bạn xa khơi...
Dẫu sao vẫn tiếng người trong cuộc
Thôi cũng đành thôi Lửa xóa Lời
Tay ngọc ai người chăm cỏ mộ
Đàn thu ta dứt sáu giây thôi
Mang mang gió bắc đau hồn ngựa
Nặng chuyển phù-sinh, vó rã-rời!
Tuổi trẻ chúng mình đâu có nhỉ?
Mầu mây chiến-quốc, bóng xuân vơi
Hăm-lăm năm đó, bao đâu biển
Vóc đá Trường-sơn cũng đôi đời
Đốt cháy lòng nhau ly rượu tiễn
Thân trai mùa loạn... cố-nhân ơi!
Vào đời: mặt trắng, đôi tay trắng
Đuôi bất hư-không ngõ tuyết-vời
Quanh-quẽ vừng trăng đầu núi cũ
Vườn đêm thồn-thức tiếng sương rơi
Mẹ già còn côi quê xa lắc

Súng rộ bom vang bốn hướng trời
Lên nhỏ bám trên nền đất cháy
Kinh cầu khuya loạ nước ma trời
Trở lại khó hơn vào đất Thục
Cuồng-phong xưa mãi lá buồm cói...

Mưa đưa thương nhớ, buồn chi lạ!
Rượu vẫn đầy ly, để ngắm thôi
Không được làm người say giữa trận
Thì nên tỉnh với « kỷ nhân hồi »
Rượu có ngon gì khi thiếu bạn
Men sâu gợi nhớ cảnh chia phôi
Nhủ nhau cố tỉnh còn thua thiệt?
Say khướt làm sao đứng với đời?
Thiên hạ bao người điên loạn đấy
Thêm ta sao khỏi thể-nhân cười?
Mùa mưa xứ Quảng nhiều chưa nhỉ?
Nước lớn sông dài tỏa mấy nơi
Bao giờ dựng lại cầu xưa sập,
Nối lại đường xưa, người gặp người
Thủy-lộ thông giòng, nguồn ừi biển
Xuôi mái trường-giang, ta với người
Ngâm hết thơ Đường, tu hết rượu
Nửa đời xin được một lần vui
Còn như hiện tại say sao nữa?
Càng nghĩ càng thương, càng ngậm ngùi
Thương bạn, thương mình, thương xứ sở
Cẩn rãng cho máu rĩ vành môi!
Máu ta gửi mấy sa trường cũ
Công, tội — riêng lòng ta biết thôi
Phận nhỏ dập dềnh theo mệnh nước
Cảm-hoài mấy kẻ tiếc hoa trôi?
Long-đong bước ngựa nghìn phương nắng
Lạc cuối đèo mây bỏ cuộc rồi...

Bắt chước người xưa Thơ với Rượu
Thơ không tròn ý, rượu không vui
Lặng yên, chỉ thấy sâu dằng mãi
Mưa gió ngoài kia vẫn mịt trời
Vẫn chiếc bàn trơ, bày ghế trống
Gọi tên bằng hữu, vẫn xa vời...
Tiếng bom hay sấm găm đâu đó
Ta ném ly này thôi, Vũ ơi!
Đợi rượu tương-phùng thay rượu nhớ
Dài những chiều say, ta với người...



M.L.C. CHOLON

HIỆU THUỐC THƠM
 VIRGINIA NỔI TIẾNG
 NHỜ...
ĐÀU LỌC

THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231-233 235, Phạm-Ngũ-Lão — Sài-gòn
 Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
 có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (é:iquette)
 màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện SAIGON
 Số : 2.701 THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

HƯƠNG ĐỜI XA

Lớp học bắt đầu khi nắng vừa lên. Hiệp có vẻ lúng-túng, tâm-trí băng-quơ, chào nhận đơn-vị Khóa-sinh, nói vài câu tiếp-xúc thông thường, rồi bỗng quên khuấy mình đi, vị-trí chàng đứng, công việc sẽ làm. Vì khung cảnh rừng chồi trước mặt mượt-mà quá, chạy dài ra tận xa, mờ mờ ngái ngái. Giòng xa lộ thấp thoáng rì rầm, một lọn khói nghi-ngờ tỏa trên một nóc tranh bên đồi Cao-nguyên. Thiên nhiên luôn có tiếng nói thầm làm mình chia trí, thiên nhiên của quê hương trải rộng đã từng là giấc an ủi lớn cho mình, những khi dừng quân, những lần chuyển quân qua các thôn ấp, những lần trở lại qua những trại định cư khác xưa, đã mới hơn thimừng, đã héo cũ tàn tạ đi thấy buồn buồn theo mãi.

Hiệp nhìn về lớp học. Những khuôn mặt đen đúa trông lên, những mái tóc thật ngắn phơi trong nắng mai, tầm mắt chăm chú, súng ống ba lô thẳng hàng như thân người. Hiệp hơi ngượng, bối rối, chưa lấy lại thăng bằng, cục phấn trong tay vỡ đôi lúc nào không hay. Mình phải rằng hoảng với họ. Có ai thích cuộc chiến chinh này. Chúng ta đã bị cuốn vào đó, tạm thời ta không thể tách xa ra vì sống còn lớn. Dù biết rõ thân chiến này còn đói, những kẻ xâm lăng bàn tay chưa mỏi, nhưng còn tuổi trẻ này, những cuộc đời kia phải sống, dù là sống sót! Mình phải lương thiện, ít nhất với những

gì đã chấp nhận được, đã đang sống quanh nó.

Mình phải dạy chiến thuật cho bọn trẻ, hay ho gì cái nghề dạy người ta thanh toán nhau bằng xương máu. Mà mình dạy bằng thái độ điềm nhiên lạ lùng, như tổ chức một trận đá banh vậy, niềm xót xa của loạn biến đã đi chơi đâu rồi kia? Thì ở một địa điểm nào đó, nhiều địa điểm thì mới đúng hơn, tuổi trẻ cũng đang được sử dụng để sử dụng súng gươm mình bấy. Và họ làm điều đó với một nỗi say mê huyền hoặc. Chàng chính trị viên không điềm nhiên như mình bây giờ, mỗi lời nói phải mang tác dụng như kim châm. Nhiều khi Hiệp nghĩ, và hoài nghi về lý tưởng. Có hay không một lòng tự ái chen vào, và được đồng hóa thành lý tưởng? Ít nhất, điều đó cũng đúng cho một tầng lớp nào bên phía họ, bên phía này.

Các Khóa sinh đặt thật nhiều câu hỏi trong môn chiến-thuật. Nhiều lần Hiệp đã không thể giải đáp thỏa đáng được. Ờ, phải tác xạ chuẩn bị thật gắt vào mục tiêu, nhưng thưa, nếu trong đó có dân chúng bị kẹt thì sao? Chẳng lẽ...? Sự thật còn mù mờ, hướng chỉ là chiến thuật, góp nhặt lại từ núi Alpes, sông Maine nào đó, chỉ áp dụng cho đôi chiến-tuyến rõ ràng. Dân cũng bị kẹt, thì quân cũng đang bị kẹt đây này. Và các Khóa sinh kia, biết phận mình, đã tỏ ra hiếu học quá nhiều; ngày mai ra trận, thấy chiến trường chung quanh,

và lý tưởng như mây lang thang trên đầu. Nó có thực đó, che phủ trên đời mình đó, mà vẫn thấy xa xôi.

Những ý tưởng đó gần đây ăn sâu vào tâm trí Hiệp, và phát hiện lên rõ ràng mỗi khi Hiệp tìm xem lại công việc mình đang làm. Ừ, mà mình suy nghĩ như thế để làm gì nhỉ, có ích lợi gì chẳng, có mập có giàu có gì hơn đâu. Câu trả lời nhiều khi chợt đến, câu trả lời lấp lửng, là những nét mặt quá trẻ quá đen đúa đang ngơ ngác nghe giảng bài kia kia. Đúng, ít ra mình cũng phải lương thiện với họ.

Một chiếc xe bò leng-keng chạy sau lớp học. Hiệp cho Khóa sinh ghi chép mấy điểm chính, và nhìn theo hình dáng vạm vỡ của người đánh xe, một cô gái tay chân trần nùng nục. Lại một câu hỏi: đàn ông con trai đi đâu vậy kia? Ngay trong những thôn xóm gần khu vực huấn luyện, cũng ít có bóng đàn ông, và đàn bà vẫn sinh nở đều đều. Bên này, bên kia?

Qua phần lý thuyết, Hiệp cho Khóa sinh chép chủ-đề phần thực tập. Nắng mai từ âm ảm đang thành nóng gắt. Bãi xa, bài tập sẽ cực nhọc. Hiệp định cho Khóa sinh nghỉ xả hơi sớm sớm, tránh ngời nắng chịu trận.

Một chiếc xe Jeep vừa đến. Ông Thiếu tá thanh tra xuống xe, nói chuyện với mấy cán bộ tại gốc cây gòn. Cây gòn chỉ còn trơ lại một thân khô xù xì. Hiệp cho Khóa sinh tan hàng, ra trình diện ông ta.

Người hạ sĩ quan già lịch kịch xếp lại dàn bài, bảng và bục gỗ, rồi mang đạn mã tử, lựu đạn giả ra chia sẵn, chờ phát. Ông ta quen tay như nhân viên một gánh hát, dáng đi nhanh nhẹn, tay gân guốc, tóc muối tiêu. Ông đi lính đã nửa đời người, đã xông pha chiến trận, và an phận già khuôn vác dụng cụ đi bãi. Những dụng cụ này, héo khô mưa nắng, thật đúng vừa tầm tay một người già, mà đời, mà đồng-đội sắp phứt-thải đi.

Đơn vị thụ-huấn dàn thành vòng tròn lớn trong giờ nghỉ, những tiếng nói chuyện nho nhỏ ri-rào, những khói thuốc là là bay lên sau những lùm cây thấp. Từ phía xa, khu trường Trung-học Kiều-mẫu hiện ra trong màu trắng-xóa ngấn tầm nhìn. Ở dưới những đồi thấp hơn, có tiếng ầm-ì của một xưởng máy xay đá, những tiếng xe ầm ỉ nặng nề, Hiệp biết rõ đó là một công trường của người ngoại quốc. Khi mới dời về đây, vào mùa mưa, Hiệp còn thấy hai bên xa lộ những dải rừng cao xu âm u xanh ngút mắt. Bây giờ toàn khu rừng đã bị triệt hạ, trơ ra một khu trường ngơ ngác trông trời, và một công trường cứ thân nhiên hoạt động. Hiệp cũng biết, khu trường học kia chính ra dành làm các phân khoa đại học, nhưng sau những lần « Cách mạng », vì tình hình an ninh, bây giờ được xử dụng làm trường Trung-học Kiều-mẫu, số học sinh ít ỏi trên vài chiếc xe « buýt » đi về, thấy tạm bợ thế nào.

Lớp học theo dõi phần chủ đề, được lệnh ở lại làm sa-bàn, tập làm lệnh hành quân tổ chức, lãnh đạn dược. Thành phần thám sát theo Hiệp đi xem trước địa thế. Ông Thiếu tá Thanh tra nói sẽ ở lại đây trọn ngày, và cũng lên đường với cả toán. Họ lên nơi cao nhất của khu-vực, là một đỉnh đồi, nay tương đối bằng phẳng. Mấy hàng mộ đá tồ ong phơi mình sau những lùm cây gai Hiệp cho toán Khóa sinh dừng lại đó, chỉ dẫn qua về những khoảng địa thế tới mục tiêu.

Ông Thiếu tá Thanh tra đi quanh quẩn, mắt nhìn thấp, mũi như đang đánh hơi cái gì, Trên khoảng đất gần dưới chân ông ta, Hiệp thấy mấy hàng que hương, dường như còn mới, nhưng đã tắt tự bao giờ. Khoảng đất hình như mới được dẫy cỏ, mới hôm qua là cùng. Ông Thiếu tá nâng một que hương lên ngửi, ông nhìn quanh một hồi, lại cắm que hương xuống, và đi theo Hiệp.

Cuộc thám sát chấm dứt vào gần giờ trưa, đoàn người trở về khu vực tập họp đã chọn trước. Nó không hội đủ yếu tố kín đáo, an toàn theo mắt

con nhà lính, nhưng Hiệp thích nơi đó, vì gần mấy khu nhà tranh, có dân chúng, có lũ trẻ nhỏ thường la cà đến đùa nghịch nhớn nhoe. Những lúc đó, Hiệp được thảnh thơi chút ít, Hiệp cũng thấy các khóa sinh mang dáng dấp hồn nhiên trở lại. Khu vườn hoang này đầy bóng mát, còn lại vết tích những luống bắp, những dàn dưa khô.

.....

Cuộc tấn công bắt đầu đúng 2 giờ chiều, trong độ nắng cao nhất. Hiệp hướng dẫn trung đội đầu tiên. Ông Thiếu tá đã lên đồi cao từ trước để quan sát. Ông ta đứng gần những ngôi mộ, bảo các khóa sinh tránh xa khoảng đất có những hàng que hương. Đơn vị thực tập lúng túng vụng về, anh nào anh ấy mồ hôi ra như tắm, cành lá rụng trang rung rinh cực nhọc, Trung đội di chuyển xuống triền đồi, sắp vượt qua một khúc đường lồi lõm. Một chiếc xe chở đá găm giữ tiến tới. Hiệp quắc mắt giờ tay làm cử-chỉ nạt nộ không cho qua. Đang mệt nhọc, Hiệp vô cớ ghen ghét mấy chiếc xe con nhà thầu, mặt thẳng nào

Thuốc gia truyền họ Đào-Duy

TRỊ BỊNH MŨI

Sồ mũi, ngẹt, ngứa, nhầy mũi, nhức đầu, có mủ, thúi xương.
Hỏi ông bà Hồ - Hữu - Trường, 68/14 Trần-Quang-Khải, Tân-định
(gần trường Văn-hiến)

K.nh. 530.828 Đào-Duy

thẳng nẩy khinh khỉnh ăn tiền ! Chàng tài xế nhe hàm răng vẩy tay lấy lòng. Hiệp thấy mình vô lý, kệ thây thiên hạ, kệ thây nhà thầu, thầu gì thì cứ thầu..., chàng quát tháo âm-ĩ chính một Khóa sinh đang mở bi-đông uống nước, chàng Khóa sinh mở to mắt dò hỏi xem mình đã phạm lỗi nào. Đơn vị tiếp tục di chuyển tới mục tiêu của vùng trận giả. Một cò đồ đã hiện ra, phát phơ rách nát trên đỉnh một cây cao. Những tên địch giả nằm chết sòng soài bên những gốc cây. Nhiều tràng súng máy vẫn nổ ròn đều trong mục tiêu, lựu đạn giả bên này xì khói nổ tung bùng. Làn sóng xung phong xấn tới. Khóa sinh la hò âm ỉ, như thề đồn hết tức bực mệt nhọc ra một lần cho hả. Tiếng quát tháo, gọi nhau ơi ới, giơ tay lên, sát sát, những tiếng cười cà chớn... Hiệp nghĩ, thôi được, bảo chàng trung-đội trưởng tập hợp anh em lại. Hiệp cho gọi trung đội kế tiếp thực tập, và dẫn trung đội một lên ngọn đồi nghỉ ngơi, quan sát.

Khi trở lại, Hiệp thấy ông Thiếu tá còn đứng đó, có thêm người hạ-si-quan phụ tá bên cạnh. Ai đã thắp lên những que hương tỏa khói ? Chắc là

viên hạ sĩ-quan. tay còn cầm hộp que Nhưng Hiệp cũng hỏi ông thắp lại những tàn hương ấy, có ích lợi gì, biết đâu chẳng là những ngôi mộ của người bên kia.

Ông ta nói rằng k hông chắc, có thể là của người bên mình ; dù của người bên kia, thấy que hương tắt ngúm đi, cũng lạnh lẽo thế nào, khó chịu trong đầu óc lắm. Trước kia, đây là một tiền đồn. Vị Thiếu tá cũng góp lời, xác nhận như vậy. Trung tâm tiền đồn ở ngay chỗ có cây gòn khô kia, hầm hố địa đạo bây giờ đã bị chôn vùi sâu, những người đến sau nơi đây sao mà biết được. Hồi đó, quân hai bên đánh nhau nhiều phen, đôi bên qua lại chịu nhiều thương vong, đến nay, cũng đã mười mấy năm rồi.

Ra bãi tập nhiều lần, Hiệp có bao giờ đề ý tới nơi đất bình thường bằng phẳng đó đâu, ngoài những ngôi mộ thành hình dễ nhận. Trí nhớ nào, niềm hoài tưởng nào đã thúc đẩy người nào trở lại đây, có thể vào đúng một ngày trong năm, dấy cỏ, và thắp nén hương lên ? Một người quanh vùng đồi này, hay từ phương xa đã lại ? Một điều bí ẩn nhỏ nhoi trong màn u-ẩn thánng năm dài.

Ý YÊN

Sách Sáng Tạo

Hãy tìm đọc hai tác phẩm mới ấn hành của nhà xuất bản SÁNG TẠO :

● **LỜI DÂNG** thơ Tagore bản dịch Đỗ Khánh Hoan

● **NGƯỜI ĐẸP THÀNH ROME** (hay « Tôi làm đi ») một

kiệt tác của nhà văn thời danh Ý Alberto Moravia, bản dịch

Trần-văn-Điền

Vài ý nghĩ về Giải thưởng Dịch thuật 1971

Trong tạp chí VĂN số 186 (15-9-1971) ông bạn đồng nghiệp Thư-Trung, khi loan tin về Giải-thưởng Dịch-thuật do Phủ Quốc-vụ-khanh Đặc-trách Văn-hóa tổ chức, có đưa ra đề nghị là cơ quan tổ chức Giải thưởng nên công bố danh sách quý vị trong Hội đồng Chăm giải, viện lẽ sự công bố đó sẽ có thể khiến cho « những cây bút dịch tương đối có đôi chút uy tín » sẽ tham dự giải thưởng.

Đề nghị trên dường như đã được Ban Tổ chức Giải thưởng cứu xét, song đã không được ông Quốc-vụ-khanh tán đồng, dường như ông e ngại là sự công bố sớm danh sách sẽ khiến cho những người dự giải vận động này nọ (?)

Nỗi e ngại của ông Quốc-vụ-khanh không hẳn là không có lý, vì từ trước đã từng có nhiều vụ « xi-căng-đan » chung quanh các giải thưởng.

Tuy nhiên, ông Quốc-vụ-khanh dường như đã không xét tới khía cạnh « có uy tín » của những người mà đồng nghiệp Thư-Trung của chúng tôi nghĩ là họ sẽ chỉ tham dự giải thưởng một khi đã biết rõ thành phần Ban Giám khảo, đủ tin ở sự làm việc nghiêm túc, và đầy đủ liêm khiết (về trí năng) của quý vị Giám khảo đó.

Tại sao lại có sự « thí sinh » nghi ngờ « giám khảo » ?

Số là, một số dịch phẩm của Bộ Giáo dục xuất bản đã làm thất vọng những dịch giả « tương đối có đôi chút uy tín ». Chúng tôi sẽ chứng minh dưới đây qua hai dịch phẩm do Bộ xuất bản.

Mỗi cuốn vừa được Trung tâm Học liệu cho tái bản, là cuốn « Từ Hi Thái Hậu ». Đầy dẫy khắp cuốn sách, không biết bao nhiêu là lỗi lầm. Nội các danh từ riêng thôi, thấy lầm mà đã đủ « chết khiếp ». Đan cử :

— Tang : Đường, trong sách dịch là Thanh.

— Dương Quý Phi, dịch là Dương Quế Phi.

— thi sĩ Vương Duy, dịch là Hoàng Huệ.

— Vinh Lộc (người tình của Từ Hi) dịch là Phong Lữ.

— Đường Minh-Hoàng hoặc Đường Huyền Tông dịch là Đường Xuân Trung.

Thậm chí, cái điện để nhà vua tiếp khách, giới quen đọc truyện Tàu bình dân cũng biết tên gọi là điện Thái Hòa hoặc điện Cần Chánh Ấy vậy mà ông dịch giả cứ phoong phoong dịch là « điện tiếp khách ».

Cái sai lầm của dịch giả thật đáng trách, nhưng cái thông thái của cái gọi là « Hội đồng Duyệt » nghĩ cũng đáng sợ thay...

Cuốn thứ hai, chúng tôi bắt gặp, cuốn « Sự im lặng của biển cả », dịch Vercors, do một cây bút dịch « lão thành », nhân viên của Bộ dịch, lại cũng có cái gọi là « Hội đồng Duyệt » gồm 1 thuyết trình viên và 2 hội viên đại danh ghi rõ nơi đầu sách nữa, vị nào vị nấy đều là học giả lỗi lạc uyên thâm cả.

Vậy dịch giả THT đã dịch ra sao ?
và ba vị hội viên đã duyệt ra sao ?

Kể nhiều, e làm nhàm độc giả. Xin
chỉ đan cử vài ba lỗi sơ sơ, như sau :

— trang 15 (bản dịch) tác giả đề
tặng «A la mémoire de Saint-Paul-Roux
Poète assassiné». Như vậy, Saint-Paul-
Roux hẳn không thể là đàn bà. Ấy vậy
mà dịch giả khả kính của chúng ta
đã dịch là «Tặng hương hồn...»!

— trang 18. une jambe raide, dịch
phãng là một chân gỗ. Điều này, chắc
ông Littré phải soạn lại bộ tự điển của
ông mất rồi.

— trang 22, đoạn cuối, dịch thiếu
một mệnh-đề, hai chỗ liền ; sang trang
23, đoạn đầu, bỏ hẳn 1 câu không dịch.

— trang 111, câu «Tu es dans les hui-
les ?» dịch là : «Anh ở ngành kỹ nghệ
làm dầu ?» thì ngay đến một độc-giả học
hết chương trình tiểu-học thời trước
cũng phải đến giờ cả hai tay lên mà kêu
Trời !

— trang 115, mệnh đề «... il est
pommé», dịch là «nó béo tròn» thì quả
là tội cho Pháp ngữ. Nếu có ai béo tròn
ở đây, chắc chỉ là dịch giả, ba ông
hội đồng duyệt và Trung tâm Học liệu
nữa, tại sao không ?

— trang 122, chữ «le marbre»,
trong nhà in có nghĩa là cái bàn bằng đá
hoặc bàn kim khí để các bát chữ, mà
ông dịch giả lại dịch là cái «ghế đá hoa».

— trang 133, sau dòng thứ 6, ông
bỏ hẳn một dòng không dịch. Cùng
trang, có một lỗi sẽ làm ngắt sủu ngay
cả độc giả nào có vốn chữ Pháp ăn
đông nhất. Câu «je tombe tout de suite
dans les pommes» có nghĩa «tôi bị ngắt
sủu ngay tức khắc», mà dịch giả
dịch là «ngay lúc đầu, tôi gặp được
những bắp sen bình tưới». thì đến hẳn
như ông bụt cũng phải... phì cười.

Trên đây chúng tôi chỉ lược sơ sài
ít lỗi. Nếu cẩn thận duyệt lại (cái việc
mà lẽ ra ba ông của cái gọi là Hội đồng
Duyệt sách phải làm) thì có lẽ phải mất
trọn số trang của cả một tập báo «Bách
Khoa» mới nêu ra hết. Đó là việc thừa
và cũng hơi... uổng công !

Chúng tôi dự biết Bộ Giáo-dục không
phải là Phủ QVKĐTVH. Tuy nhiên,
cả hai cơ cấu đều là của chính quyền,
của Nhà nước. Việc làm văn-hóa của
hà nước lem nhem, bê bối như rúa,
bây giờ Nhà nước lại treo giải thưởng
về môn dịch thuật, rồi lại có vị dịch
giả kiểu trên, vị Hội đồng Duyệt kiểu
trên, thì nghĩ cũng thương thay cho cái
uy tín của giải thưởng. Và ở đây, bất
hạnh thay, rất có thể có cái cảnh «quít
làm cam chịu» nữa vậy.

Đâu đó, có một tác giả nào đã
viết đại ý «những ai xin xỏ, những ai
chấp nhận sự xin xỏ, đều không phải
là người làm văn nghệ». Chúng tôi
đồng ý với nhận định trên và mạo
muội đề nghị ông Quốc-vụ-khanh
Đặc-trách Văn hóa nên cho công bố, ngay
từ trước ngày khóa sổ nhận tác phẩm
dự Giải, bản danh sách những vị Giám
khảo. Việc làm đó, nếu làm tốt, sẽ nâng
cao uy tín cho Giải thưởng rất nhiều.

Dẫu sao đi nữa, ít ra, nó cũng tránh
được cái cảnh như trước đây, sau khi
được biết tin «trúng giải» (tuy không
dự thí), một học-giả đã phải phàn nàn
đại ý «trong ban Giám-khảo có tên X. nếu
y đến xin làm học trò tôi còn không
nhận, làm sao hẳn chấm được văn tôi !»
Vị học giả đó, như quý vị đều biết,
đã từ chối giải thưởng. Mong là Giải
thưởng Dịch thuật của PQVKĐTVH sẽ
không bị từ chối, kiểu trên ! ..

Tạp bút của NHẤT-ANH
(20-10-1971)

THỜI SỰ KHOA HỌC

Nobel Khoa học năm 1971

Hai giải Nobel về Vật-lý và Hóa-học năm nay lại được trao tặng cho 2 nhà bác học gốc Đức hiện cư ngụ tại hai nước khác nhau ngoài quốc-gia quê hương của họ.

Nhà bác-học Dennis Gabor, Giải Nobel Vật-lý, sinh tại Hung-gia-lợi, nhưng vào khoảng trước thế-chiến thứ hai ông phải chạy trốn khỏi Đức vì nạn độc tài quân phiệt Hitler và sang tạm trú tại nước Anh. Năm 1947 ông khởi đầu công cuộc nghiên cứu chính của mình về cách thức làm thế nào ghi lại những cảnh vật ngoài đời bằng chính hình ảnh trung thực trong không gian 3 chiều của chúng. Lý thuyết của Gabor đặt nền tảng cho môn "Holography" một ngành hoàn toàn mới mẻ của khoa-học hiện-đại.

Holography chụp một vật dưới 3 chiều không gian và xử dụng những tia sáng khác với tia sáng thông thường. Tia sáng của Gabor là một tia "tổng hợp" xuất phát từ một tia Laser, tia này bị tách ra thành 2 thành phần: một thành phần chiếu thẳng vào phim, một thành phần phản chiếu cảnh vật trước khi nhập với tia kia để ghi lại trên phim. Khi nhìn dưới ánh sáng thường thì phim này chỉ là những hình thù khó phân biệt, nhưng khi nó được chiếu sáng bởi một tia Laser dưới một góc độ thích hợp thì cảnh vật được chụp sẽ hiện ra đầy đủ cả 3 chiều: nếu người nhìn thay đổi vị trí thì sẽ thấy được cảnh

vật đó ở những khía cạnh khác nhau: phía trước, phía sau, bên hông...

Năm nay ông Dennis Gabor đã 71 tuổi, chắc ông sẽ không còn đủ thời gian để thấy ngày phát minh của mình được đem ra áp dụng vào vô tuyến truyền hình và điện ảnh.

Người cùng chia xẻ danh dự với Gabor năm nay trong giải Nobel Khoa học là Gerhard Herzberg, 66 tuổi, hiện là một công dân Gia-nã-đại. Ông được trao tặng giải Nobel về Hóa học nhờ ở những công trình khảo cứu của mình về cấu tạo của các phân-tử. Herzberg là người đầu tiên xác nhận được những thành phần của phân tử được hiểu là những gốc tự do. Lý thuyết của ông được áp dụng ở hầu hết các phòng thí nghiệm hóa học trên thế giới và là căn bản cho sự hiểu biết các phản ứng hóa học phức tạp.

Chim... bé con.

Các nhà thiên nhiên học vừa tìm thấy ở Mỹ-tây-cơ một loài chim kỳ lạ. Loài chim này, con trống có thể mang con ở dưới cánh của nó một cách an toàn như loại Kangooroo ở Úc châu đeo con ở trong túi da trước ngực.

Ông Alvarez, người tìm thấy loại chim này trước tiên cho biết chim mang chim con ở hai lỗ hồng nằm dưới hai cánh. Lỗ hồng ăn khuyết vào ngực chim trống và khi nó khép cánh lại thì chim con bị che dấu hoàn toàn. Lỗ hồng cũng đủ an toàn cho chim con khi chim trống dang cánh bay.

Alvarez không biết rõ làm cách nào mà chim trống có thể cắp con bỏ vào hai lỗ đó được, nó có thể mang như thế được bao lâu và tại sao lại không có vai trò của chim mái trong công việc đáng lẽ dành cho nó này.

Mariner 9 và Hỏa-tinh.

Sau hơn 5 tháng trời vượt qua 78 triệu dặm trong không gian, phi thuyền Mariner 9 đã lọt vào quỹ đạo của Hỏa tinh một cách an toàn. Các nhà bác học không gian hy vọng nó sẽ chụp hình được 70% diện tích bề mặt Hỏa tinh và cho nhiều hình ảnh về hai vệ tinh thiên nhiên của Hỏa tinh.

Mariner 9 được dành cho một thời gian là 3 tháng để thu thập tin tức và hình ảnh từ hành tinh nóng này và truyền về trái đất qua hai máy vô tuyến truyền hình cùng 3 bộ phận máy móc khác nữa. Quỹ đạo của phi thuyền có hình bầu dục và cách xa Hỏa tinh không đều với cận điểm là 750 dặm và viễn-điểm là 10.500 dặm. Công việc chụp hình của Mariner 9 còn sợ bị cản trở vì sự hiện diện của những đám mây bụi mù chung quanh hành tinh này.

☉ Những dụng cụ dùng tia tử-ngoại và tia hồng ngoại để đo nhiệt độ, cách cấu tạo của đất Hỏa tinh và phân tích các thành phần cấu tạo của bầu khí-quyển.

Người ta hy vọng Mariner 9 sẽ cung cấp nhiều tin tức quyết định về bản chất của Hỏa-tinh. Trái với quan niệm của các nhà thiên-văn-học thế

kỷ trước, quan niệm hiện đại cho rằng Hỏa tinh cũng như Trái đất chúng ta và 7 hành tinh còn lại của thái-dương-hệ, đều phát sinh đồng thời từ những mảnh vụn của mặt trời và đang thành hình những đặc điểm của mỗi hành tinh. Như thế, các nhà bác học hy vọng một ngày Hỏa tinh, trong sự liên tục của sự biến chuyển của nó, sẽ trở nên thích hợp cho sự nảy nở các sinh vật. Và biết đâu lúc đó chúng ta lại chẳng phải di cư nhân loại lên đó để tránh sự diệt chủng vì những thay đổi ở trái đất? Nói tóm lại thì Hỏa tinh là một hành tinh đang ở độ trưởng thành!

Trong chuyến đi của Mariner 9 lần này, nó còn có nhiệm vụ quan sát hai vệ tinh Deimos và Phobos, là hai thiên-thể đang quay quanh Hỏa tinh trong hai quỹ đạo tròn 12.000 và 3.800 dặm. Những máy móc trên Mariner 9 có thể chụp những vùng lớn bằng một sâu banh cho nên người ta hy vọng có được những bức hình khá tỉ mỉ về hai thiên thể kỳ lạ này.

Nối gót Mariner 9 là hai phi thuyền Mars 2 và Mars 3 của Nga. Hai phi thuyền này khởi hành sau Mariner 9 chừng vài tuần và người ta phỏng đoán là có thể chúng mang theo dụng cụ đổ bộ lên mặt Hỏa tinh như Lunokhod đã đổ bộ lên mặt Nguyệt cầu.

Vùng phía sau của Nguyệt cầu

Vùng phía sau hay mặt trái của Nguyệt cầu vẫn còn là một vùng bất khả xâm phạm đối với các phi hành

gia — ít nữa là trong vòng các chuyến bay Apollo sắp tới. Không như Trái đất, mặt trăng thiếu một lớp điện-từ để uốn cong các luồng sóng vô tuyến theo bề mặt của nó, do đó các tín hiệu vô tuyến không thể truyền đi tới phía sau mặt trăng, mặt khuất đối với trái đất và phi thuyền sẽ rơi vào trạng thái vô điều khiển khi rơi vào vùng này. Giây phút nguy hiểm nhất của các phi vụ Apollo là giây phút phi thuyền mất sau mặt trăng!

Nhờ những thí nghiệm của Apollo 14 và nhất là Apollo 15, người ta hy vọng có thể truyền các tín hiệu vô tuyến xuyên qua mặt trăng như kết quả cuộc nghiên cứu của hai nhà

thiên-văn vật-lý-học W. Salisbury và D. Fernald. Trong một cuộc thí nghiệm của Apollo 15, những tín hiệu đã được đánh đi khi phi thuyền bay vào vùng khuất này và đã được hai nhà bác học trên thu nhận được tại một trạm tiếp nhận đặc biệt.

Sự kiện quan trọng này làm cho các chuyến bay tương lai đỡ một phần nguy hiểm và có thể mở đường cho việc hoạch định các chuyến đồ bộ lên vùng đất khuất này của chị Hằng.

Ngoài ra, những tín hiệu có tần số khác nhau khi đánh xuyên qua Nguyệt cầu có thể được dùng để nghiên cứu cách cấu tạo của hành tinh này.

TỬ DIỆP

ASPRO

Pub: TẬP-TRÍ

trị:

CÁM CÚM
ĐAU NHỨC

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

KN 226.BYT

Buổi nói chuyện về Thoại Ngọc Hầu

Hội Ái-Hữu Cựu học sinh Trung học Thoại Ngọc Hầu thành lập từ 1969, hoạt động cho đến nay đã trải 3 nhiệm kỳ Ban Quản trị. Sáng lập viên là các cựu học sinh gặp các giáo sư, bác sĩ, dược sĩ... trong đó có các ông Lê-Văn-Trung, Phạm Văn Nhơn, Nguyễn thành Long Mã Xái...

Hội đã hoạt động nhiều về văn hóa, xã hội và Hội trưởng trong nhiệm kỳ III này là ông Trần Ngọc Phúc, Trưởng Ty Bưu điện An Giang. Hiện nay Hội đang dự trù đúc một pho tượng bán thân của Thống chế Thoại Ngọc Hầu để dựng tại sân trường Thoại Ngọc Hầu, một ngôi trường lớn và có uy tín xưa nay.

Để cho không khí sinh hoạt của Hội thêm phần khởi và việc góp phần đúc tượng được xúc tiến hiệu quả, Hội đã tổ chức một buổi diễn thuyết vào ngày 24 tháng 10, 1971 với đề tài: *Thoại Ngọc Hầu và các cuộc khai hoang miền Nam* và diễn giả là giáo sư, nhà văn Nguyễn văn Hầu.

Mặc dù hôm đó trời mưa suốt ngày không một lúc nào ngớt hạt, liên tiếp từ đêm hôm trước, nhưng thính giả vẫn tới dự đầy hội trường. Thành phần tham dự gồm các bác sĩ, giáo sư, các trưởng ty sở, sinh viên, giáo sinh và học sinh.

Buổi nói chuyện kéo dài 2 giờ 15 phút được bắt đầu từ 9 giờ 45 và sau đó là phần tham luận. Với những tài liệu hi hữu và những công trình khảo cứu công phu, diễn giả đã gây ngạc nhiên liên tiếp

cho thính giả.

Được biết đây là buổi nói chuyện lần đầu tiên mà Hội đã mời các giới trí thức ngoài học đường phụ trách. Các buổi diễn thuyết trước kia do các Giáo sư Đặng Trung Thành và Trương Kim Loan, Giáo sư Nguyễn ngọc Huy và Giáo sư Lý Chánh Trung.

Sách mới

Tuy « Cách mạng kinh tế mùa thu » đã phá giá đồng bạc và làm vật giá leo thang vùn vụt, giấy in sách báo cũng được cách-mạng chiếu cố tận tình như một xa xỉ phẩm, nhưng mấy cuốn sách biên khảo quan trọng may mắn lọt lưới cách-mạng — vì được in bằng công in và giấy báo tiền-cách-mạng — nên đã ra đời xuôi xả hoặc sắp sửa chào đời:

Trước hết là « *Nguồn gốc Mã-lai của dân tộc Việt-nam* » của nhà văn Bình Nguyên Lộc, mà Bách Khoa đã phỏng vấn tác giả trong số này. Cuốn sách sưu khảo lớn dày 900 trang, in chữ nhỏ (romain 8) được giới thiệu là có « 200 biểu đối chiếu sự và ngôn ngữ Việt-Mã và nhiều khám phá mới lạ về thượng cổ sử 5000 năm của dân tộc Việt-nam ». Người ta được biết tác giả, trước khi cho sắp chữ, đã phải lọc lại và bớt đi khoảng 500 trang vì sợ cuốn sách quá dày, khó bán — giá hiện nay đã là 950đ. Vì cố gắng quá độ để hoàn thành cuốn sách trên mà cách đây 2 năm nhà văn Bình Nguyên Lộc bị bệnh huyết áp cao, có lúc đã phải ngưng hẳn việc viết lách.

Bình Nguyên Lộc, được mọi người biết như một nhà văn sáng tác, mà đột nhiên bỏ ra 16 năm để học và viết một

cuốn sách khảo cứu với phép đo số, ngữ học, sử học, tiền-sử-học .v.v., đã làm chúng ta ngạc nhiên. Nhưng trước đó, Phan Du, cũng là một nhà văn sáng tác, đã bỏ ra 5, 6 năm liền để đọc sách và viết thành cuốn *Truyện Con Người* (1968), một tiểu truyện theo quan-điểm tiến-hóa-luận, sách khổ lớn do Cảo Thơm xuất bản, dày trên 400 trang. Và theo chiều hướng nghiên cứu này Ông Phan-Du còn sắp in cuốn *Văn-hóa tiền - sử* nữa. Mới đây, tác giả « *Truyện con người* » có cho ra một cuốn sách được rất nhiều người ưa thích : « *Mộng Kinh sư* » cũng do nhà Cảo Thơm xuất bản. Trong một lá thư viết cho Bách-Khoa, anh có tâm sự như sau :

« Tôi không phải là sử gia. Không có cao vọng viết sử. « *Mộng Kinh-sư* » chỉ là một món nợ văn chương của tôi đối với Cổ-đô, nơi tôi từng sống cả một thời thơ ấu và lại đã sống rất nhiều lần vào thời tráng niên. Nơi đây còn là quê vợ. Cái ấn tượng ảo mộng của nghiệp vương, nghiệp bá thường đập mạnh vào tâm tưởng tôi với cảnh tiêu điều hoang phế của thành quách cung điện. Và những gì « *trên nền rực-rỡ vinh-quang cũ, cờ biển nghìn xưa óng khải triền* » (Đông-Hồ) luôn luôn như đòi hỏi tôi phải làm sống lại cái quá trình diễn tiến của Kinh sư để nói lên cái ý nghĩa còn đáng được ghi nhận qua bao tuồng mộng ảo. »

Giáo sư Bùi Hữu Sùng và Vũ Văn Kính cũng vừa cho xuất bản cuốn « *Đoạn Trường Tân Thanh* » khảo lục, đúc kết theo 3 bản nôm của Kiều thị Oánh Mậu (1905), của Quan Văn

Đường (1925) và đặc biệt là bản của Duy Minh Thị in tại Trung-quốc năm 1879. Sách gồm 2 phần : 128 trang in typo và 208 trang in offset phần chữ nôm, nên rất hữu ích cho độc giả nào muốn nghiên cứu về hình tự của chữ Nôm ở thế kỷ 19 và muốn tìm nguyên tác Nguyễn Du. Người ta thấy có nhiều « âm » rất cổ, chưa có mặt trong các bản quốc ngữ hiện lưu hành.

Giáo sư Bùi Hữu Sùng cho biết cuốn trên chỉ tạm coi là « kê khai thi liệu ». Hai ông đã soạn xong cuốn kế tiếp nhan đề : *Đoạn Trường Tân Thanh tân bản*.

Cuốn này do 3 bản nôm và 5 bản quốc ngữ đúc kết và sắp xếp theo Cơ-cấu-thuyết (trong đó có phê phán để nêu rõ nên giữ « âm » nào). Hai ông còn đang soạn cuốn thứ 3 mang tên là : *Đoạn trường tân thanh dưới ánh sáng phê-bình cơ-cấu* (La structure et la signification du *Đoạn Trường Tân Thanh*). Có thể còn một cuốn thứ 4 về : « Các nẻo đường hiện tại của phê bình » nữa, trong đó tất nhiên có phê bình theo cơ-cấu thuyết.

Ngoài ra Dược sĩ Đỗ Đình Tuân, một cây bút trẻ đã viết về « *Lược sử Đông y tại Trung-hoa và V.N* », trên Bách Khoa các số 347, 348 cũng sẽ cho xuất bản vào tháng 2 năm tới một cuốn sách 500 trang khổ lớn mang tên là *Đông-y lược-khảo*.

« Cách mạng kinh tế » mà được ban bố vào mùa hạ thay vì mùa thu thì chắc hẳn các sách trên đây khó mà có thể chào đời được !

THU THỦY

Đã phát hành

VẬT LÝ Lớp 12AB Tập 2

có thêm cách giải toán các loại

NGUYỄN TRỌNG THI — PHẠM THU

Đang in

CÂU HỎI GIÁO KHOA VẬT LÝ

Luyện thi Tú Tài 2 AB

NGUYỄN TRỌNG THI — PHẠM THU

THỐNG NHẤT *phát hành* **ĐẠI DƯƠNG** *xuất bản*

—●—

Mua ngay đọc kỹ

Để biết ai giết : Đại tá PHẠM NG. THẢO

*Sau Cách mạng 11 - 63 đã được phơi bày
trong cuốn :*

NHỮNG CÁI CHẾT TRONG CÁCH MẠNG 1-11-63

Tổng phát hành **THỐNG NHẤT**

117, Đại lộ Lê Lợi Saigon

Thời sự thế giới

Trong những tuần qua người ta vẫn tiếp tục chú ý tới việc Trung-Cộng được gia nhập Liên-Hiệp-Quốc. Sự hiện diện của Trung-Cộng tại Nũ-ước đã đặt nhiều vấn đề tế nhị cho chính phủ Hoa-kỳ.

Chính phủ này tuy nhiên cũng đang lúng túng trong thái độ đối với Nga, Cuộc hội đàm về tiết giảm vũ-khí chiến thuật (SALT) được triệu tập phiên thứ 6 tại thủ đô Áo Vienne, nhưng Hoa-thịnh-đốn chưa biết có nhượng bộ hay không.

Tại Trung-Đông một phái đoàn gồm 4 vị Quốc trưởng Phi-Châu đã được Tổ chức Thống nhất Phi-châu trao cho sứ mạng đi tìm hòa bình. Nhưng Do-Thái đã thêm một lần nữa phá chính sách hòa giải của ông Rogers bằng cách khước từ mọi đối thoại nếu Mỹ không bán thêm phản-lực-cơ chiến đấu.

Phái đoàn Trung Cộng tới Nũ-ước

Phái đoàn Trung-Cộng gồm có 52 người do Kiều Quán Hoa, Thứ trưởng Ngoại-giao Bắc-kinh, hướng dẫn, đã từ Bắc-kinh tới, trong đó có tay siêu-gián-điệp Kao Liang. Hoàng Hoa từ chức Đại-sứ tại Gia-nã-đại để giữ chức Đại-diện thường trực của Trung-Cộng tại Hội-đồng Bảo-an.

Phái đoàn Trung Cộng đã chiếm gần hết tầng lầu thứ 14 của khách sạn Roosevelt và trả tiền thuê mất 36.750 Mỹ kim một tháng. Như các phái

đoàn Albanie và Cuba, phái đoàn Trung-Cộng cũng bị các nhà cầm quyền Mỹ coi là «thù nghịch», nên mọi di chuyển đều bị giới hạn, không được đi khỏi Manhattan, nơi đặt trụ sở Liên-Hiệp-Quốc, quá 40 cây số.

Trong hành lang Liên-Hiệp-Quốc cũng như ra đường, phái đoàn Trung Cộng đã luôn luôn cười duyên với các phái đoàn khác và với dân chúng.

Nhưng thái độ chinh phục của Trung Cộng vẫn không thay đổi khi họ dự phiên họp đầu tiên tại Đại Hội-đồng, Kiều Quán Hoa đã dùng những lời lẽ kém ngoại giao để đả kích Mỹ sau khi Mỹ cất tiếng chào mừng hội viên mới. Ngoài ra Kiều Quán Hoa còn tiếp tục đòi cách mạng thế giới.

Chính phủ Hoa-thịnh-đốn tỏ ra hết sức thất vọng về thái độ của Trung-Cộng. Ông Nixon hy vọng rằng Trung-Cộng gia nhập Liên-Hiệp-Quốc, bang giao giữa Hoa-thịnh-đốn, và Bắc-kinh sẽ được cải thiện. Kiều Quán Hoa đã tỏ cho người ta biết rằng bài toán kinh tế của Hoa kỳ là sai.

Không phải chỉ riêng Hoa-kỳ tính sai mà Nhật cũng ở trong tình trạng tương tự. Biết rằng Nhật nhắm thị trường Hoa-lục nên Bắc-kinh đã tỏ ra cứng rắn. Thủ tướng Chu-Ân-Lai ra điều kiện là chỉ thiết lập bang giao với Nhật nếu nước này đoạn giao với Đài-loan và Thủ-tướng Sato bị thay thế. Người ta có cảm tưởng

là Trung-Cộng đang cố gắng khai thác thắng lợi ngoại giao của mình để củng cố địa vị trên trường quốc-tế.

Bối rối của Hoa-kỳ tại cuộc hội-dàm giới-hạn vũ kh-

Cuộc hội đàm giới hạn vũ khí chiến thuật (SALT) đã nhóm họp kỳ thứ 6 tại Vienne. Trong hai năm nhiều tiến bộ đã được thực hiện. Hiện thời chỉ còn vấn đề kích thước và địa điểm của các hệ thống hỏa tiễn phòng thủ là chưa được giải quyết. Các nhà ngoại giao Mỹ hy vọng rằng trong kỳ thứ 6 này người ta sẽ đi đến một thỏa hiệp.

Nhưng Tổng-thống Nixon lại tuyên bố rằng trong chuyến đi Mạc-tư khoa của ông vào tháng 5 tới, ông sẽ đề cập trực tiếp vấn đề giới hạn vũ khí với nhà cầm quyền Nga. Nhưng vào tháng 5 ông Nixon sẽ không còn đủ quyền hành như trước vì năm 1972 là năm bầu cử. Phe Nga có thể lợi dụng thế chính trị yếu kém của ông Nixon mà bắt Mỹ phải nhượng bộ. Một thỏa hiệp Nga-Mỹ sẽ là một lợi khí tranh cử của ông Nixon. Nga biết như vậy nên họ sẽ chỉ thỏa hiệp nếu Mỹ nhượng bộ. Các đối thủ chính trị của ông Nixon, ngay từ bây giờ, đã tố cáo là ông Nixon sẵn sàng hy sinh quyền lợi của Hoa-kỳ để được tái đắc cử Tổng-thống.

Vì vậy mà ông Nixon đã hết sức

lúng túng dù một thỏa hiệp có lợi cho Mỹ đến như thế nào ông cũng bị phe đối lập đả kích. Chuyến đi Nga của ông do đó sẽ không mang lại một sự thay đổi nào lớn lao khi mà ông còn chưa tái đắc cử Tổng thống.

Chính sách Rogers thất bại tại Trung Đông

Tổ chức Thống nhất Phi châu đã cử 4 vị Quốc trưởng Phi là các ông Léopold Senghor, Tổng thống Sénégal, Yabubu Gowon, Tổng thống Nigeria Amadou Ahidjo, Tổng thống Cameroun và Mobutu, Tổng-thống Congo Kinshasa tới Tel Aviv, thủ đô Do-thái để đi tìm một giải pháp cho cuộc tranh chấp Do-thái — Ả-rập.

Từ trước tới nay Tổ chức này luôn luôn có một lập trường thân Ả-rập nên bà Golda Meir, Thủ tướng Do-thái, không mấy nồng nhiệt trước sáng kiến trên. Nhưng 4 nhân vật tới viếng thăm này đều là những người có uy tín ở Phi-châu nên Chính phủ Tel Aviv đã phải tỏ chức tiếp rước hết sức long trọng. Tuy nhiên bà Meir đã nhấn mạnh rằng Do-thái sẽ không nhượng bộ. Bà còn khước từ mọi cuộc đàm thoại nếu Mỹ không chịu bán thêm phân lực cơ chiến đấu cho Do-thái để tái lập thế quân bình lực lượng.

Tổng thống Ai-cập Anwar Sadat đã vội vã tuyên bố là lập trường của Do thái không chấp nhận được. Và ông đã quyết định từ nay trực tiếp điều khiển quân đội Ai Cập để đối phó với các cuộc đụng độ ở biên giới hai nước.

Phái đoàn 4 vị Quốc trưởng Phi-châu sau khi tới Jerusalem và Le Caire đã trở về tay không và hẹn cuối tháng 11 sẽ trở lại với những đề nghị cụ thể. Nhưng các vị này khi trở lại Trung-Đông sẽ phải đối phó với một tình thế mới. Thượng Nghị viện Hoa kỳ vừa quyết định cho phép chính phủ bán phần-lực-cơ cho Do thái. Quyết định này sẽ tăng cường khả năng quân sự của Do thái và người ta tin rằng Do thái sẽ vì đó mà tỏ ra cứng rắn hơn nữa.

TỪ TRÌ

CẦN MUA BÁO CŨ.

Chúng tôi hiện cần mua lại những số VẤN cũ sau đây : 3, 4, 7, 8, 10, 11, 12, 13, 14, 16, 30, 32, 34, 37, 41, 43, 53, 55, 60, 61, 62, 64, 68, 70, 71 và 93.

Vì nào dư dưng, xin nhượng lại, theo giá quý vị tự định và xin gửi về cho :

Ông Trần Phong-Giao
số 150 Phan Thanh Giản, Sàigòn 3.

Xin được chân thành cảm ơn trước quý vị.

NHẮN TIN

Bằng hữu xa gần : Tôi đã dời đi nơi khác. Xin đừng viết thư về địa chỉ cũ nữa.

(Phạm Cao Hoàng)

Lê thị Huệ : Hôm 6-11 có về Q N, ghé lại nhà có gặp Lan và Mai. Huệ liên lạc với em Mai để nhận thư và quà. Chúc vui và may mắn. (Hoàng)

Đón đọc :

TUỔI THƠ

của Maxime Gorki

Bản Việt văn của Vũ-Minh-Thiều

Đây là tác phẩm chính của GORKI, trong đó kỳ tài của đại văn hào biểu lộ rõ rệt nhất. Một tự truyện chất phác, không cầu kỳ, hưng nhuộm đủ màu sắc : kín đáo, linh động, thấm thía, khó quên được. Một lối diễn tả của TOLSTOÏ nhưng tính cách cá nhân nổi bật hơn : không nặng nề, đen tối; hay như một bài thơ thuần khiết, không chút giả tạo..

TRÍ ĐĂNG xuất bản

HỘP THƯ

Tạp chí Bách Khoa đã nhận được những bài của quý bạn sau đây :

Trịnh Khả Nguyên (Một chút nắng vàng) ; Thị độ opt (Niềm vui bệnh viện) ; Lan Sơn Đài (thơ, Nắng chiều Xuân cũ) ; Nguyễn Phước (thơ) ; Trần Vạn Giã (thơ) ; Đoàn Bằng Hữu (thơ) ; Bùi Nhung (thơ) ; Phạm Ngọc Lư (Lửa cháy bên kia đằm) ; Huỳnh Kim Sơn (thơ) ; Luân Vũ (thơ) ; Trần Ngọc Kim (thơ) ; Fu (thơ) ; Nguyễn Nam Kha (thơ) ; Trần Dza Lữ (thơ) ; Tống Châu Ân (Lạnh mùa sau ; thơ ; Cái bật lửa «Zippo».) ; Phạm Văn Bình (thơ) ; Nguyễn Tường Văn (thơ) ; Thiên Dy (thơ) ; Hồ Minh Dũng (Đám mây sau nhà) , Trần Quang Thiếu (thơ) ; Huy Chuân (thơ) ; Công Phương (thơ) ; Lê Duy Hùng (thơ) ; Nhứt Điểm Hoàn (thơ) ; Phan Cung Nghiệp (thơ ; Chỗ trú nắng một đời ; Trên chiếc bóng quanh hiu) ; Vũ Thành Lâm (thơ) ; Lê Bao Anh (Mặt trời buồn) ; Từ Chương (Trên giường xa lạ) ; Nguyễn Đức Nhân (thơ) ; Linh Dũng (thơ) ; Mặc Uyên (thơ) ; Lê Văn Trung (thơ) ; Phạm Uyên Nhi (thơ, Hồng Thụy (thơ) ; Khuê Việt Trường (thơ ; Một ngày sẽ đến) ; Nguyễn Quốc Dũng (thơ) ; Phạm Nguyễn Hồ (thơ) ; Phan Xuân Nguyên (Một cuộc hành quân hy hữu) ;

Những bài sẽ đăng chúng tôi sẽ liên lạc với quý bạn bằng thư riêng hoặc sẽ nhắn tin trên các số Bách Khoa tới đây.

— Ông Uyên Hà (Đà Nẵng). Đã đăng tin trên Bách Khoa số 357 (15-11) và hoàn lại anh bưu phiếu, Hai bài thơ

kết trang quá chưa cho đi ngay được, đành để số tới vậy.

— Một nhóm chúng sinh (Huế) Chúng tôi đã chuyển thư của quý bạn cho tác giả truyện đó và đương đợi trả lời.

CÁO LỖI

Truyện dài « TUỔI TRẺ HƯ KHÔNG » rất tiếc không thể tiếp tục đăng tải trên Bách Khoa được nữa, sau khi đã đăng được khoảng một phần ba toàn truyện.

Lý do là vì tác giả đang gặp nhiều khó khăn trong hoàn cảnh sống hiện tại. Hơn nữa, việc đăng mỗi kỳ từng đoạn ngắn đôi khi gây những trở ngại cho việc sáng tác (thúc bách, gấp gáp v.v...) và cũng làm cho độc giả khó có cái nhìn trung thực vào toàn bộ kiến trúc của tác phẩm.

Tuy nhiên, hiện tác giả đang cố gắng hoàn thành, sửa chữa, tăng bổ và sẽ giao bản thảo trọn vẹn của truyện dài này cho nhà TRÍ ĐĂNG. Sách sẽ xuất bản vào đầu năm 1972, dày khoảng 400 trang.

Xin thành thật cáo lỗi cùng tạp chí Bách Khoa và quý vị độc giả.

HOÀNG NGỌC TUẤN

NHẮN TIN RIÊNG :

Chúng tôi rất mong được liên lạc với nhà thơ Trúc Khanh (dường như hiện đang dạy học). Vị nào quen biết xin vui lòng mách giùm. Chân thành cảm tạ.

Trần Phong-Giao
150, Phan-Thạch-Giản Sai-gòn 3

Willy Brandt, giải Nobel hòa bình 1971

(tiếp theo trang 16)

phương-tiền bắt Tây-phương phải kính nể Tây Đức hơn.

Trong mấy tháng đầu năm 1970 Bộ Ngoại giao Tây-Đức đã gần như không còn ai, vì Thủ-tướng Willy Brandt đã gửi nhân viên của Bộ đi cùng cả Đông-Âu để phát-huy chính-sách hòa giải và qua các nước Tây-phương như Anh, Mỹ, Pháp để giải-thích chính sách này. Để tỏ ra rằng mình không muốn xé lẻ ông Willy Brandt cũng đã đích thân sang Paris, Hoa-thịnh-đốn và Liên-đồn. Đi tới đâu ông cũng nhấn mạnh rằng « Chính-sách Đông-phương bắt nguồn từ Tây-phương ». Nhưng dù làm thế nào đi nữa thì Hoa-kỳ và nhất là Pháp cũng vẫn nghi là ông Willy Brandt muốn có một chính-sách thân phe Cộng sản để bắt bớ Tây-phương và để độc lập với Tây-phương. Ngoài ra Pháp và Mỹ không tha thứ cho ông Willy Brandt đã cướp mất sáng-kiến của họ.

Nga cũng muốn dùng kế ly gián nên khi thì tỏ ra niềm nở với Pháp, khi thì vui vẻ bắt tay với Tây-Đức. Ngoài ra vì tình hình kinh-tế và kỹ thuật trong nước còn yếu kém nên Nga cũng muốn cộng tác với Tây-Đức để hưởng viện trợ.

Sau hơn nửa năm hoạt động ngoại-giao ráo riết, Ông Willy Brandt đã sang Mạc-tư khoa để ký với Nga một hiệp-ước « tương trợ và bắt tương xâm ». Bằng hiệp-ước này Đức thừa nhận đường ranh giới Oder — Neisse và hứa sẽ viện trợ cho Nga. Ngay sau đó một hiệp-ước tương tự cũng được ký kết giữa Đức và Ba lan. Đồng thời ông

cũng đã tiếp xúc trực tiếp hai lần với Thủ-tướng Đông-Đức Willi Stoph để bàn bạc về việc thống nhất nước Đức.

Các hiệp-ước Tây Đức - Nga và Tây - Đức - Ba - lan đã chính thức hòa-giải giữa dân tộc Đức và các dân tộc nạn nhân của các cuộc xâm lăng Đức trong quá khứ. Khi tới thủ đô Ba lan vào tháng 11-1970, Willy Brandt, trong một phút xúc động, đã quì xuống trước khu Do-thái để tưởng niệm những người Do-thái bị Hitler tàn sát trong kỳ Đệ-nhị thế-chiến. Nhiều người cho rằng ông đóng kịch nhưng cử chỉ này dù sao cũng nói lên ý chí hòa-giải của ông.

Khi được trao tặng Giải thưởng Nobel về hòa bình, Willy Brandt đã tỏ ra lúng túng hơn là vui mừng : Thật vậy, chính-sách hòa-giải của ông chưa thành công mỹ mãn, các hiệp-ước ký với Nga và với Ba lan chưa được Quốc-hội Đức duyệt y mà ông ta được người ta tuyên dương công trạng. Khi được loan báo tin này cả Quốc-hội Đức đã đứng dậy vỗ tay hoan hô và cả thế-giới kể cả Nga, Mỹ, Anh, Pháp đều gửi điện văn chúc mừng. Nhưng các đối thủ của ông trong nước vẫn cho rằng Quốc-hội Na-uy, khi trao tặng Willy Brandt giải thưởng Nobel về hòa bình, đã muốn ủng hộ một người Đức đã từng có quốc-tịch Na-uy, đã từng mặc quân-phục Na-uy và lấy vợ người Na-uy. Giải Nobel, do đó có thể cản trở chính sách Đông-phương của Willy Brandt hơn là yểm trợ chính sách đó. Nhưng dù có màu sắc chính trị đi nữa thì quyết

định của Quốc-hội Na-uy cũng nói lên khát vọng hòa-bình của người dân Âu-châu. Khi trao giải Nobel về hòa-bình cho Willy Brandt người ta cũng trao luôn cho ông trách nhiệm duy trì và củng cố nền hòa-bình ở Âu-châu nói riêng và trên toàn thế giới nói chung.

oOo

Được cử làm Thủ-tướng Tây Đức vào ngày 20.11.1969 được tặng thưởng giải Nobel về hòa bình ngày 21.11.1971, ông Willy Brandt đã mừng lễ kỷ-niệm hai năm cầm chính quyền của mình trong một niềm hy vọng mới. Trong sứ mạng đi tìm hòa bình cho thế giới, trong sứ mạng tẩy rửa đầu óc hiếu chiến của dân

tộc Đức, ông Willy Brandt có thêm nhiều yếu tố để thành công. Với một vị Thủ-tướng đoạt giải Nobel về hòa bình, Đức sẽ mất dần mặc cảm tội lỗi. Với một vị Thủ-tướng đoạt giải Nobel về hòa bình, Tây Đức còn đi xa hơn nữa trên con đường hòa giải giữa các dân tộc. Khi quyết định trao giải thưởng Nobel về hòa bình cho Willy Brandt, Quốc-hội Na-uy vô tình hay hữu ý đã biến nước Đức từ địa vị của một quốc gia hiếu chiến, gây hấn, xâm lăng, thành một quốc gia không những ưa chuộng hòa bình mà lại còn là một nước tượng trưng cho sự hòa giải giữa các quốc gia thù nghịch trên thế giới.

TỪ TRỊ

Tin Mừng

Hay tin đám cưới tập thể của các bạn :

NGUYỄN ÂU HỒNG và NGUYỄN THỊ LỆ

NGUYỄN SA-MẠC và NGUYỄN THỊ THIÊN-HÀ

đã được cử hành tại Nha-trang, vào ngày 2 - 11 - 1971.

Thành thật chúc ÂU-HỒNG, LỆ và SA-MẠC, THIÊN-HÀ trăm năm hạnh phúc.

BẰNG HỮU Ở NHA TRANG, TUY-HÒA, SAIGON.

Chia Vui

Được tin : VŨ CÔNG DUY LIÊM

sẽ cùng : TRẦN THỊ KIM MỸ

đưa nhau về bến Mộng tại Huế ngày 11-11-1971.

Thành thật chúc mừng đôi uyên ương vững tay phất cờ hạnh phúc đến trăm năm.

Trần Dza Lữ

Hoàng đăng Nhận